

CÔ-LÔ-SE

Warren W. Wiersbe

1. TỪ PHAO-LÔ BẰNG TÌNH YÊU (Co 1:1-2)

Các thiên thể có ảnh hưởng gì đến đời sống chúng ta không? Nhiều triệu người theo dõi lá số tử vi của họ hằng ngày sẽ nói: “Có!” Tại Hoa Kỳ, mỗi ngày có khoảng 1750 nhật báo, trong số đó có đến 1220 tờ có đăng các dữ kiện chiêm tinh học như thế!

- Có liên hệ gì giữa việc kiêng ăn với sinh hoạt thuộc linh, hay không?

- Đức Chúa Trời phán dạy trực tiếp cho chúng ta, hoặc trong tâm trí, hay chỉ qua trung gian Lời Ngài là Thánh Kinh mà thôi.

- Các tôn giáo phương Đông có đem được điều gì đến cho Cơ Đốc nhân theo đạo Tin Lành không?

Các câu hỏi này thoạt nghe có vẻ như rất hiện đại. Thế nhưng đó lại chính là các vấn đề của Phao-lô đã đề cập trong bức thư đẹp đẽ gửi cho người Cô-lô-se của ông. Ngày nay, chúng ta vẫn cần đến bức thư quan trọng này cũng như người Cô-lô-sê đã cần đến nó ngay từ năm 60 SC, lúc Phao-lô viết ra nó.

Thành phố: Cô-lô-se là một trong ba thành phố tọa lạc cách Ê-phê-sô 100 dặm trong đất liền. Hai thành phố kia là Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-bô-li (Co 4:13,16). Khu vực này là giao điểm của phương Đông và phương Tây vì con đường giao thương quan trọng đi ngang qua đó. Đã có một thời cả ba thành phố này đều cùng tăng trưởng và hưng thịnh, nhưng lần lần, Cô-lô-se bị tuột xuống địa vị thứ yếu. Nó trở thành điều mà chúng ta gọi là một thị trấn nhỏ. Thế nhưng Hội Thánh tại đó là quan trọng đủ để xứng đáng được sứ đồ Phao-lô chú ý.

Trong khu vực quốc tế này, mọi triết lý đã lẫn lộn vào nhau, và những tay bán rao tôn giáo thì đầy dẫy. Tại Cô-lô-sê có một cộng đồng dân Do Thái định cư đông đảo, cũng luôn luôn có một phong trào về các tư tưởng và giáo thuyết mới từ phương Đông tràn vào. Đây là một vùng đất phi nhiều cho các suy lý tôn giáo và tà thuyết!

Hội Thánh: Có lẽ Tân Ước đã chẳng bao giờ đề cập Cô-lô-se nếu như tại đó không có Hội Thánh. Thành phố ấy đã chẳng hề được sách Công vụ Các Sứ Đồ nêu tên, vì Phao-lô không thành lập Hội Thánh tại đó, cũng chẳng bao giờ đến thăm Cô-lô-se. Ông chỉ được nghe nói về đức tin của họ mà thôi (Co 1:4,9), chớ chưa bao giờ đích thân nhìn thấy các tín hữu này (2:1). Đây là một Hội Thánh gồm những con người không ai biết, trong một thị trấn nhỏ, đã nhận được một bức thư được linh cảm của vị đại sứ đồ Phao-lô!

Hội Thánh Cô-lô-se đã bắt đầu như thế nào? Nó là kết quả phụ của ba năm chức vụ của Phao-lô tại Ê-phê-sô (Cong 19:1-41 20:17-38). Hội Thánh tại Ê-phê-sô đã làm chứng đạo rất có kết quả đến độ “mọi người trong cõi A-si cả người Giu-đa lẫn người Gờ-réc đều nghe đạo Chúa” (Cong 19:10). Số người này bao gồm luôn dân chúng tại Cô-lô-se, Lao-đi-xê, và Hi-ê-ra-bô-li.

Khi chúng ta khảo xét các nhân vật có liên hệ trao đổi thư từ với Phao-lô lúc ông bị tù (xem các thư Ê-phê-sô, Phi-líp, Cô-lô-se, Phi-lê-môn và ITi-mô-thê), chúng ta có thể nhập chung cả câu chuyện lại để biết Hội Thánh Cô-lô-se đã được thành lập như thế nào. Trong thời gian Phao-lô thi hành chức vụ tại Ê-phê-sô, ít nhất đã có hai người từ Cô-lô-se đến đã được hướng dẫn để tin nhận đạo Chúa, đó là Ê-pháp-ra và Phi-lê-môn (Phil 1:19). Rõ ràng Ê-pháp-ra là một trong những nhà sáng lập chủ chốt của Hội Thánh tại Cô-lô-se, vì ông đã chia sẻ Phúc Âm với các bè bạn tại đó (Co 1:7). Ông cũng đã có một chức vụ tại hai thành phố Hi-ê-ra-bô-li và Lao-đi-xê (Co 4:12,13).

Phi-lê-môn thì có một Hội Thánh nhóm lại trong nhà mình (Phil 1:2). Có lẽ Áp-bi và A-chíp được đề cập trong câu này chính là vợ và con trai của Phi-lê-môn, và A-chíp là mục sư của Hội Thánh ấy (Co 4:17).

Ở đây có một bài học rất hay cho chúng ta: Đức Chúa Trời không luôn luôn cần đến một vị sứ đồ hay “một cán sự Cơ Đốc, làm việc trọn vẹn thì giờ” để thiết lập một chức vụ phục vụ Chúa. Ngài cũng chẳng cần những ngôi nhà đẹp đẽ, những tổ chức đồ sộ. Ở đây, chúng ta có hai người tín đồ bình thường đã được Đức Chúa Trời dùng để bắt đầu các chức vụ trong ít nhất là ba thành phố. Chính là theo kế hoạch của Đức Chúa Trời mà các Cơ Đốc nhân trong các khu vực đô thị lớn, như Ê-phê-

sô, phải đến với các thị trấn nhỏ hơn để chia sẻ Phúc Âm. Hội Thánh của bạn có đang tiếp tay truyền giảng Phúc Âm cho công cuộc truyền giáo cho các “thị trấn nhỏ” hay không?

Hội chúng tại Cô-lô-se gồm phần lớn các thành viên là người ngoại quốc. Các tội mà Phao-lô nêu tên (Co 3:5-9) vốn được kết hợp phổ biến với người ngoại quốc, còn câu ông nói về huyền nhiệm thì áp dụng nhiều cho người ngoại quốc hơn là người Do Thái (1:25-29). Có lẽ Hội Thánh đã được năm tuổi khi Phao-lô viết bức thư này.

Con khủng hoảng: Tại sao Phao-lô lại viết bức thư này cho Hội Thánh tại Cô-lô-se? Vì con khủng hoảng xảy ra tại đó sắp huỷ diệt chức vụ của Hội Thánh. Nhờ đối chiếu với các bức thư trong tù khác (của Phao-lô), chúng ta có thể tái tạo các biên cố đã xảy ra như sau đây:

Bây giờ, Phao-lô đang bị cầm tù tại Rô-ma, (Cong 21:17-28:31). Ông gặp một nô lệ trốn chủ tên Ô-nê-sim, thuộc quyền sở hữu của Phi-lê-môn, một trong các lãnh tụ của Hội Thánh tại Cô-lô-se. Phao-lô đã hướng dẫn Ô-nê-sim tin Chúa. Rồi ông viết một bức thư gọi cho Phi-lê-môn, yêu cầu bạn mình tha thứ cho Ô-nê-sim và nhận lại người này như một anh em trong Chúa.

Cũng gần như cùng lúc ấy, Ê-pháp-ra đến Rô-ma vì cần được Phao-lô giúp đỡ. Một số tà thuyết mới được truyền dạy tại Cô-lô-se, đang xâm nhập Hội Thánh và tạo ra nhiều vấn đề. Cho nên Phao-lô viết bức thư này cho người Cô-lô-se nhằm phản bác các tà thuyết ấy và xây dựng chân lý của Phúc Âm.

Ê-pháp-ra ở lại với Phao-lô tại Rô-ma (Co 4:12,13). Ô-nê-sim và Ti-chi-cơ đưa các thư tín đến các địa chỉ chúng cần được gửi đến: Eph 6:21 Co 4:7-9 và cho Phi-lê-môn. Ê-pháp-ra được gọi là “bạn đồng tù” với Phao-lô, một tước hiệu cũng đã được dành cho A-ri-tạc (Phil 1:24 Co 4:10). Điều này gợi ý rằng Ê-pháp-ra đã tự nguyện ở lại với Phao-lô để giúp đỡ ông. Cả A-ri-tạc lẫn Ê-pháp-ra đều không phải là tù nhân vì vi phạm luật pháp và bị bắt giam. Họ chỉ là các bạn đồng hành tự nguyện của Phao-lô, hi sinh chính sự an nhàn tiện nghi của mình để giúp đỡ Phao-lô.

Thế tà giáo nào đang đe dọa sự bình an và thuần túy của Hội Thánh Cô-lô-se? Đó là một hỗn hợp triết lý phương Đông với chủ nghĩa duy luật Do Thái, với những yếu tố mà các học giả Thánh Kinh gọi là Trí huệ phái. Từ ngữ này vốn do ngữ căn Hy Lạp gnosis có nghĩa là “biết”. Người “trí huệ” là người “hiểu biết” những điều sâu nhiệm của Đức Chúa Trời. Họ là “giới quý tộc thuộc linh” trong Hội Thánh.

Để bắt đầu, tà giáo này hứa hẹn giúp người ta đạt được sự hợp nhất thân cận với Đức Chúa Trời, giúp họ đạt được một trình độ “trọn vẹn thuộc linh”. Sự trọn vẹn thuộc linh có thể thuộc về họ, chỉ cần họ chịu tham dự những lời giáo huấn và nghi lễ theo quy định. Rồi còn có một “kiến thức trọn vẹn”, một chiều sâu thuộc linh mà chỉ có người “nhập giáo” mới có được. “Sự khôn ngoan” này sẽ giải thoát họ khỏi “việc đời”, khiến họ tiếp xúc được với những điều ở trên trời.

Lẽ dĩ nhiên, tất cả các giáo huấn đó đều chỉ là triết lý nhân tạo đặt nền trên truyền thống chứ không phải là trên chân lý của Đức Chúa Trời (Co 2:8). Nó nảy sinh từ vấn đề mà triết học đã đặt ra là: Tại sao lại có điều ác trên thế gian này nếu công trình sáng tạo vốn do một Đức Chúa Trời thánh khiết mà ra? Trong lúc suy tư, lý luận, các triết gia ấy đã đi đến kết luận rằng vật chất vốn là xấu, là ác. Kết luận sai lầm tiếp theo của họ, là một Đức Chúa Trời thánh khiết không thể tiếp xúc với vật chất xấu xa gian ác, cho nên phải có nhiều “chuỗi lưu xuất” từ Đức Chúa Trời đến công trình sáng tạo của Ngài. Họ tin vào một thế giới thần linh đầy năng lực, đang sử dụng những điều thuộc về vật chất để tấn công nhân loại. Họ cũng chủ trương một hình thức chiêm tinh học, tin rằng các thiên sứ đang cai trị các thiên thể và tạo ảnh hưởng trên mọi việc xảy ra dưới đất này (Co 1:16 2:10,15).

Thêm vào các suy luận triết lý này là một hình thức duy luật chủ nghĩa Do Thái. Các giáo sư ấy tin rằng nghi lễ cắt bì giúp ích cho sự phát triển thuộc linh (Co 2:11). Họ dạy rằng luật pháp Cựu Ước, nhất là các luật lệ về ăn uống, cũng hữu ích để đạt mức trọn lành thuộc linh (2:14-17). Các luật lệ và quy tắc nhất định dạy cho họ biết đâu là ác và đâu là thiện (2:21).

Vì với họ vật chất là xấu là ác, họ phải tìm một phương cách nào đó để chế ngự những bản chất xác thịt của mình trong việc theo đuổi sự trọn vẹn. Hậu quả là có hai cách hành đạo khác nhau đã nảy

sinh. Một trường phái tư tưởng chủ trương rằng phương pháp duy nhất để chinh phục vật chất xấu xa gian ác là nhờ giữ kỷ luật khắt khe và khổ tu (2:23). Quan điểm kia lại dạy rằng người ta được phép dẫn thân vào đủ thứ tội lỗi, vì dù sao thì vật chất cũng vốn là xấu, là ác rồi! Đường như ý kiến thứ nhất đã chiếm thế áp đảo tại Cô-lô-se.

Thật là dễ thấy loại lời giáo huấn này đã xoi mòn, phá hoại ngầm chính các nền móng của Cơ Đốc giáo như thế nào. Để bắt đầu, những kẻ theo tà giáo này công kích con người và công lao của Chúa Giê-xu Christ. Với họ, Ngài chỉ là một trong những “lưu xuất” của Đức Chúa Trời chứ không phải là chính Con Ngài, lấy hình hài thân xác con người mà đến. Sự nhập thể của Đấng Christ vốn có nghĩa là Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta (Mat 1:23), nhưng các giáo sư giả này lại dạy rằng Ngài vẫn giữ khoảng cách với chúng ta! Khi chúng ta tin cậy vào Con Đức Chúa Trời thì chẳng cần có những trung gian nào giữa chúng ta với thiên đàng cả!

Trong công lao của Ngài trên thập tự giá, Chúa Giê-xu Christ đã giải quyết xong vấn đề tội lỗi (Co 1:20) và đánh bại hoàn toàn các lực lượng của Sa-tan (2:15). Ngài đã chấm dứt mọi đòi hỏi hợp pháp của luật pháp (2:14-17). Thật vậy, chỉ có một mình Chúa Giê-xu Christ mới là Đấng ưu việt hơn tất cả! (1:18 3:11). Tất cả mọi nhu cầu của người tín hữu đều có trong Chúa Giê-xu!

Vật chất không phải là xấu, và thân thể con người không phải là xấu. Mỗi người đều được sinh ra đời với một bản tính con người sa bại, muốn chế ngự thân thể và sử dụng nó cho tội lỗi nhưng bản thân thân thể không phải là xấu là ác. Nếu quả là như thế thì Chúa Giê-xu Christ đã chẳng bao giờ đến thế gian bằng một thân xác con người. Nếu quả đúng như thế thì Ngài cũng không hề hưởng được các phước hạnh hằng ngày của đời sống khi phục vụ trên đất, như đi dự các tiệc cưới và nhận lời mời đi ăn com khách. Kiêng ăn và kỷ luật có thể tốt cho sức khỏe con người, nhưng chẳng có năng lực gì để phát triển tính thuộc linh đích thực (2:20-23).

Còn về chiêm tinh học và ảnh hưởng của các thiên sứ và các thiên thể, thì Phao-lô đã kịch liệt tố giác. Trên thập tự giá, Chúa Giê-xu đã toàn thắng đối với tất cả các lực lượng của ma quỷ (2:15). Cơ Đốc nhân chẳng cần chi phải nhờ cậy vào các điều sơ học của thế gian (2:8,20). Từ ngữ đã được dịch ra là những điều sơ học của thế gian có nghĩa là các “hữu thể sơ đẳng” hay “nguyên lý” sơ đẳng. Trong trường hợp ở đây, nó có nghĩa là các hữu thể (mà các nhà theo Trí huệ phái cho là) đang cai trị các thiên thể, rồi đến lượt chúng, các thiên thể chế ngự các biến cố trên đất này. Các tín hữu còn tham khảo các lá số tử vi, tức là đang đánh đổ lời mạc khải để lấy sự mê tín và phủ nhận Con Người cùng với công lao của Đấng Christ.

Tà giáo này là một sự kết hợp nhiều điều lại với nhau, như duy luật chủ nghĩa Do Thái, triết lý phương Đông, chiêm tinh học ngoại đạo, thần bí học, khắc khổ chủ nghĩa và cả một ít Cơ Đốc giáo nữa, nhằm mục đích lừa dối người ta. Nó có một chút gì đó của tất cả mọi người, mà đó chính là điều gây nguy hiểm. Các giáo sư giả rêu rao rằng họ không phủ nhận đức tin Cơ Đốc giáo, mà chỉ nâng lên một cấp bậc cao hơn mà thôi. Họ đề nghị cung cấp cho người ta một đời sống đầy đủ, tự do và mãn nguyện, giải quyết được tất cả mọi vấn đề họ gặp.

Ngày nay, chúng ta có gặp loại tà giáo nào giống như thế không? Có và nó cũng lừa dối và nguy hiểm y như thế! Khi chúng ta biến Chúa Giê-xu Christ và lời mạc khải Cơ Đốc chỉ còn là một phần của một hệ thống tôn giáo hay triết lý toàn diện mà thôi, tức là chúng ta không còn dành cho Ngài địa vị độc tôn nữa. Khi chúng ta chiến đấu để có được “sự trọn vẹn hay đầy đủ thuộc linh” (hoàn thiện) nhờ các công thức, các kỹ thuật hay nghi lễ, là chúng ta đã thối lui thay vì tiến lên. Các tín hữu Cơ Đốc nhân cần cảnh giác đối với việc hoà đồng đức tin của mình với những điều dễ gài bẫy người ta như yoga, đồng bóng, thần bí học phương Đông, và những điều giống như thế. Chúng ta cũng phải cảnh giác đối với các giáo sư dạy về “đời sống thâm sâu hơn” đề nghị một hệ thống giúp người ta chiến thắng hay hoàn thiện mà chẳng cần phải tận hiến cho Chúa Giê-xu Christ. Trong mọi sự, Ngài phải chiếm địa vị độc tôn!

Tà giáo này trực tiếp mâu thuẫn với lời truyền dạy của Phao-lô. Nó chấp nhận một nhân sinh quan tiêu cực: “Đức Chúa Trời ở rất xa, vật chất là xấu, mà các lực lượng ma quỷ thì luôn luôn đe dọa chúng ta”. Cơ Đốc giáo dạy rằng Đức Chúa Trời đang ở gần chúng ta, Đức Chúa Trời đã sáng tạo

nên mọi vật thật tốt lành (tuy chúng có thể bị sử dụng cho điều ác), và Đấng Christ đã giải phóng người thuộc về Ngài khỏi các quyền lực của bóng tối (Co 1:13). Tà giáo này đã biến thế gian này thành ra một nhà tù đáng sợ, trong khi Chúa Giê-xu đã làm sáng tỏ rằng Đức Chúa Cha đang hành động ngay trong thế gian để chăm sóc cho những người thuộc về Ngài. Cuối cùng, các giáo sư giả này cố tìm cách làm thay đổi con người ta từ bên ngoài bằng cách kiêng ăn và tuân thủ các kỷ luật khắt khe như ép xác, khổ tu. Nhưng sự tăng trưởng thuộc linh vốn đến từ bên trong.

Bức thư: Với phần bối cảnh trên đây, bây giờ chúng ta có thể đọc bức thư của Phao-lô gửi cho người Cô-lô-se này, để có một cái nhìn bao quát về những gì ông đã viết. Chúng ta biết rằng bức thư cho người Ê-phê-sô đã được viết và gửi đi hầu như đồng thời với thư Cô-lô-se này: Cần nhớ luôn là chúng ta có thể phát giác nhiều điểm tương đồng giữa hai bức thư ấy. Tuy nhiên, điểm nhấn mạnh trong thư Ê-phê-sô là trên Hội Thánh, là thân thể Đấng Christ còn điểm nhấn mạnh trong thư Cô-lô-se là trên Đấng Christ, Đầu của thân thể.

Trong bức thư này, Phao-lô dùng ngôn ngữ của các giáo sư giả, nhưng ông không theo cách định nghĩa của họ. Ông dùng những từ này theo ý nghĩa Cơ Đốc đích thực của chúng. Trong khi nghiên cứu thư Cô-lô-se, chúng ta sẽ gặp những từ ngữ như đầy đủ, trọn lành, trọn vẹn, tất cả đều vốn được những kẻ theo tà giáo Trí huệ phái sử dụng. Phao-lô đã dùng từ ngữ “tất cả” hơn 30 lần. Ông cũng viết về sự khôn ngoan, vốn là một từ ngữ then chốt trong từ vựng Trí huệ phái ông đã nói rất nhiều điều về các thiên sứ và các thế lực thuộc linh (tà linh) nữa.

Luận đề chính của ông là địa vị độc tôn của Chúa Giê-xu Christ (Co 1:18 3:11). Thiết tưởng chúng ta chẳng cần chi phải bận tâm đến vai trò trung gian của các thiên sứ hay vấn đề về những “lưu xuất” thuộc linh. Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài đến thế gian để chịu chết thay cho chúng ta! Tất cả những người tin Chúa Giê-xu Christ đều được cứu và trở thành một phần của Thân thể Ngài, là Hội Thánh, mà Ngài chính là cái Đầu (1:18). Chúng ta được hợp nhất với Đấng Christ trong một mối liên hệ sống động diệu kỳ!

Hơn nữa, chẳng còn có thể thêm gì vào cho mối liên hệ này nữa, vì mỗi một tín hữu đều “nên trọn vẹn (hoàn thiện) trong Ngài” (2:10). Tất cả mọi sự đầy đủ của Đức Chúa Trời đều ở trong Chúa Giê-xu Christ (2:9), và chúng ta được dự phần vào sự đầy đủ trọn vẹn đó! “Vì sự đầy đầy của bản tánh Đức Chúa Trời thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình. Anh em lại nhờ Ngài mà có được đầy đầy mọi sự...” (Co 2:9,10a)

Có lần tôi đang ở phi trường, chờ điếm danh để lên máy bay, thì một thanh niên đến gần, gạ bán cho tôi một quyển sách. Chỉ cần nhìn thoáng qua vẻ loè loẹt ngoài bìa sách đã đủ cho tôi biết quyển sách ấy chứa đầy những điều thần bí và triết học phương Đông.

Tôi liền bảo với chàng thanh niên ấy: “Ở đây, tôi có một quyển sách đáp ứng được mọi nhu cầu của tôi”. Và mở va-li lấy ra quyển Thánh Kinh của mình.

Chàng thanh niên ấy trấn an tôi: “Ồ thưa ông, chúng tôi chẳng có ý muốn chống lại Thánh Kinh đâu! Chúng tôi chỉ muốn thêm vào đó một chút, để khiến cho đức tin của chúng ta tốt hơn lên mà thôi”.

Tôi nói: “Chẳng hề có ai ban được cho tôi điều gì tốt hơn điều Chúa Giê-xu Christ đã ban cho tôi” và tôi lật ra tìm Co 2:1-23 nhưng lúc ấy thì chàng thanh niên nọ đã vội vàng đi nhanh ra đầu kia của dãy hành lang.

Thật đáng buồn khi phải nói rằng hiện có nhiều Cơ Đốc nhân thật sự tin vào một người nào đó, một hệ thống tôn giáo hoặc một thứ kỷ luật nào đó có thể thêm một chút gì đó cho từng trải thuộc linh của họ. Nhưng trong Chúa Giê-xu Christ, họ đã có đầy đủ mọi sự cần thiết rồi.

Nếu Phao-lô cần viết ra một bố cục cho bức thư gửi cho các Cơ Đốc nhân tại Cô-lô-se này, có lẽ nó sẽ như sau đây:

Luận đề: *Chúa Giê-xu Christ là Đấng Độc Tôn* (1:18)

I. **Giáo lý:** Địa vị độc tôn của Đấng Christ đã được công bố – chương 1

1. Trong thông điệp Phúc Âm (1:1-12)
2. Trong sự cứu chuộc (1:13-14)
3. Trong công trình sáng tạo (1:15-17)
4. Trong Hội Thánh (1:18-23)
5. Trong chức vụ của Phao-lô (1:24-29)

II. **Nguy cơ:** Địa vị độc tôn của Đấng Christ cần được bảo vệ – chương 2

1. Phải cảnh giác đối với các nền triết học rỗng tuếch (2:1-10)
2. Phải cảnh giác đối với luật pháp chủ nghĩa của tôn giáo (2:11-17)
3. Phải cảnh giác đối với các kỹ luật nhân tạo (2:18-23)

III. **Nhiệm vụ:** Chứng minh địa vị độc tôn của Chúa Giê-xu Christ – chương 3,4

1. Bằng sự thanh sạch cá nhân (3:1-11)
2. Bằng môi thông công Cơ Đốc giáo (3:12-17)
3. Tại nhà riêng (3:18-21)
4. Trong công việc hằng ngày (3:22-4:1)
5. Bằng công tác chứng đạo (4:2-6)
6. Bằng cách phục vụ (4:7-18)

Lẽ dĩ nhiên đây chỉ là một bố cục gợi ý nên không thể bị ép buộc để xem như được linh cảm. Có nhiều phương pháp để Lời Đức Chúa Trời có thể được phân tích và bố cục, nhưng chẳng hề có một bố cục nào lại có thể chiếm lấy chỗ của chính Lời thành văn.

Tuy nhiên, trong khi nghiên cứu theo bố cục này, chúng ta sẽ thấy cách thức Phao-lô đã tiếp cận vấn đề để tìm cách giải quyết nó. Ông đã không bắt đầu bằng cách công kích các giáo sư giả và tà thuyết của họ. Ông bắt đầu bằng việc đề cao Chúa Giê-xu Christ, chứng minh địa vị độc tôn của Ngài trong năm lãnh vực: thông điệp Phúc Âm, sự cứu chuộc, công trình sáng tạo, Hội Thánh, và chức vụ của chính Phao-lô. Những người được Phao-lô viết bức thư này cho đã trở thành Cơ Đốc nhân nhờ thông điệp Phúc Âm Ê-pháp-ra đã đưa về cho họ. Nếu thông điệp ấy mà sai, thì họ đã chẳng hề được cứu rồi!

Một khi đã xác lập địa vị độc tôn của Đấng Christ rồi, Phao-lô mới công kích những kẻ dạy tà giáo ngay trên lập trường của họ. Trong chương 2, Phao-lô vạch trần nguồn gốc giả dối trong các giáo thuyết của họ, và chứng minh rằng những lời chỉ giáo của họ mâu thuẫn với tất cả những gì ông đã truyền dạy về Chúa Giê-xu Christ. Người tín hữu nắm vững được chương sách này sẽ khó có thể bị một tổ chức Cơ Đốc giáo mang nhãn hiệu canh-tân-và-cải-tiên nào dẫn đi sai lạc bằng cách gài bẫy hay quyến rũ được.

Nhưng Phao-lô vẫn không nghĩ rằng nhiệm vụ của mình đã hoàn tất sau khi đã bài bác những kẻ theo tà giáo này, vì ông vẫn còn nhiều lời quan trọng cho Hội Thánh. Trong hai chương 3 và 4, Phao-lô đã giải thích về viên thuốc phòng ngừa hiệu nghiệm nhất để chống lại tà thuyết: một đời sống tin kính. Những kẻ bảo rằng: “Tôi chẳng quan tâm bạn tin gì chỉ cần bạn sống một cuộc đời ngay lành mà thôi” thì chưa suy nghĩ thật hợp lý. Điều chúng ta tin quyết định cách chúng ta sống. Nếu chúng ta tin rằng vật chất là xấu, là ác, chúng ta sẽ sử dụng thân thể mình theo một đường, nhưng nếu chúng ta tin rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh, chúng ta sẽ sống thật phải lẽ, đứng đắn.

Tà thuyết luôn luôn dẫn đến nếp sống sai trái. Chánh giáo phải dẫn đến nếp sống ngay lành. Trong hai chương kết thúc, Phao-lô ứng dụng địa vị độc tôn của Đấng Christ vào các công việc của sinh hoạt hằng ngày. Nếu quả thật Đấng Christ chiếm địa vị độc tôn trong đời sống chúng ta, thì chúng ta phải tôn vinh người bằng cách giữ mình thanh sạch, vui hưởng mỗi thông công với các thánh đồ khác, yêu thương nhau trong gia đình và trung tín trong công việc làm, làm chứng nhân cho Đấng Christ

và phục vụ có kết quả cho Ngài. Nếu giáo lý không dẫn đến nhiệm vụ, thì nó sẽ là vô dụng cho chúng ta.

Nhiều học giả Thánh Kinh đã kết luận rằng thư Cô-lô-se là bức thư sâu nhiệm nhất mà Phao-lô từng viết. Chúng ta phải cẩn thận, chớ nên chỉ tiếp cận với các chương sách này trên bề mặt, một cách nông cạn mà thôi. Nếu chúng ta không nhờ cậy Đức Thánh Linh để Ngài dạy dỗ chúng ta, chúng ta sẽ bị hụt mất các chân lý mà Đức Chúa Trời muốn cho chúng ta phải học tập.

Hội Thánh ngày nay đang rất cần bức thông điệp của sách Cô-lô-se. Chúng ta đang sống trong một thời kỳ mà việc khoan dung tôn giáo đã được lý giải rằng “đạo nào cũng tốt như nhau cả”. Có một số người đang tìm cách lấy ra những điểm tốt nhất từ nhiều hệ thống tôn giáo khác nhau để chế tạo ra một tôn giáo riêng cho chính họ. Với một số đông người thì Chúa Giê-xu Christ chỉ là một trong số rất nhiều giáo sư tôn giáo vĩ đại, cũng chẳng có uy quyền gì hơn họ. Có thể Ngài cũng thuộc hạng nổi bật, nhưng dứt khoát không phải là độc tôn.

Đây là một thời đại của “tôn giáo hoà đồng”. Thiên hạ đang cố tìm cách “cào bằng” và thống nhất nhiều trường phái tư tưởng để đạt đến một siêu tôn giáo. Các Hội Thánh Tin Lành của chúng ta đang gặp cơ nguy cơ có thể hoà tan đức tin của mình vào với nỗ lực thích tìm hiểu thông cảm với các tín ngưỡng của tha nhân. Thần bí học, luật pháp chủ nghĩa, các triết lý phương Đông, khắc khổ chủ nghĩa và nhiều triết lý nhân tạo đang âm thầm len lỏi vào trong các Hội Thánh. Họ không phủ nhận Đấng Christ, nhưng đang âm mưu cướp ngôi của Ngài và cướp đi địa vị độc tôn chính đáng của Ngài.

Trong khi nghiên cứu bức thư đầy phấn khởi này, chúng ta cần lưu ý mấy lời cảnh cáo này của Phao-lô là: “Tôi nói rõ điều ấy để anh em khỏi bị quyến rũ lừa dối bằng những luận chứng có vẻ hợp lý” (2:4) “Vì vậy, chớ có ai đoán xét anh em về của ăn uống, hoặc ngày lễ, hoặc ngày mặt trăng mới, hoặc Sa-bát.” (2:16).

2. CÁC PHÉP LẠ TẠI CÔ-LÔ-SE (Co 1:3-8)

Co 1:3-4. Nhà truyền đạo trứ danh người Tô-cách lan Alexander Whyte vốn nổi tiếng là rất hay tán thưởng, cổ vũ người khác. Ông thích viết nhiều bưu thiếp gửi cho nhiều người, cảm ơn họ về một việc tốt hay một phước hạnh nào đó họ đã đem đến cho đời sống ông. Những bức thông điệp đó thường có một vài lời khích lệ đối với một tấm lòng lúc nó cần đến sự khích lệ nhất. Tán thưởng là liều thuốc quan trọng nhất cho linh hồn.

Sứ đồ Phao-lô là một người khích lệ quan trọng, và thư tín này là một thí dụ rất tốt cho ân tứ cảm tạ tri ân. Trong đoạn sách này (vốn là một câu rất dài trong nguyên bản Hi-văn), ông dùng lời tạ ơn về những gì Đấng Christ đã làm trong đời sống các Cơ Đốc nhân tại Cô-lô-se. Nhưng ông cũng đề cập sự cảm tạ trong năm chỗ khác nữa trong bức thư này: (1:12 2:7 3:15-17 4:2). Khi bạn nhớ lại rằng Phao-lô đã viết bức thư này trong tù, thì thái độ tri ân đó của ông lại càng là kỳ diệu hơn nữa!

Cũng như Phao-lô, chúng ta phải biết ơn Đức Chúa Trời về những gì Ngài đã làm trong đời sống người khác. Là Cơ Đốc nhân chúng ta đều là chi thể của cùng một thân thể (ICo 12:12-13). Nếu có chi thể nào trong thân thể được tăng cường thì điều đó góp phần tăng cường cho cả thân thể. Nếu một Hội Thánh được Đức Chúa Trời ban cho một cơn phục hưng, nó sẽ giúp ích cho toàn thể các Hội Thánh. Trong việc bộc lộ lòng cảm tạ này, Phao-lô vạch ra các giai đoạn trong từng trải thuộc linh của các tín hữu người Cô-lô-se.

1. Họ đã được nghe Phúc Âm (Co 1:5-7)

Tin mừng của Phúc Âm vốn không có gốc gác ngay trong thành phố của họ. Nó phải được đem đến cho họ, và trong trường hợp của họ thì vị sứ giả đó là Ê-pháp-ra. Bản thân ông là một công dân của thành phố Cô-lô-se (Co 4:12-13) nhưng đã tiếp xúc với Phao-lô và đã ăn năn tin Chúa Giê-xu Christ. Việc này có lẽ đã xảy ra trong giai đoạn Phao-lô thi hành chức vụ quan trọng luôn ba năm tại Ê-phê-sô (Cong 19:10).

Sau khi được cứu, Ê-pháp-ra đã chia sẻ các tin tức gây rúng động này cho các bà con và bạn bè ông tại quê nhà. Có lẽ Ê-pháp-ra đã rất phấn khởi lúc ở với Phao-lô tại Ê-phê-sô, nơi nhiều điều kỳ

điều đã xảy ra. Nhưng trách nhiệm đầu tiên của ông là phải đem Phúc Âm về cho thành phố quê hương của mình (Mac 5:19).

Phúc Âm là tin lành, tin mừng rằng Chúa Giê-xu Christ đã giải quyết xong vấn đề tội lỗi bằng sự chết, bị chôn và sống lại của Ngài. Từ ngữ “Phúc Âm” có nghĩa là “tin lành, tin vui”. Tai hại thay, nhiều người lại làm chứng dường như Phúc Âm là các tin dữ, tin buồn về sự đoán phạt vậy.

Tôi nhớ có một chức viên trong Hội Thánh vốn giống như một công tố viên buộc tội, hơn là một Cơ Đốc nhân làm nhân chứng. Tuy ông ta luôn luôn quở trách người ta về tội lỗi họ, ông ta đã không chia sẻ cho họ tin mừng về sự tha tội nhờ đức tin đặt nơi Chúa Giê-xu Christ.

Nhưng chúng ta có thể nhờ ông ta mà học được một bài học. Trong khi làm chứng đạo, chúng ta phải nhớ nhấn mạnh vào tin lành của Phúc Âm (ICo 15:1-8). Trong đoạn này của bức thư viết cho người Cô-lô-se, Phao-lô kiểm điểm lại các đặc điểm của bức thông điệp Phúc Âm đầy phấn khởi này.

Nó tập trung vào một Người: Chúa Giê-xu Christ. Luận đề của thư tín này là địa vị độc tôn của Chúa Giê-xu Christ, nên lẽ tất nhiên, Ngài là độc tôn trong Phúc Âm. Các giáo sư giả đang len lỏi vào mỗi thông công tại Cô-lô-se đã tìm cách truất Đấng Christ khỏi địa vị độc tôn của Ngài, nhưng làm như thế tức là huỷ diệt Phúc Âm. Chính Đấng Christ đã chịu chết vì chúng ta và đã sống lại. Bức thông điệp Phúc Âm không tập trung vào một triết lý, một giáo thuyết, hay một hệ thống tôn giáo. Nó tập trung vào Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời.

Nó là (lời) đạo chân thật (Co 1:5). Điều đó có nghĩa là nó đến từ Đức Chúa Trời nên rất đáng tin cậy. “Xin Cha lấy lẽ thật khiến họ nên thánh lời Cha tức là lẽ thật” (Gi 17:17). Có nhiều bức thông điệp, nhiều ý niệm có thể gọi là thật, nhưng chỉ một mình Lời Đức Chúa Trời mới có thể gọi được là chân lý mà thôi. Sa-tan là kẻ nói dối tin vào lời dối trá của nó là bị dẫn đi sai lạc vào chỗ chết (Gi 8:44). Chúa Giê-xu là chân lý (Gi 14:6) khi chúng ta tin cậy Ngài, thì được sống. Loài người có tìm cách tiêu diệt chân lý của Đức Chúa Trời, nhưng họ đều thất bại. Lời của chân lý vẫn cứ đứng vững!

Tất cả mọi người đều đặt lòng tin vào một điều gì đó. Nhưng niềm tin chỉ tốt ngang với đối tượng mà một người đặt niềm tin của mình vào. Người ngoại đạo trong rừng già thờ lạy một vị thần là tảng đá người thành phố có học vấn lại thờ tiền bạc, của cải, hoặc địa vị. Trong cả hai trường hợp vừa kể, đức tin chỉ là rỗng tuếch. Người tín hữu Cơ Đốc chân chính đặt đức tin vào Chúa Giê-xu Christ, mà đức tin ấy vốn có cơ sở là Lời của chân lý. Bất kỳ một loại “đức tin” nào khác cũng đều chỉ là mê tín – nó chẳng cứu được ai.

Nó là bức thông điệp của ân điển Đức Chúa Trời (Co 1:6b). Có hai từ ngữ trong ngôn ngữ Cơ Đốc giáo thường bị lẫn lộn: ân điển (grace) và sự nhân từ khoan dung (mercy). Với ân điển của Ngài Đức Chúa Trời ban cho tôi điều tôi không xứng đáng nhận được. Còn với lòng nhân từ khoan dung của Ngài, Đức Chúa Trời không ban cho tôi điều tôi xứng đáng phải nhận lãnh. Ân điển của Đức Chúa Trời là ân huệ tỏ ra đối với các tội nhân không xứng đáng. Lý do để Phúc Âm trở thành tin lành tin mừng, đó là nhờ ân điển: Đức Chúa Trời sẵn sàng và có thể cứu tất cả những ai tin cậy Chúa Giê-xu Christ.

John Selden (1584-1654) là một sử gia và là nhân vật có thẩm quyền về pháp luật ở Anh quốc. Ông có một thư viện gồm 8.000 bộ sách và được thừa nhận vì sở học của mình. Lúc hấp hối, ông đã nói với Tổng giám mục Ussler: “Tôi đã nghiên cứu phần lớn những gì là học thức giữa vòng các con trai loài người, và văn phòng của tôi đầy dẫy các sách và bản thảo về nhiều chủ đề. Nhưng bây giờ thì tôi không thể nhớ một khúc sách nào trong số tất cả các bộ sách và các bài vở của mình để có thể đem lại sự an nghỉ cho linh hồn tôi, ngoại trừ câu này trong Thánh Điển: “Vả, ân điển Đức Chúa Trời hay cứu mọi người, đã được bày tỏ ra rồi” (Tit 2:11).

Nó dành cho toàn thể thế giới (Co 1:6). Hồi còn là một mục sư trẻ tuổi, một trong các nhà truyền đạo tôi thích nhất là Tiến sĩ Walter Wilson của Kansas City. Ông vốn có một phương pháp độc nhất vô nhị để biến các chân lý xưa cũ trở thành có vẻ mới mẻ, gây phấn khởi. Có lần tôi nghe ông trích dẫn Gi 3:16 và hỏi: “Nếu bạn muốn tặng cho cả thế gian một món quà thích hợp, thì bạn sẽ tặng gì?”. Rồi ông liệt kê nhiều khả năng và chứng minh rằng các tặng phẩm ấy đều không thể thích hợp cho

tất cả mọi người: sách (nhiều người không biết đọc) thực phẩm (thiên hạ ăn nhiều thức ăn khác nhau trên nhiều phần đất khác nhau của thế giới) y phục (khí hậu vốn khác nhau) tiền bạc (không phải tất cả các nền văn hoá đều sử dụng tiền bạc). Ông đã đi đến câu kết luận hợp lý là chỉ có Phúc Âm, với quà tặng là sự sống đời đời, mới thích hợp cho cả thế gian và ông đã nói đúng.

Phao-lô nói rằng Phúc Âm đã kết quả trên khắp thế giới. Lời Đức Chúa Trời là hạt giống duy nhất có thể đem trồng khắp nơi trong thế gian, và nó sẽ kết quả. Phúc Âm có thể được truyền giảng “giữa mọi vật dựng nên ở dưới trời” (Co 1:23). Phao-lô chú trọng vào “mọi người” (1:28). Các giáo sư giả không đưa bức thông điệp của họ đến cho cả thế gian. Họ chỉ đến nơi nào Phúc Âm đã đến rồi, để cố tìm cách đưa các tín hữu đi sai lạc. Họ chẳng có tin lành cho các tội nhân hư vong!

Nếu ai muốn được cứu, thì phải nghe Phúc Âm của Chúa Giê-xu Christ. Nếu họ cần phải nghe, thì chúng ta là những người đã được cứu phải đưa thông điệp ấy đến. Bạn có làm phần việc của bạn chưa?

2. Họ tin Chúa Giê-xu Christ (Co 1:4)

Tuy Lời Đức Chúa Trời có quyền năng làm nảy sinh đức tin trong những người nghe, người ta có thể nghe mà không tin (Ro 10:17). Triệu triệu người đã được nghe Phúc Âm cứu rồi, thế nhưng đã không chịu tin. Nhưng những ai tin Chúa Giê-xu Christ thì nhận được món quà tặng là sự sống đời đời của Đức Chúa Trời (Gi 3:14-18).

Chúng ta không được cứu nhờ tin đạo. Ngày nay có một đạo tôn thờ “niềm tin” (believism) đề cao việc tin đạo nhưng chỉ có liên hệ rất ít đến Chúa Giê-xu Christ. Ngay đến một số bài ca bình dân cũng mang thông điệp về tin đạo. Thái độ của con người hiện đại là: “Hãy bạn tin, thì sẽ được an toàn” Nhưng vấn đề rõ ràng là: “Tin gì?” Câu trả lời là: “Chỉ tin mà thôi!”

Chúng ta cũng không được cứu nhờ tin vào một loạt giáo lý. Tôi thường kể lại câu chuyện về nhà truyền đạo lừng danh George Whitefield làm chứng đạo cho một người nọ. Ông hỏi: “Ông tin gì?” Người kia đáp: “Tin những gì giáo hội tôi tin”.

Nhà truyền đạo hỏi: “Thế giáo hội ông tin gì?” Người kia đáp: “Những gì tôi tin”.

Chưa nản lòng, Whitefield tiếp tục hỏi: “Thế cả ông lẫn giáo hội của ông tin gì?”

Câu trả lời hết sức mơ hồ của người kia là: “Ồ, cả tôi lẫn giáo hội của tôi đều tin một điều giống nhau!”

Đức tin cứu được một người gồm cả tâm trí, tình cảm và ý chí của người ấy. Chúng ta hiểu chân lý của Phúc Âm bằng tâm trí, khiến tâm lòng bị cáo trách và cảm thấy mình cần phải được cứu rồi. Nhưng chỉ khi nào chúng ta vận dụng ý chí để tự hiến thân cho Đấng Christ, thì tiến trình cứu rồi mới hoàn tất. Đức tin không phải chỉ là nhất trí với một bộ phận giáo lý, bất chấp các giáo lý ấy có đúng hay sai. Đức tin không phải là một sự quan tâm bằng tình cảm. Đức tin là tận hiến cho Chúa Giê-xu Christ.

Lúc giáo sĩ John G.Paton phiên dịch Thánh Kinh cho các quần đảo Hebrides, ông tìm một chữ thật chính xác để dịch chữ tin. Cuối cùng, ông đã tìm ra được: từ ngữ ấy có nghĩa là “nuơng tựa trọn vẹn vào”. Đó chính là đức tin để được cứu rồi – đặt cả trọng lượng của bạn nuơng tựa trọn vẹn vào Chúa Giê-xu Christ.

Đức tin để được cứu đặt nền trên Phúc Âm (Co 1:23). Chính Lời Đức Chúa Trời bảo đảm cho chúng ta. Càng tăng trưởng trong Chúa, đức tin của chúng ta càng vững vàng thêm (2:5) và được lập vững (2:7).

Các giáo sư giả đến thành phố Cô-lô-se cố tìm cách huỷ hoại đức tin của các thánh đồ đặt vào Đấng Christ và Lời Đức Chúa Trời. Cùng một loại phá hoại ngầm như thế cũng đang diễn tiến hôm nay. Bất cứ một giáo huấn tôn giáo nào nhằm truất ngôi Chúa Giê-xu Christ hay biến sự cứu rồi thành một điều gì khác hơn là từng trải ân điển của Đức Chúa Trời bởi đức tin, đều từ Sa-tan ra và chống lại Cơ Đốc giáo.

Một tư tưởng sau cùng nữa: từng trải của các tín hữu tại Cô-lô-se thật diệu kỳ đến nỗi thiên hạ đều bàn về nó. Phao-lô đã được nghe Ê-pháp-ra kể lại các giáo sư giả đã được nghe kể lại nên quyết định đến thăm hội chúng tại Cô-lô-se đã tận mắt chứng kiến sự thay đổi lạ lùng đó.

Sau khi bạn đã từng trải sự cứu rỗi nhờ Chúa Giê-xu Christ rồi, thì bạn sẽ không thể nào giữ im lặng. Cuộc đời làm Cơ Đốc nhân của bạn phải chẳng là loại đời sống kích lệ nhiều người khác và khiến họ có cơ hội dễ dàng hơn để làm chứng đạo? Sự thông công trong Hội Thánh của bạn có gây phấn khởi đến ới thậm chí người không tin Chúa cũng phải chú ý?

3. Họ được đào tạo để trở thành môn đệ Chúa (Co 1:7)

Không phải Ê-pháp-ra chỉ dẫn người Cô-lô-se đến với Đấng Christ, rồi bỏ mặc họ. Ông còn dạy Lời Chúa cho họ và tìm cách gây dựng đức tin cho họ nữa. Từ ngữ đã được dịch là “dạy” trong c.7 có liên quan với từ ngữ môn đệ trong Hi-văn. Nó chính là từ ngữ Chúa Giê-xu dùng trong câu: “Hãy học theo ta” (Mat 11:29) hay đúng ra, là “Hãy trở thành môn đệ ta”.

Các tín hữu mới này đang gặp nguy cơ là có thể xây khởi chân lý để đi theo các giáo sư giả. Phao-lô nhắc nhở họ rằng chính Ê-pháp-ra đã dẫn họ đến với Đấng Christ, khiến họ trở thành môn đệ Ngài, và dạy bảo họ về Lời Đức Chúa Trời. Từ ngữ “sự trước kia” trong câu 5 có lẽ có nghĩa là “trước khi các giáo sư giả xuất hiện trên sân khấu”. Cũng như người Cô-lô-se, chúng ta phải cảnh giác đối với bất cứ một lãnh tụ tôn giáo nào không tìm cách đưa các linh hồn hư vong trở về với Đấng Christ, mà chỉ dành thì giờ để “ăn cắp” chiến từ bầy của những người khác.

Chúng ta đừng bao giờ nên quên rằng các tín hữu mới cần phải được đào tạo để trở thành môn đệ Chúa. Như các hài nhi sơ sinh cần được yêu thương chăm sóc và bảo vệ cho đến khi chúng có thể tự lo lấy cho mình thế nào, các Cơ Đốc nhân mới cũng cần được đào tạo để trở thành môn đệ. Lời Ủy Thác Trọng Đại đã không dừng lại với việc cứu vớt người hư vong, vì trong lời uỷ thác ấy, Chúa Giê-xu còn truyền dạy chúng ta phải dạy Lời Đức Chúa Trời cho những người mới ăn năn quy đạo nữa (Mat 28:19-20). Đó là điều mà phần thông công trong chi hội địa phương phải đảm trách. Tân Ước kinh không truyền dạy một loại “Cơ Đốc giáo cá nhân” vốn rất thịnh hành hiện nay – thiên hạ bỏ mặc cho chi hội địa phương tự lo liệu lấy, khiến họ phải tìm lương thực thực phẩm thuộc linh trong sách báo, đài phát thanh, các chương trình truyền hình hoặc các băng cát-xét.

Ê-pháp-ra là một mục sư trung tín. Chẳng những ông đưa nhiều người đến với Đấng Christ, mà còn dạy Lời Chúa cho họ nữa, và giúp họ tăng trưởng. Ông cũng cầu nguyện cho họ (Co 14:12-13) để họ trưởng thành trong Chúa Giê-xu Christ. Khi có nguy hiểm đe dọa các thành viên của Hội Thánh, Ê-pháp-ra đã đến Rô-ma để xin lời khuyên bảo của Phao-lô. Ông yêu mến các tín đồ của mình nên muốn bảo vệ họ đối với các tà giáo có thể huỷ hoại mỗi thông công và ngăn trở sự phát triển thuộc linh của họ.

Từ ngữ môn đệ đã được tìm thấy hơn 260 lần trong các sách Phúc Âm và công vụ, còn động từ được dịch ra là “học tập như người môn đệ” thì được tìm thấy 25 lần trong Tân Ước. Vào thời đó, một môn đệ không phải là một người chỉ biết ngồi xuống để lắng nghe một vị giáo sư. Người ấy cùng sống chung với vị giáo sư và học tập bằng cách lắng nghe, nhìn xem, và sống như vị giáo sư ấy nữa. Làm môn đệ đòi hỏi nhiều hơn là chỉ ghi danh vào một trường học rồi đến đây để nghe thuyết giảng. Nó có nghĩa là học tập bằng cách sống. Có lẽ các sinh viên ngành Y hay những người tập sự làm thương nghiệp của chúng ta ngày nay mới gần với thí dụ minh họa cho ý nghĩa của thân phận người môn đệ đời xưa.

Nhưng chúng ta là những người đào tạo các tín hữu khác để họ trở thành môn đệ Chúa phải cẩn thận đừng gây trở ngại trên đường đi của họ. Không phải chúng ta tự đào tạo môn đệ cho chính mình, mà cho Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta phải đưa họ đến liên hệ với Ngài để họ yêu mến và vâng lời Ngài. Ê-pháp-ra đã trung tín dạy bảo các tín đồ của ông và đưa họ đến với Chúa Giê-xu Christ, nhưng các giáo sư giả chỉ đến để tìm cách “kéo các môn đệ ra xa” (Y sĩ Lu-ca từng cảnh cáo về vấn đề này xem Cong 20:28-30). Bản tính con người ta thường có xu hướng muốn theo những người khác thay vì

theo Đức Chúa Trời – muốn “một điều gì mới mẻ” thay vì các chân lý căn bản của Phúc Âm. Bây giờ, chúng ta đến với các kết quả do nỗ lực của Ê-pháp-ra .

4. Họ đã trở thành những người trung tín trong Đấng Christ (Co 1:6,8)

Lời Đức Chúa Trời là hạt giống (Lu 8:11). Điều này có nghĩa là trong Lời Đức Chúa Trời có sự sống (He 4:2). Khi nó được gieo trồng trong lòng, nó sẽ kết quả. “Phúc Âm đó ở giữa anh em cũng như ở trong cả thế gian... đang kết quả và tăng trưởng...” (Co 1:6 bản NIV).

Gần nhà ga King’s Cross ở Luân-đôn, Anh quốc, có một nghĩa địa chỉ có một ngôi mộ duy nhất của Lady Ann Grimston vốn là môn đồ phái Bất khả tri luận (agnostic). Bà ta được an táng trong một phần mộ bằng cẩm thạch, đánh dấu bằng một tấm mộ bia cẩm thạch. Trước khi qua đời, bà ta đã cay cú nói với một bạn thân: “Tôi sẽ vẫn sống cũng chắc chắn như có một cội cây sẽ mọc lên từ thân thể tôi”.

Lady Ann Grniston là một người vô tín nên không tin là còn có sự sống sau khi chết. Tuy nhiên, đã có một cội cây mọc lên từ ngôi mộ của bà ta! Một hạt giống nhỏ bé đã đâm rễ và tăng trưởng, làm nứt phiến cẩm thạch và thậm chí còn xé rách miếng kim khí làm hàng rào để ăn sâu xuống nên đất nữa! Trong hạt giống, có sự sống và năng lực, trong Lời Đức Chúa Trời cũng có sự sống và quyền năng!

Khi Lời Đức Chúa Trời đã được gieo trồng và chăm sóc, nó sẽ kết quả. Đức tin, hi vọng và tình yêu vốn là những trái đầu mùa trong mùa gặt thuộc linh. Các ân tứ thuộc linh này thuộc về số các chứng cứ hiển nhiên cho thấy một người đã thật sự được tái sinh (ITe 1:3 Ro 5:1-4 He 6:9-12 Eph 1:13-15 IPhi 1:3-9).

Đức tin đến là nhờ người ta nghe Lời Đức Chúa Trời (Ro 10:17). Đòi sống Cơ Đốc của chúng ta bắt đầu nhờ đức tin cứu rỗi, nhưng đây mới chỉ là khởi điểm mà thôi. Chúng ta học tập để bước đi bởi đức tin (IICo 5:7) và làm việc bởi đức tin (ITe 1:3). Chính đức tin ban quyền năng cho lời cầu nguyện (Lu 17:5-6). Đức tin là cái thuẫn bảo vệ chúng ta khỏi các tên lửa của Sa-tan (Eph 6:16).

Tình yêu là một bằng chứng khác nữa của sự cứu rỗi thật, vì người không được cứu thì chủ yếu tự bọc kín trong chính mình (Eph 2:1-3). Sự kiện những người này yêu mến toàn thể các thánh đồ minh chứng rằng Đức Chúa Trời đã biến đổi họ và ban cho họ sự sống đời đời. Tình yêu của Cơ Đốc nhân không phải là một cảm xúc hời hợt mà chúng ta tạo ra, nhưng là công tác của Đức Thánh Linh thực hiện trong lòng chúng ta (Co 1:8 Ro 5:5). Nên chú ý Co 1:8 là câu duy nhất trong cả thư tín này đề cập Đức Thánh Linh, và đó là trong mối liên hệ với tình yêu.

Tình yêu do Thánh Linh ban cho này dành cho “toàn thể các thánh đồ” (1:4) chứ không phải chỉ cho những người thuộc phạm vi có sự thông công với họ mà thôi. Là Cơ Đốc nhân, chúng ta cũng cần nhận thấy tính cách bao la rộng lớn của tình yêu của Đức Chúa Trời để chia sẻ nó với toàn thể các thánh đồ (Eph 3:17-19). Các Cơ Đốc nhân phải “liên hiệp với nhau trong tình yêu” (Co 2:2) để thật sự hợp nhất với nhau về phương diện thuộc linh vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Sợi dây liên kết chúng ta là tình yêu (Co 3:14). Đồng nhất là kết quả của sự thôi thúc từ bên ngoài hợp nhất là kết quả của tình thương từ bên trong. Hi vọng cũng là một đặc điểm của người tín hữu. Người không được cứu sở dĩ không có hi vọng vì họ không có Đức Chúa Trời (Eph 2:11-12). Những người ở ngoài Đấng Christ thì tuyệt vô hi vọng (ITe 4:13). Trong Thánh Kinh, hi vọng không có nghĩa là “mong rằng”. Hi vọng của chúng ta trong Đấng Christ cũng dứt khoát và chắc chắn như đức tin đặt vào Đấng Christ của chúng ta vậy. Vì Đấng Christ đang ngự ngay trong lòng chúng ta, cho nên chúng ta có “hi vọng (sự trông cậy) về vinh hiển” (Co 1:27).

Các giáo sư giả tìm cách gây xáo trộn trong các tín hữu người Cô-lô-se để đưa họ xa rời niềm hi vọng của Phúc Âm (1:23). Nhưng Phao-lô vạch rõ rằng niềm hi vọng ấy đã được “để dành” cho các tín hữu trên thiên đàng (1:5). Từ ngữ được dịch ra là “để dành” hàm ý “được giữ lại, được để qua một bên dành cho một người nào đó”. Nó được dùng chỉ số tiền bạc dành dụm hoặc cất giấu. Thì của động từ chỉ cho thấy niềm hi vọng chỉ có một lần đủ cả này được để dành, sao cho chẳng có gì cướp được nó khỏi chúng ta. Chẳng những niềm hi vọng này (di sản quang vinh về vinh hiển của chúng ta) đã

được “để dành” cho chúng ta, mà chúng ta còn được quyền năng của Đức Chúa Trời gìn giữ để chắc chắn sẽ được hưởng cảnh thiên đàng một ngày gần đây! (Phi 1:1-5). Chúng ta đã được bảo vệ để được vinh hiển!

Đâu là mối liên hệ giữa đức tin, hi vọng và tình yêu? Chắc chắn là nếu chúng ta càng yêu ai, thì sẽ càng tin cậy người ấy nhiều thêm. Chúng ta không hề tin cậy một người tình cờ quen biết theo cùng một mức độ mà chúng ta tin cậy một người bạn thân tín. Càng nhận biết Đức Chúa Trời nhiều hơn, chúng ta sẽ càng tin cậy và yêu mến Ngài nhiều hơn. Tình yêu và đức tin khích lệ lẫn nhau.

Nhưng hi vọng còn có một phần đóng góp càng có nhiều giá trị hơn. Ở đâu có mối liên hệ giữa đức tin và tình yêu, thì sẽ có hi vọng ngày càng tăng trưởng. Khi một người nam và một người nữ phải lòng nhau và học tập để tin cậy nhau trong tình yêu ấy, thì tương lai của họ bao giờ cũng trở nên tươi sáng hơn. Thật vậy, Phao-lô dạy rằng hi vọng là một năng lực thúc đẩy tình yêu và đức tin: “...đức tin và tình yêu nảy sinh từ niềm hi vọng đã được để dành cho anh em trên thiên đàng” (Co 1:5 bản NIV).

Hi vọng phước hạnh được nhìn thấy Đấng Christ và lên thiên đàng để được ở đó với Ngài là một sức mạnh diệu kỳ trong đời sống Cơ Đốc nhân. Một khi chúng ta đã nhận thức được niềm vui là mình sẽ được lên thiên đàng, thì nó sẽ khiến chúng ta càng yêu mến Ngài hơn. Sự kiện chúng ta biết mình sẽ được ở với Ngài trong vinh quang khích lệ chúng ta càng tin cậy Ngài hơn. Cả đến các vấn đề và thử thách trên đất này cũng không thể đẩy chúng ta xa rời niềm hi vọng đó.

Tôi nhận thấy rằng viễn ảnh về một tương lai hạnh phúc có cách để khiến người ta càng yêu mến nhau hơn. Có bao giờ bạn quan sát đám trẻ con ngay trước ngày lễ Chúa Giáng sinh hay một kỳ nghỉ hè cho cả gia đình không? Lời hứa tươi sáng về thiên đàng khích lệ đức tin chúng ta và mở rộng tình yêu của chúng ta. Rồi đức tin và tình yêu cùng cộng tác với nhau để khiến cho hiện tại càng vui vẻ hơn và tương lai càng phần khởi hơn.

Chia rẽ và bất hoà giữa các Cơ Đốc nhân thật là thảm hại. Tôi không gợi ý là toàn thể chúng ta sẽ họp lại với nhau để trở thành một “siêu Hội Thánh”, nhưng cảm thấy rằng giữa những người thuộc về Đức Chúa Trời, có thể có tình yêu và sự thông cảm nhau càng nhiều hơn. Sự kiện chúng ta sẽ cùng nhau sống chung trên thiên đàng đáng lẽ phải khuyến khích chúng ta yêu thương nhau dưới đất này. Đây là một trong những lý do khiến Đấng Christ đã ban cho chúng ta sự vinh hiển của Ngài “Con đã ban cho họ sự vinh quang mà Cha đã ban cho Con, để hiệp làm một cũng như chúng ta vẫn là một” (Gi 17:22). Như một thi sĩ đã viết:

Được sống trên trời, cùng với các thánh đồ chúng ta yêu,
Chắc chắn sẽ rất quang vinh.
Còn sống dưới đất này, với các thánh đồ chúng ta biết,
Vâng, đó lại là một chuyện khác!

Niềm hi vọng được nhìn thấy Đấng Christ và lên thiên đàng không những chỉ là một động cơ thúc đẩy đức tin và tình yêu, mà còn là động cơ thúc đẩy cho nếp sống thánh khiết nữa. “Ai có sự trông cậy đó trong lòng, thì tự mình làm nên thanh sạch, cũng như Ngài là thanh sạch” IGi 3:3 “Lúc tôi hãy còn là một Cơ Đốc nhân trẻ tuổi, một bạn thân lớn tuổi hơn đã cảnh cáo tôi” Đùng làm một việc gì có thể làm cho cậu lúng túng nếu Chúa Giê-xu tái lâm”. Đúng hơn thì đây là một quan điểm tiêu cực của lời hứa về thiên đàng, tuy nó cũng có một vài điểm tốt. Thật vậy, Giảng cảnh cáo chúng ta rằng nếu chúng ta không cứ ở trong Đấng Christ (giữ mối thông công với Ngài bằng sự vâng lời), chúng ta có thể sẽ phải xấu hổ khi Ngài trở lại (IGi 2:28).

Nhưng chân lý này còn có mặt tích cực của nó. Chúng ta phải giữ cho đời sống mình thanh sạch để khi Chúa Giê-xu trở lại, sẽ chẳng có gì che mờ lần gặp gỡ đầu của chúng ta với Ngài. Chúng ta sẽ bước vào trong niềm vui và vinh quang của hiện diện Ngài với lòng tin quyết và tình yêu! Phi-e-rô gọi đó là “việc được cho và cách rộng rãi trong nước đời đời” (IIPhi 1:11).

Niềm hi vọng về thiên đàng cũng là một khích lệ trong lúc chịu khổ (IPhi 1:4-9). Là tín hữu, chúng ta đều có phần trong sự đau khổ, nhưng giữa các cơn thử thách, chúng ta có thể vui mừng “không xiết kể và đầy vinh hiển” (IPhi 1:8). Khi những người không tin Chúa gặp đau khổ, họ thất vọng và muốn buông xuôi. Nhưng khi các Cơ Đốc nhân chịu khổ, đức tin họ có thể trở thành mạnh mẽ hơn và tình yêu của họ sâu đậm thêm vì niềm hi vọng của họ càng chói sáng hơn.

Làm thế nào để chúng ta biết mình có niềm hi vọng đó? Lời hứa đã được ban cho trong “Phúc Âm chân thật” (Co 1:5). Các tín hữu chúng ta không cần phải “tự tạo lấy” một cảm thức tốt đẹp cho niềm hi vọng của mình. Lời bất biến của Đức Chúa Trời đoan quyết với chúng ta rằng niềm hi vọng của chúng ta đã được bảo đảm trong Chúa Giê-xu Christ. Thật vậy, niềm hi vọng ấy đã được ví sánh với một chiếc neo (He 6:19) chẳng bao giờ bị đứt bị vỡ hoặc trôi đi.

Cho nên chẳng có gì để lấy làm lạ khi Phao-lô cảm tạ Đức Chúa Trời thay cho các tín hữu Cô-lô-se! Đức Chúa Trời đã ban cho Phao-lô nhiều “phép lạ đặc biệt” tại Ê-phê-sô (Cong 19:11). Nhưng chẳng hề có phép lạ nào lớn hơn sự cứu rỗi người tội lỗi hư vong. Nhờ lời chứng trung tín của Ê-pháp-ra, Đức Chúa Trời đã làm nhiều phép lạ của ân điển Ngài tại Cô-lô-se.

Bạn đã từng trải phép lạ của sự cứu rỗi chưa? Nếu đã có rồi, hãy cứ tiếp tục tăng trưởng và kết quả cho Chúa. Cùng một Lời đã ban sự sống cho bạn lúc bạn tin cậy Đấng Christ, cũng sẽ tiếp tục nuôi dưỡng sự sống ấy khiến bạn trở thành một Cơ Đốc nhân trung tín có kết quả.

Đã có “phép lạ Phúc Âm của Ân điển” nào xảy ra tại nơi bạn đang sinh sống chưa?

3. LỜI CẦU NGUYỆN CỦA MỘT TÙ NHÂN (Co 1:9-12)

Những lời cầu nguyện trong các bức thư trong tù của Phao-lô chắc chắn là có một không hai. Để bắt đầu, ông cầu nguyện cho người khác, chứ không phải là cho chính ông. Những lời cầu xin của ông chú trọng vào các phước hạnh thuộc linh, chứ không phải là về các vấn đề vật chất hay thuộc thể. Lẽ dĩ nhiên, cầu xin cho các nhu cầu vật chất hay thuộc thể thì không phải là sai. Nhưng các nhu cầu thuộc linh còn quan trọng hơn rất nhiều.

Bạn làm thế nào để cầu nguyện cho một nhóm người mình chưa hề trông thấy? Tất cả những gì Phao-lô biết được về các tín hữu Cô-lô-se thì ông đều biết nhờ vị mục sư trung tín của họ là Ê-pháp-ra. Phao-lô biết các tà giáo đang đe dọa Hội Thánh, cho nên ông tập trung cầu nguyện cho vấn đề ấy. Trong bài cầu nguyện của mình, Phao-lô đã xin ba điều.

1. Ông cầu xin cho họ được trí khôn thuộc linh (Co 1:9)

Các giáo sư giả hứa với các tín hữu người Cô-lô-se rằng họ sẽ “thông biết” nếu họ tin nhận các giáo thuyết mới. Những từ ngữ như kiến thức, khôn ngoan và sự thông hiểu thuộc linh đều thuộc về ngôn ngữ tôn giáo của họ cho nên Phao-lô đã dùng các từ ngữ này trong bài cầu nguyện của ông.

Sa-tan rất giỏi lừa dối! Nó thích vay mượn từ vựng Cơ đốc, nhưng lại không dùng từ điển Cơ Đốc! Từ rất lâu trước khi các giáo sư giả dùng các từ ngữ này, chúng vốn thuộc về từ vựng của Cơ Đốc giáo.

Nhóm từ “cho nên” nối liền bài cầu nguyện ở đây với những gì Phao-lô đã viết trong câu 6: “... đã học cho thật biết ơn đó (của Đức Chúa Trời)”. Bảng tường trình của Ê-pháp-ra giúp Phao-lô biết chắc rằng các tín hữu này quả thật đã biết Đấng Christ và đã được tái sinh. Nhưng hãy còn rất nhiều điều để học hỏi từ Ngài và về Ngài Phao-lô ngụ ý bảo rằng: “Anh em chẳng cần một từng trải thuộc linh mới mẻ nào nữa cả. Anh em chỉ cần tăng trưởng trong từng trải mà anh em đã có rồi mà thôi”. Khi một người được sinh ra trong gia đình Đức Chúa Trời nhờ tin Chúa Giê-xu Christ, thì người ấy đã được sinh ra với tất cả những gì là cần thiết để tăng trưởng và trưởng thành. Luận đề của thư Cô-lô-se là: “Anh em đã nhờ Ngài mà có được đầy đầy mọi sự” (Co 2:10). Chẳng còn một từng trải cần thiết nào khác hơn là sự tái sinh. Phao-lô cảnh cáo Hội Thánh. “Đừng trông mong một điều gì mới mẻ. Hãy tăng trưởng trong những gì anh em đã nhận được từ lúc bắt đầu” (do tác giả diễn ý).

Mỗi một tín hữu đều cần có “sự hiểu biết về ý muốn của Ngài”. Từ ngữ Hi-văn được dịch ra là sự hiểu biết trong câu này hàm ý “kiến thức đầy đủ”. Bao giờ cũng có điều cần phải học biết thêm về Đức Chúa Trời và ý chỉ Ngài cho đời sống của chúng ta. Chẳng hề có một Cơ Đốc nhân nào lại dám nói rằng mình đã “đạt” và chẳng cần phải học hỏi thêm gì nữa cả. Cũng như một sinh viên năm nhất đại học nộp bản tường trình dài 10 trang giấy của mình về “Lịch sử của vũ trụ”, người Cơ Đốc nhân ấy chỉ có thể công bố sự dốt nát của mình mà thôi.

Ý chỉ Đức Chúa Trời là một phần quan trọng cho sự thành công của đời sống một Cơ Đốc nhân. Đức Chúa Trời muốn chúng ta biết rõ ý chỉ Ngài (Cong 22:14) và hiểu rõ nó (Eph 5:17). Đức Chúa Trời không phải là một nhà độc tài ở xa, chỉ ra lệnh mà chẳng cần phải giải thích, vì chúng ta là bạn hữu Ngài, nên có thể biết việc Ngài làm và tại sao Ngài lại làm như thế (Gi 15:13-15). Trong khi học hỏi nghiên cứu Lời Ngài và cầu nguyện, chúng ta khám phá được nhiều chân lý mới mẻ và phần khởi liên hệ đến ý chỉ của Đức Chúa Trời đối với người thuộc về Ngài.

Từ ngữ đầy dẫy là chữ chìa khoá trong sách Cô-lô-se. Nó cũng là một chữ then chốt trong những lời chỉ giáo của các giáo sư già đã xâm nhập Hội Thánh Cô-lô-se. Phao-lô đã dùng nó nhiều lần (Co 1:19,25 2:2,9,10 4:12,17 (toàn vẹn: được đổ thật đầy)). Từ ngữ này hàm ý được trang bị hoàn toàn đầy đủ. Nó được dùng để mô tả một chiếc tàu đã sẵn sàng cho một chuyến đi. Trong Đấng Christ, người tín hữu có tất cả những gì cần thiết cho chuyến đi của cuộc đời. “Anh em lại nhờ Ngài mà có được đầy dẫy mọi sự” (Co 2:10) “Do ân phúc đầy dẫy của Đấng Christ, chúng tôi được hưởng hạnh phúc ngày càng dư dật” (Gi 1:16).

Theo ngôn ngữ Tân Ước, được đầy dẫy có nghĩa là “được cai trị kiểm soát bởi “Khi nào chúng ta đầy dẫy giận dữ, là chúng ta bị cơn giận dữ cai trị kiểm soát. Được “đầy dẫy Đức Thánh Linh” (Eph 5:18) có nghĩa là “bị Đức Thánh Linh cai trị kiểm soát”. Vậy, lời cầu nguyện của Phao-lô là xin kiến thức đầy đủ về ý chỉ Đức Chúa Trời cai trị kiểm soát các tín hữu này.

Nhưng việc ấy xảy ra như thế nào? Làm thế nào để các tín hữu có thể tăng trưởng trong sự hiểu biết đầy đủ ý chỉ của Đức Chúa Trời? Mấy lời kết thúc câu 9 của Phao-lô cho chúng ta biết: “nhờ mọi sự khôn ngoan và thông tuệ (insight) thuộc linh” (dịch đúng nghĩa đen). Chúng ta hiểu rõ ý chỉ Đức Chúa Trời thông qua Lời Ngài. Đức Thánh Linh dạy bảo chúng ta khi chúng ta chịu đầu phục Ngài (Gi 14:26 16:13). Khi nào chúng ta cầu nguyện và thành thật tìm hiểu chân lý của Đức Chúa Trời, thì thông qua Đức Thánh Linh, Ngài ban cho ta Linh của sự khôn ngoan và cái nhìn thông tuệ mà chúng ta có cần (Eph 1:17).

Ý chỉ tổng quát của Đức Chúa Trời đối với toàn thể con cái Ngài đã được Thánh Kinh cho biết rõ ràng. Còn ý chỉ đặc thù (cụ thể) cho một hoàn cảnh nào đó thì bao giờ cũng phải nhất trí với điều Ngài đã mặc khải trong Lời Ngài. Càng biết rõ ý chỉ tổng quát của Đức Chúa Trời bao nhiêu, chúng ta sẽ càng dễ dàng xác định được sự chỉ dẫn đặc thù của Ngài trong sinh hoạt hằng ngày bấy nhiêu. Phao-lô không khích lệ người Cô-lô-se tìm cầu các khái tượng hay chờ nghe những tiếng phán dạy. Ông cầu nguyện để họ được biết sâu nhiệm hơn Lời Đức Chúa Trời, do đó được khôn ngoan và có cái nhìn thông tuệ hơn vào Lời Đức Chúa Trời, liên quan đến ý chỉ Ngài. Ông muốn họ có “đủ thứ khôn ngoan” – không phải là muốn họ biết hết mọi sự, nhưng có đủ khôn ngoan cần thiết để đưa ra các quyết định và sống đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Trí khôn thuộc linh là khởi điểm của một đời sống Cơ Đốc thành công, có kết quả. Đức Chúa Trời không hề đặt sự dốt nát lên hàng đầu. Có lần tôi nghe một nhà truyền đạo nói: “Tôi chưa bao giờ đến trường học. Tôi chỉ là một Cơ Đốc nhân dốt nát, và rất vui vì thế”. Không phải người ta nhờ đến trường học mà được sự khôn ngoan thuộc linh nhưng cũng đừng bao giờ nên đề cao sự “dốt nát” của mình.

Các vĩ nhân của Đức Chúa Trời như Charles Spurgeon, G.Campbell Morgan, và H.A.Ironside đều chưa được đặc ân được đào tạo chính thức về Thánh Kinh. Nhưng các vị vốn là các học giả tận hiến cho Lời Đức Chúa Trời, học hỏi các chân lý sâu nhiệm qua nhiều giờ nghiên cứu, suy gẫm, và cầu nguyện. Bước đầu tiên hướng tới một đời sống đầy đủ là trí khôn thuộc linh – tức là tăng trưởng trong ý chỉ Đức Chúa Trời nhờ thông biết Lời Ngài.

2. Ông cầu xin để họ thực tập vâng lời (Co 1:10)

Các giáo sư giả tại Cô-lô-se hấp dẫn người ta bằng đề nghị ban “kiến thức thuộc linh”, nhưng họ không liên kết được kiến thức ấy với đời sống. Trong sinh hoạt Cơ Đốc, kiến thức và sự vâng lời đi đôi với nhau. Không có phân cách giữa học với hành, biết và sống. Sự khôn ngoan mà Phao-lô xin ở đây không phải chỉ đơn giản là sự khôn ngoan của trí não về các chân lý sâu nhiệm (Co 1:28 2:3 3:16 4:5). Sự khôn ngoan thuộc linh đích thực phải ảnh hưởng đến sinh hoạt hằng ngày. Khôn ngoan và trí khôn thực tiễn phải đi đôi với nhau (Xu 31:3 Phu 4:6 ICo 1:19).

Trong chức vụ làm mục sư của mình, tôi từng gặp nhiều người bị việc “nghiên cứu các chân lý sâu nhiệm hơn của Thánh Kinh” đầu độc. Họ thường được cấp cho một quyển sách hay giới thiệu một cuộn băng ghi âm của một vị giáo sư nào đó. Chẳng bao lâu, họ bị mê hoặc đến độ trở thành một người câm! Các “chân lý sâu nhiệm hơn mà họ phát giác được chỉ khiến họ xây khối nêp sống thực tế của một Cơ Đốc nhân. Thay vì có được những tấm lòng như bị nung đốt để tận hiến cho Đấng Christ (Lu 24:32), họ lại có những cái “đầu thật to” và bắt đầu tạo ra nhiều vấn đề trong gia đình và Hội Thánh. Tất cả các chân lý trong Thánh Kinh đều thực tiễn, chớ không phải chỉ là lý thuyết. Nếu muốn tăng trưởng về kiến thức, chúng ta phải tăng trưởng trong ân điển (IPhi 3:18).

Có hai từ ngữ tóm tắt tính cách thực tiễn của đời sống Cơ Đốc: bước đi và làm việc. Thứ tự trước sau của hai sự việc này rất quan trọng. Thứ nhất: khôn ngoan rồi bước đi rồi làm việc. Tôi không thể làm việc cho Đức Chúa Trời nếu chưa bước đi trong Ngài nhưng tôi không thể bước đi trong Ngài nếu chẳng biết gì về ý chỉ Ngài cả. Người tín hữu dành thì giờ hằng ngày để đọc Lời Chúa và cầu nguyện (Cong 6:4) sẽ biết được ý chỉ Ngài, có thể bước đi với Ngài và làm việc cho Ngài.

Dù sao thì chủ đích của đời sống chúng ta không phải là làm đẹp lòng chính mình, nhưng là làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Chúng ta phải bước đi xứng đáng với chức phận mà Chúa đã gọi chúng ta (Eph 4:1) và xứng đáng với Phúc Âm (Phi 1:27) nghĩa là chúng ta phải bước đi xứng đáng cho Đức Chúa Trời (ITe 2:12). Tóm lại, chúng ta phải bước đi để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời (ITe 4:1).

Không phải là chúng ta làm việc cho Đức Chúa Trời chính Đức Chúa Trời đang hành động trong và qua chúng ta để sinh ra trái của ân điển Ngài (Phi 2:12-13). Sự phục vụ của Cơ Đốc nhân là kết quả của sự tận hiến của người ấy. Công tác chúng ta đang sống. Chính nhờ ở trong Đấng Christ mà chúng ta có thể kết quả (Gi 15:1tt).

Đức Chúa Trời phải tạo nên người công nhân trước khi đề ra một công tác. Đức Chúa Trời đã dành 13 năm chuẩn bị Giô-sép cho chức vụ của ông tại Ai Cập, và 80 năm chuẩn bị Môi-se để lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên. Chúa Giê-xu đã dành 3 năm dạy dỗ các môn đồ về phương pháp để kết quả, còn vị sứ đồ có học vấn là Phao-lô thậm chí còn cần “một giáo trình hậu tốt nghiệp” tại A-ra-bi trước khi có thể phục vụ có kết quả cho Đức Chúa Trời. Một hài nhi sơ sinh chỉ có thể la khóc và cho mọi người biết sự hiện diện của mình, nhưng không thể làm việc được. Một Cơ Đốc nhân mới tin Chúa có thể làm chứng đạo và thậm chí đưa người khác đến với Chúa nữa – nhưng cần phải được dạy dỗ để biết bước đi và học tập sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời trước khi được đặt vào một chức vụ có trách nhiệm trong chức vụ.

Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời chỉ cho người ta biết ý chỉ Ngài. Khi chúng ta vâng theo ý chỉ Ngài lúc bước đi, chúng ta có thể làm việc cho Ngài và kết quả. Không phải chúng ta chỉ tình cờ phục vụ Đức Chúa Trời mà thôi chúng ta phải “nảy ra (kết quả) đủ các việc lành” (Co 1:10). Nhưng còn có một phó phẩm phước hạnh của từng trải này: “càng thêm lên (tăng trưởng) trong sự hiểu biết Đức Chúa Trời” (c.10). Trong khi chúng ta bước đi với Đức Chúa Trời và làm việc cho Ngài, chúng ta sẽ càng được biết Ngài rõ ràng thêm.

Đời sống Cơ Đốc của chúng ta rất cần được thăng bằng. Chắc chắn chúng ta sẽ biết Đức Chúa Trời càng hơn khi cầu nguyện trong phòng riêng và suy gẫm Lời Ngài. Nhưng chúng ta càng được biết Ngài càng hơn khi cùng bước đi với Ngài trong sinh hoạt hằng ngày và làm việc để đưa nhiều người khác đến với Chúa và giúp đỡ những người thuộc về Ngài.

Thờ phượng và phục vụ không có tính cách tranh đua. Chúng luôn luôn đi đôi với nhau. Lúc phục vụ tại thế, Chúa chúng ta thường rút lui vào nơi yên tĩnh để cầu nguyện – rồi Ngài lại ra đi để phục vụ. Chúng ta cần tránh các thái cực của thần bí chủ nghĩa không thực tiễn, và thái độ hăng hái theo xác thịt. Trong khi dành thì giờ sống riêng với Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ biết rõ Ngài và ý chỉ Ngài cho đời sống chúng ta, và khi cùng đi ra với Ngài, chúng ta sẽ càng học biết được nhiều hơn.

Vâng lời thực tế có nghĩa là làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, phục vụ Ngài và biết Ngài ngày càng rõ ràng hơn. Bất luận một giáo lý nào cô lập hoá người tín hữu với các nhu cầu của thế giới chung quanh người ấy, đều không phải là giáo lý thuộc linh. Nhà truyền đạo D.C.Moody thường nói: “Tất cả các quyền Thánh Kinh đều phải được bọc bằng da giày”. Chắc Phao-lô cũng đồng ý như thế.

Phao-lô đã cầu nguyện để chúng ta có được sự khôn ngoan thuộc linh, và trí khôn ấy có thể tạo ra kết quả là sự vâng lời thực tiễn. Nhưng hãy còn một điều cầu xin thứ ba nữa để hoàn tất hai điều trên đây và nếu thiếu nó, đời sống Cơ Đốc sẽ không thể trưởng thành.

3. Ông cầu xin để họ có đức hạnh tuyệt vời (Co 1:11-12)

Khôn ngoan và cách ăn ở cư xử luôn luôn liên hệ với đức hạnh. Một trong những vấn đề quan trọng trong thế giới Phúc Âm của chúng ta ngày nay là nhấn mạnh trên “sự hiểu biết thuộc linh” và “sự phục vụ của Cơ Đốc giáo” nhưng lại không kết hợp các vấn đề quan trọng đó với cá tính con người.

Thí dụ, có một số giáo sư và nhà truyền đạo rêu rao rằng họ có sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, thế nhưng họ lại thiếu tình yêu thương, tử tế, và nhiều đức tính cơ bản khác nữa vốn khiến cho đời sống Cơ Đốc nhân trở thành đẹp đẽ và phân biệt. Thậm chí có một số Cơ Đốc nhân giỏi chinh phục linh hồn người ta “lại quá bận rộn phục vụ Đức Chúa Trời đến nỗi không chịu dành thì giờ để kiểm điểm lại các sự kiện, khiến cho những điều họ công bố chỉ là những lời nói dối về các Cơ Đốc nhân khác. Mấy tháng trước đây, tôi có đọc một tờ báo tôn giáo. Nhưng khi khám phá ra rằng họ không có mục “Thư gửi chủ bút” (ngoại trừ chỉ để đăng những bức thư ca tụng), và họ chẳng bao giờ cho in một bản đính chính hay một lời xin lỗi nào về một lỗi lầm cả, tôi đã thôi không đọc tạp chí ấy nữa.

Kiến thức, cách ăn ở ứng xử, sự phục vụ và cá tính phải song hành với nhau. Chúng ta biết rằng ý chỉ của Đức Chúa Trời là muốn cho chúng ta tuân thủ ý chỉ ấy và khi vâng theo như thế, là chúng ta phục vụ Ngài và tăng trưởng trong cá tính Cơ Đốc nhân. Tuy chẳng hề có ai trong chúng ta đạt được thể cân bằng trọn vẹn trong bốn yếu tố này chúng ta cần phải phấn đấu để đạt thể cân bằng đó.

Năng lực của chúng ta là do Đức Chúa Trời ban cho. Thật vậy, câu 11 chép “nhờ quyền phép vinh hiển Ngài, được có sức mạnh mọi bề”. Phao-lô đã dùng hai từ ngữ Hi-văn khác nhau để chỉ năng lực của Đức Chúa Trời: *dunamis* (từ đó chúng ta có từ ngữ dynamite: cốt mìn) nghĩa là “nội lực”, và *kratos* nghĩa là “quyền năng bộc lộ”, tức là phần năng lực được biểu hiện bằng hành động. Ân tứ của đời sống Cơ Đốc của chúng ta chỉ là quyền năng của Đức Chúa Trời vận hành trong đời sống chúng ta. Sự tăng trưởng và trưởng thành thuộc linh chỉ có thể có được khi chúng ta đầu phục quyền năng của Đức Chúa Trời và để cho Ngài hành động trong chúng ta.

Chúng ta thường nghĩ về quyền năng quang vinh của Đức Chúa Trời được biểu hiện trong các biến cố vĩ đại, táo bạo – việc dân Y-sơ-ra-ên vượt Hồng hải, Đa-vít lãnh đạo một đạo quân chiến thắng, hay Phao-lô khiến kẻ chết sống lại. Nhưng điểm nhấn mạnh ở đây là trên bản chất Cơ Đốc: kiên nhẫn, nhịn nhục, vui mừng và cảm tạ. Các chiến thắng nội tâm của linh hồn cũng vĩ đại như thế, nếu không nói là còn vĩ đại hơn các chiến thắng cũng khác đã được ghi vào các niên giám và trở thành sử ký. Với Đa-vít, việc kiểm soát được cơn giận lúc bị Si-mê-i sỉ nhục, còn quan trọng hơn chiến công của ông lúc giết được Gô-li-át (IISa 16:5-13) nữa “Người chậm nóng giận thắng hơn người đồng sĩ, và ai cai trị lòng mình thắng hơn kẻ chiếm lấy thành” (Ch 16:32)

Từ ngữ kiên nhẫn có nghĩa là “chịu đựng khi gặp hoàn cảnh khó khăn”. Nó phản nghĩa với ngã lòng thất chí. Từ ngữ này chẳng bao giờ được dùng liên hệ với Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Trời chẳng bao giờ gặp hoàn cảnh khó khăn. Với Đức Chúa Trời thì chẳng có gì là bất khả thi (Gie 32:27).

Kiên nhẫn là một đặc điểm quan trọng của đời sống Cơ Đốc trưởng thành. Nếu chúng ta không học tập để biết kiên nhẫn, có thể chúng ta cũng sẽ chẳng học tập được gì khác nữa cả. Là tín hữu, chúng ta có thể vui vẻ cả khi gặp hoạn nạn, vì biết rằng “Nào những thế thôi, nhưng chúng ta cũng khoe mình trong hoạn nạn nữa, vì biết rằng hoạn nạn sanh sự nhịn nhục, sự nhịn nhục sanh sự rèn tập, sự rèn tập sanh sự trông cậy” (Ro 5:3,4).

Xin đừng bao giờ nghĩ rằng kiên nhẫn là tự mãn. Kiên nhẫn là nhẫn nại trong hành động. Sự việc không phải là Cơ Đốc nhân ngồi trên chiếc ghế xích đu, chờ cho Đức Chúa Trời hành động. Đó là người chiến binh ngoài mặt trận tiếp tục chiến đấu khi chiến trận trở nên cam go. Đó là người lực sĩ điền kinh trên đường đua, không chịu dừng lại vì muốn thắng cuộc (He 12:1).

Có quá nhiều Cơ Đốc nhân có khuynh hướng muốn bỏ cuộc khi tình hình trở nên khó khăn. Tiến sĩ V. Raymond Edman, cố hiệu trưởng Trường Đại học Wheaton (Illinois) vốn là người có đời sống thánh thiện, thường nhắc nhở các sinh viên: “Bây giờ cũng còn là quá sớm để bỏ cuộc”.

Tôi thường nghĩ đến câu này khi tự thấy mình đang ở giữa hoàn cảnh chịu thử thách. Chiến thắng được bảo đảm không phải là bằng tài năng hay nhờ được đào tạo huấn luyện, mà là nhờ kiên nhẫn. Charles Spurgeon nói: “Nhờ kiên nhẫn mà con ốc leo được vào tàu (của Nô-ê)”.

Cũng với đức kiên nhẫn, chúng ta cần có sự nhịn nhục. Từ ngữ này có nghĩa là “tự chế” và là phản nghĩa của báo thù. Kiên nhẫn có liên hệ trước nhất với hoàn cảnh, còn nhịn nhục liên hệ với con người. Đức Chúa Trời sở dĩ nhịn nhục con người vì Ngài yêu mến, muốn ban ân điển cho họ (II Phi 3:9). Nhịn nhục là một trái của Thánh Linh (Ga 5:22). Nó thuộc loại “y phục ân điển” mà người tín hữu phải mặc cho linh hồn mình (Co 3:12).

Thật đáng ngạc nhiên khi nhiều người có thể nhịn nhục chịu đựng các hoàn cảnh thử thách, chỉ để mất bình tĩnh với một bạn thân hay người thân yêu. Môi-se đã nhịn nhục trong lúc đấu tranh với Pha-ra-ôn tại Ai Cập. Nhưng ông đã mất bình tĩnh với chính dân mình, mà hậu quả là bị mất quyền vào Đất Hứa (Dan 20:1-29) “Người nào chẳng chế trị lòng mình, khác nào một cái thành hư nát, không có vách ngăn?” (Ch 25:28).

Kiên nhẫn và nhịn nhục sẽ đi đôi với nhau nếu chúng ta đang tăng trưởng thuộc linh. Phao-lô liệt kê chúng như các dấu hiệu của người phục vụ chân chính của Chúa Giê-xu Christ (II Co 6:4-6). Có điều chắc chắn là Phao-lô đã phơi bày các ân tứ này ra trong chính đời sống ông (II Ti 3:10). Tấm gương vĩ đại về kiên nhẫn và chịu đựng trong Cựu Ước là Gióp (Gia 5:10-11). Còn trong Tân Ước thì lẽ dĩ nhiên, đó là Chúa Giê-xu Christ.

Đức Chúa Trời làm phép lạ trong các lãnh vực vật chất hay vật lý (thuộc thể) là điều hết sức dễ dàng, vì mọi sự trong cõi thọ tạo đều vâng theo lệnh Ngài. Chúa Giê-xu đã chữa lành tai cho Man-chu, nhưng Ngài không thể tự nhiên tự động thay đổi tâm lòng của Phi-e-rơ để cất đi sự oán thù và hung bạo trong đó (Lu 22:50-51). Đức Chúa Trời có thể khiến nước chảy ra từ tảng đá, nhưng không thể bắt buộc Môi-se phải nhịn nhục.

Một vị mục sư thường đến thăm một thanh niên bị phỏng lửa nặng. Anh ta đã phải nằm liệt giường và phải gặp nhiều khó khăn dù chỉ để thực hiện các chức năng cơ bản của đời sống mình.

Ngày nọ, chàng thanh niên ấy nói với vị mục sư: “Tôi mong Đức Chúa Trời sẽ làm một phép lạ để chữa lành cho tôi”.

Ông mục sư đáp: “Đức Chúa Trời đang làm phép lạ đấy, nhưng không phải loại mà cậu trông mong. Tôi đã nhận thấy là cậu biết kiên nhẫn và tỏ ra biết điều hơn mấy tuần gần đây. Theo tôi thì đó là một phép lạ lớn hơn cả việc chữa lành cho thân thể cậu”.

Quyền năng của Đức Chúa Trời đã được chứng minh rõ ràng trong đời sống chúng ta không những bằng sự kiên nhẫn và nhịn nhục của chúng ta, mà còn bằng sự vui vẻ của chúng ta nữa. Khi gặp hoàn cảnh khó khăn, chúng ta phải bộc lộ thái độ vui vẻ kiên trì, và khi cảm thấy khó sống chung với người khác, chúng ta phải tỏ thái độ vui vẻ chịu đựng. Có một thứ kiên nhẫn “chịu đựng nhưng không vui” Phao-lô cầu xin cho các Cơ Đốc nhân Cô-lô-se từng trải sự vui vẻ kiên nhẫn và nhịn nhục.

Chúng ta thường dùng hai từ ngữ vui vẻ và hạnh phúc như những từ có thể thay thế cho nhau, nhưng thiết tưởng cần có một điểm phân biệt. Hạnh phúc thường tùy thuộc vào những sự việc xảy ra. Nếu hoàn cảnh đầy khích lệ và thiên hạ tỏ ra tử tế, chúng ta cảm thấy hạnh phúc. Nhưng niềm vui không lệ thuộc cả hoàn cảnh lẫn thiên hạ. Thư tín nhiều niềm vui nhất mà Phao-lô đã viết là thư Phi-líp, và ông đã viết nó trong lúc ngồi tù, trực diện với việc ông có thể chịu tuận đạo vì niềm tin của mình.

Chỉ có Linh của Đức Chúa Trời, vận hành trong chúng ta, mới có thể ban cho chúng ta niềm vui giữa lúc chúng ta gặp nhiều vấn đề của hoàn cảnh và với thiên hạ. “Trái của Thánh Linh ấy là sự vui mừng” (Ga 5:22). Niềm vui không phải là điều tự chúng ta có thể “tạo ra”, nó là điều mà Đức Thánh Linh “vận động từ bên trong để tạo nên” – “vui vẻ bởi (bản Anh văn dịch là trong) Đức Thánh Linh” (Ro 14:17 bản NIV).

Tôi nhớ lại nhiều lần trong đời sống mình, khi hoàn cảnh chung quanh đều cho thấy toàn là khó khăn, thất bại. Thế nhưng lòng tôi lại đầy dẫy một niềm vui thuộc linh chỉ có thể đến từ một mình Đức Chúa Trời mà thôi. Thật đáng buồn mà phải nói rằng tôi cũng nhớ lại là có nhiều lúc (và quá nhiều nữa là chẳng khác) khi tôi đầu hàng các hoàn cảnh chung quanh, thì cũng đánh mất cả niềm vui lẫn chiến thắng.

Chúng cứ hiển nhiên thứ tư của quyền năng Đức Chúa Trời trong đời sống chúng ta là tạ ơn. Các Cơ Đốc nhân đầy dẫy Đức Thánh Linh sẽ vui vẻ và tạ ơn (Eph 5:18-20). Khi nào chúng ta đánh mất niềm vui, chúng ta cũng bắt đầu phàn nàn và trở thành kẻ hay chê bai chỉ trích.

Thư tín Cô-lô-se đầy dẫy lời tạ ơn. Phao-lô cảm tạ Đức Chúa Trời thay cho Hội Thánh Cô-lô-se (Co 1:3) và ông cầu xin để họ được tăng trưởng trong chính việc họ cảm tạ Đức Chúa Trời (1:32). Đời sống Cơ Đốc nhân phải đầy dẫy lời cảm tạ (2:7). Một trong những chứng cứ thuộc linh về sự tăng trưởng của chúng ta trong việc học hỏi nghiên cứu Thánh Kinh, là cảm tạ (3:15-17) Lời cầu nguyện của chúng ta cũng phải luôn luôn bao gồm lời tạ ơn (4:2). Cơ Đốc nhân đầy dẫy Đức Thánh Linh, đầy dẫy Lời Đức Chúa Trời và biết thức canh cầu nguyện, sẽ chứng minh điều đó bằng thái độ tán thưởng và cảm tạ Đức Chúa Trời.

Có một số người có tánh tự nhiên biết tán thưởng, nhưng một số khác thì không chính số người sau này mới đặc biệt cần có quyền năng của Đức Chúa Trời để bộc lộ lời cảm tạ. Chúng ta phải nhớ rằng mọi ân tứ tốt lành đều từ Đức Chúa Trời đến (Gia 1:17) và Ngài vốn là “Nguồn gốc, Đấng Nâng Đỡ và là Cứu cánh của mọi sự” như các nhà thần học đã nói. Chính hơi thở trong miệng của chúng ta cũng là món quà tặng miễn phí của Đức Chúa Trời.

Ký túc xá sinh viên của trường đại học Northwestern tại Evanston, Illinois chỉ cách nhà tôi một quãng ngắn nếu đi ô tô. Mấy năm trước đây, nhà trường có một đội cứu hộ nhằm giúp đỡ các hành khách đi tàu trong hồ Michigan. Ngày 8 tháng chín 1860, một tàu chở hành khách, chiếc Lady Elgin bị chìm gần Evanston, và một sinh viên thần học, Edward Spencer đã đích thân vớt được 17 người. Việc tận dụng sức lực ngày hôm đó đã gây tàn hại vĩnh viễn cho sức khoẻ của anh ta, và anh không còn tiếp tục chịu huấn luyện để trở thành mục sư được nữa. Lúc anh ta qua đời mấy năm sau đó, người ta ghi nhận rằng đã chẳng hề có một người nào trong số 17 người từng được anh cứu vớt, đã đến để cảm ơn anh.

Tạ ơn là việc làm trái ngược với thói vị kỷ. Kẻ ích kỷ tự nhủ: “Ta xứng đáng với điều đã xảy đến cho mình! Những người khác phải làm cho ta được hạnh phúc!” Nhưng người Cơ Đốc trưởng thành nhận thức được rằng đời sống là một quà tặng (ân tứ) của Đức Chúa Trời ban, còn các phước hạnh của đời sống thì chỉ nhờ bàn tay dư dật của Đức Chúa Trời mà đến.

Lẽ dĩ nhiên, phước hạnh duy nhất đáng lẽ phải luôn luôn thôi thúc chúng ta đến với sự tạ ơn, ấy là Đức Chúa Trời đã khiến chúng ta “(xứng đáng) để dự phần cơ nghiệp của các thánh trong sự sáng láng” (Co 1:12). Từ ngữ có thể trong câu này có nghĩa là “có đầy đủ tư cách”: Đức Chúa Trời đã khiến chúng ta có đầy đủ tư cách để vào thiên đàng! Và trong khi chờ đợi Đấng Christ trở lại, chúng ta có thể vui hưởng phước của mình trong di sản thuộc linh mà chúng ta có trong Ngài (Eph 1:11,18-23).

Trong Cựu Ước, dân sự Đức Chúa Trời có một di sản trên thế gian này là xứ Ca-na-an. Ngày nay, các Cơ Đốc nhân có một di sản thuộc linh trong Đấng Christ. Xứ Ca-na-an không phải là một bức tranh chỉ thiên đàng, vì trên thiên đàng không có chiến tranh, cũng không có người bị bại trận. Xứ Ca-na-an là một bức tranh về di sản hiện tại của chúng ta trong Đấng Christ. Chúng ta phải lấy đức tin để đòi hỏi phần di sản đó khi ra đi trên các lời hứa của Đức Chúa Trời (Gios 1:1-9). Hằng ngày, chúng ta có thể đòi hỏi các phước hạnh đang được dành cho mình, và việc này càng khiến chúng ta tạ ơn Chúa càng hơn.

Khi kiểm điểm lại bài cầu nguyện tuyệt diệu này, chúng ta có thể nhận thấy nó đi sâu đến mức độ nào. Nếu muốn sống đẹp lòng Đức Chúa Trời, chúng ta cần có trí khôn thuộc linh. Chúng ta cũng cần sự vâng lời thực tiễn trong khi bước đi và làm việc. Nhưng kết quả của tất cả những việc đó phải là do quyền năng của con người bên trong, loại quyền năng dẫn đến sự vui vẻ nhin nhục và chịu đựng, cùng với sự tạ ơn.

Gần đây, bạn có đang cầu nguyện như thế không?

4. HÃY TÔN NGÀI LÀM CHÚA TỂ TẤT CẢ! (Co 1:13-20)

Các giáo sư giả tại Cô-lô-se, cũng như các giáo sư giả của chúng ta ngày nay đều không phủ nhận tầm quan trọng của Chúa Giê-xu Christ. Họ chỉ muốn truất ngôi Ngài, dành cho Ngài một địa vị nổi bật nhưng không phải là độc tôn, mà thôi. Trong triết lý của họ, Chúa Giê-xu Christ chỉ là một trong nhiều “lưu xuất” từ Đức Chúa Trời để nhờ đó người ta có thể đến với Đức Chúa Trời. Trong đoạn sách này Phao-lô đã bài bác chính lời tuyên bố đó.

Có lẽ không có phân đoạn nào trong Tân Ước có giáo lý cô đọng về Chúa Giê-xu Christ hơn là phân đoạn này. Chúng ta phải giữ mình để khỏi mãi đi quanh quẩn nếu nhớ rằng Phao-lô đã viết ra nó là để chứng minh địa vị độc tôn của Đấng Christ, ông đã làm như thế bằng cách sử dụng 4 luận cứ không bắt bẻ vào đâu được.

1 Đấng Christ là Cứu Chúa (Co 1:13-14)

Vấn đề quan trọng nhất của loài người là tội – một vấn đề mà chẳng hề có một triết gia hay giáo sư tôn giáo nào giải quyết nổi. Tội nhân cần một Cứu Chúa. Hai câu này đưa ra một bức tranh sống động về bốn hành động cứu rỗi của Đấng Christ vì chúng ta.

Ngài đã giải thoát chúng ta (Co 1:13a). Động từ này có nghĩa là “cứu nguy”. Chúng ta không thể tự giải thoát khỏi trách nhiệm và sự trừng phạt dành cho tội lỗi, nhưng Chúa Giê-xu có thể giải thoát chúng ta. Chúng ta gặp nguy cơ phải sống đời đời xa cách Đức Chúa Trời. Lưỡi gươm phán xét của Đức Chúa Trời đang treo trên đầu chúng ta!

Nhưng sự giải thoát này còn bao hàm một việc khác nữa: chúng ta được giải thoát khỏi uy quyền của Sa-tan và các thế lực của bóng tối. Các giáo sư giả của Trí huệ phái tin tưởng vào một tổ chức các tà linh đang cai trị thế giới (Co 1:16 2:10,15): các thiên sứ, các thiên sứ trưởng, các nhà cầm quyền, các thế lực, các quyền cai trị, các ngôi vua. John Milton đã dùng các danh hiệu này khi mô tả các lực lượng của Sa-tan trong tác phẩm nổi tiếng Paradise Lost của ông.

Ngài đòi chúng ta qua (1:13b). Từ ngữ này được dùng để mô tả việc lưu đày một dân tộc từ xứ này sang một xứ khác. Sử ký ghi lại việc Antiochus Đại đế đã đày ít nhất là 2.000 người Do Thái từ Ba-by-lôn đến Cô-lô-se.

Chúa Giê-xu Christ đã không giải thoát chúng ta khỏi xiềng xích chỉ để bỏ mặc chúng ta đi lang thang vô mục đích. Ngài đã chuyển chúng ta vào chính vương quốc ánh sáng của Ngài và khiến chúng ta chiến thắng vương quốc tối tăm của Sa-tan. Các nhà cầm quyền của thế gian bắt những dân tộc bị bại trận đưa đi lưu đày, nhưng Chúa Giê-xu Christ thì chuyển những người chiến thắng đi. Câu Con rất yêu dấu của Ngài có thể dịch là “con trai của tình yêu của Ngài”. Lúc Chúa Giê-xu Christ chịu phép báp-tem và hoá hình, Đức Chúa Cha đã tuyên bố rằng Chúa Giê-xu là “Con yêu dấu” của Ngài (Mat 3:17 17:5) Sự kiện này nhắc chúng ta về cái giá mà Đức Chúa Cha đã phải trả lúc Ngài ban Con

Ngài cho chúng ta. Nó cũng nhắc nhở chúng ta rằng nước Ngài là vương quốc của tình yêu, đồng thời cũng là vương quốc của ánh sáng nữa.

Từng trải của dân Y-sơ-ra-ên trong Cựu Ước là một thí dụ minh họa cho từng trải thuộc linh này vì Đức Chúa Trời đã giải thoát họ khỏi ách nô lệ của Ai Cập và đưa họ vào Đất Hứa, là di sản dành cho họ. Sở dĩ Đức Chúa Trời đưa chúng ta ra, là để có thể đưa chúng ta vào.

Ngài cứu chuộc chúng ta (Co 1:14a). Từ ngữ này có nghĩa là “tha cho một tù nhân ra vì đã nhận một giá chuộc”. Phao-lô không ngụ ý bảo rằng Chúa Giê-xu đã trả một giá chuộc cho Sa-tan để cứu vớt chúng ta khỏi vương quốc tối tăm. Bởi sự chết và sống lại của Ngài, Chúa Giê-xu đã đáp ứng các đòi hỏi thánh khiết của Luật pháp Đức Chúa Trời. Sa-tan tìm cách buộc tội chúng ta rồi bỏ tù chúng ta vì nó biết rằng chúng ta đã vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời. Nhưng giá chuộc đã được trả trên đời Gô-gô-tha, và bởi đức tin vào Chúa Giê-xu Christ, chúng ta đã được trả tự do.

Ngài đã tha tội cho chúng ta (1:14b). Cứu chuộc và tha tội đi đôi với nhau (Eph 1:7). Từ ngữ được dịch ra là tha tội có nghĩa là “xua đi” hay “triển hạn trả nợ”. Đấng Christ chẳng những giải thoát cho chúng ta, chuyển chúng ta sang một vương quốc mới, mà còn triển hạn mọi món nợ, để chúng ta không còn bị bắt làm nô lệ nữa. Sa-tan không thể tìm được điều gì trong hồ sơ của chúng ta có thể buộc tội được chúng ta!

Mấy năm gần đây, Hội Thánh đã tìm lại được quyền tự do của sự tha tội. Đức Chúa Trời tha thứ cho tội nhân là một hành động của ân điển Ngài. Chúng ta vốn không xứng đáng được tha thứ, cũng không thể làm được gì cả để mua sự tha thứ đó, khi biết được rằng mình đã được tha tội, chúng ta sẽ có thể giao thông với Đức Chúa Trời, vui hưởng ân điển Ngài, và tìm cầu ý chỉ Ngài. Tha tội không phải là bỏ qua tội lỗi, mà đúng hơn là một sự khyến khích hãy vâng lời. Và vì chúng ta đã được tha tội, chúng ta sẽ có thể tha thứ cho người khác (Co 3:13). Ân dụ về người đầy tớ không chịu tha thứ làm sáng tỏ việc một người không có tinh thần tha thứ bao giờ cũng dẫn người ấy đến với xích xiềng nô lệ (Mat 18:21-35).

Chúa Giê-xu Christ độc tôn trong sự cứu rỗi. Chẳng hề có người nào khác cứu chuộc cho chúng ta tha tội được chúng ta, chuyển được chúng ta từ nước của Sa-tan vào nước Đức Chúa Trời, mà lại làm điều đó hoàn toàn bởi ân điển. Câu “bởi huyết Ngài” (có trong bản Anh văn) nhắc nhở chúng ta về cái giá phải trả cho sự cứu rỗi chúng ta. Môi-se và dân Y-sơ-ra-ên chỉ phải làm đổ huyết một chiên con để được giải thoát khỏi Ai Cập Nhưng Chúa Giê-xu đã phải đổ chính máu mình ra để giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi.

2. Đấng Christ là Đấng Tạo Hoá (Co 1:15-17)

Các giáo sư giả rất lẫn lộn về công cuộc sáng tạo vũ trụ. Họ chủ trương rằng vật chất là xấu kể cả thân thể con người. Họ cũng dạy rằng Chúa Giê-xu Christ đã không có một thân thể thật vì nếu như thế tức là Ngài đã phải tiếp xúc với vật chất xấu xa, gian ác. Hậu quả của những lời sự dạy dỗ sai lạc này rất tai hại một mặt nó bao gồm chủ nghĩa khổ hạnh cực đoan và mặt khác là tội lỗi không kim ché. Nói cho cùng nếu thân thể chúng ta đã là tội lỗi rồi, thì bạn có thể hoặc là cứ vui chơi hưởng thụ, hoặc là cố tìm cách bắt nó làm nô lệ cho mình.

Trong đoạn này, Phao-lô giải thích mối liên hệ theo bốn phương diện giữa Chúa Giê-xu Christ với công trình sáng tạo.

Ngài đã hiện hữu trước công trình sáng tạo (Co 1:15). Từ ngữ sanh ra đầu không chỉ thời gian mà chỉ địa vị của Đấng Christ. Đấng Christ không là tạo vật đầu tiên, vì chính Ngài vốn là Đấng Tạo Hoá muôn vật. Câu “được sanh ra đầu hết” có nghĩa là “đứng hàng đầu, có tầm quan trọng hàng đầu” Lại ta cũng sẽ làm người thành con trưởng nam ta, vua cao hơn hết các vua trên đất”(Thi 89:27). Được sanh ra đầu hết thấy mọi vật dựng nên có nghĩa là “được quyền ưu tiên trên cả tạo vật”. Chúa Giê-xu Christ không phải là một tạo vật, Ngài là Đức Chúa Trời đời đời.

Phao-lô dùng từ ngữ “hình ảnh” để làm sáng tỏ sự kiện này. Nó có nghĩa “một sự tiêu biểu và bày tỏ chính xác”. Trước giả thư Hê-bơ-rơ khẳng định rằng Chúa Giê-xu Christ là “hình bóng của bản thể Ngài” (He 1:3 bản diễn ý là “hiện thân của bản thể Ngài”). Chúa Giê-xu đã có thể nói rằng: “Ai

đã thấy ta, tức là đã thấy Cha” (Gi 14:9). Trong yếu tính thì Đức Chúa Trời vốn vô hình nhưng Đấng Christ đã bày tỏ Ngài ra cho chúng ta thấy (Gi 1:18). Cõi thiên nhiên bày tỏ cho mọi người thấy sự hiện hữu, quyền năng và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời nhưng cõi thiên nhiên không thể bày tỏ cho mọi người thấy chính yếu tính của Đức Chúa Trời. Chỉ trong Chúa Giê-xu Christ, Đức Chúa Trời vô hình mới được nhìn thấy trọn vẹn mà thôi. Vì chẳng hề có một tạo vật nào có thể bày tỏ cho người ta thấy trọn vẹn về Đức Chúa Trời, cho nên Chúa Giê-xu Christ phải là chính Đức Chúa Trời.

Ngài đã tạo dựng mọi vật (Co 1:16). Vì Đấng Christ đã sáng tạo muôn vật, nên bản thân Ngài chẳng do ai sáng tạo ra cả. Chử vì mở đầu câu này có thể được dịch là bởi vì. Chúa Giê-xu Christ đứng đầu tất cả bởi vì Ngài đã sáng tạo ra muôn vật. Cho nên chẳng có chi đáng ngạc nhiên khi cả đến sóng và gió cũng tuân lệnh Ngài, mọi bệnh tật chết chóc đều chạy trốn trước mặt Ngài, vì Ngài là Chủ tể tất cả. “Muôn vật bởi Ngài làm nên” (Gi 1:3). Câu này bao gồm mọi vật trên trời và dưới đất, hữu hình và vô hình. Mọi vật đều ở dưới quyền sai khiến của Ngài.

Muôn vật đều vì Ngài mà được dựng nên (Co 1:16b). Muôn vật đều hiện hữu trong Ngài, vì Ngài và nhờ Ngài. Chúa Giê-xu Christ là Bào không khí trong đó chúng hiện hữu, là Chủ thể (Agent) nhờ đó mà chúng hiện hữu, là Đấng mà vì Ngài, chúng đã được tạo dựng.

Phao-lô dùng đến ba tiền trí từ khác nhau, một phương pháp để phản bác triết lý của các giáo sư giả. Qua nhiều thế kỷ, các triết gia Hy Lạp dạy rằng mọi vật đều cần đến một nguyên nhân đầu tiên, một nguyên nhân phương tiện và nguyên nhân quyết định. Nguyên nhân đầu tiên là kế hoạch, nguyên nhân phương tiện là năng lực và nguyên nhân quyết định là chủ đích. Khi nói về công trình sáng tạo vũ trụ, thì Đấng Christ là nguyên nhân đầu tiên (Ngài đã lập kế hoạch cho việc ấy) là nguyên nhân phương tiện (Ngài tạo ra nó), và là nguyên nhân quyết định (Ngài làm thế vì thích làm như thế).

Nếu mọi sự trong công trình sáng tạo sở dĩ hiện hữu là vì Ngài, thì tự chúng, chẳng có gì là xấu, là ác (ngoại trừ đối với Sa-tan và các thiên sứ sa ngã ngay cả những thành phần này cũng được Đức Chúa Trời dùng để hoàn thành ý chỉ Ngài). Các luật lệ quy tắc của Trí huệ phái về cách sử dụng công trình thợ tạo của Đức Chúa Trời đều là chuyện đại dột (Co 2:20-23). Điều đó cũng có nghĩa là công trình sáng tạo của Đức Chúa Trời, tuy đang nằm trong xích xiềng của tội lỗi (Ro 8:22) vẫn có thể được dùng để tôn vinh Đức Chúa Trời và để cho những người thuộc về Đức Chúa Trời thừa hưởng (ITi 6:17).

Ngài kết chặt muôn vật lại với nhau (Co 1:17). “Trong Ngài, muôn vật được gắn chặt vào nhau (bản NIV). Một hướng dẫn viên đưa một nhóm người đi xem qua một phòng thí nghiệm nguyên tử và giải thích cách mọi vật đã được cấu thành nhờ sự chuyển động thật nhanh của các phân tử. Du khách theo dõi các mô hình của các phân tử và vô cùng kinh ngạc khi biết được rằng vật chất được tạo thành trước nhất là nhờ khoảng không. Trong thì giờ nêu thắc mắc, một du khách hỏi: “Nếu đó là cách thức vận hành của vật chất, thế thì điều gì giữ chặt tất cả lại với nhau?”. Hướng dẫn viên đã không trả lời được câu hỏi này.

Nhưng Cơ Đốc nhân thì trả lời được: Chúa Giê-xu Christ! Vì “Ngài vốn hiện hữu trước muôn vật”, chính Ngài đã giữ chặt chúng lại với nhau. Một lần nữa, đây là một cách khác nữa để khẳng định Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời. Chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có trước cả công trình sáng tạo, và chỉ một mình Đức Chúa Trời mới khiến được cả công trình sáng tạo kết hợp vào nhau. Cho rằng Chúa Giê-xu Christ kém hơn Đức Chúa Trời, là truat ngôi Ngài vạy.

Chúa Giê-xu Christ đã làm nên mọi vật. Ngài đang cai trị kiểm soát mọi vật, và chính là nhờ Ngài mà mọi vật kết lại với nhau. Và lẽ dĩ nhiên, đó là cái thế giới của Đức Chúa Cha!

3. Đấng Christ là Đầu Hội Thánh (Co 1:18)

Trong Cựu Ước kinh, có rất nhiều hình ảnh về Hội Thánh, và thân thể là một trong số những hình ảnh quan trọng nhất (Ro 12:4tt ICo 12:14 Eph 4:8-16). Chẳng hề có hệ phái hay hội chúng địa phương nào có thể tự xưng là “thân thể Đấng Christ” vì thân thể ấy bao gồm toàn thể các tín hữu chân chính. Khi một người tin cậy vào Đấng Christ thì người ấy tức khắc được Đức Thánh Linh làm phép báp-tem cho để được tham gia thân thể đó (ICo 12:12-13). Phép báp-tem của Đức Thánh Linh không phải

là một tảng trái sau khi ăn năn quy đạo – vì nó xảy ra ngay trong khoảnh khắc mà một người tin Chúa Giê-xu Christ.

Mỗi một Cơ Đốc nhân đều là một chi thể của thân thể thuộc linh này, và Chúa Giê-xu Christ là cái Đầu. Theo cách dùng của người Hy Lạp, thì từ ngữ đầu có nghĩa là “nguồn mạch”, “nguồn gốc” cũng như “lãnh tụ”, “người cầm đầu, người cai trị, vua”. Chúa Giê-xu Christ là Nguồn mạch của Hội Thánh và là Lãnh tụ của Hội Thánh là thân thể Ngài. Phao-lô gọi Ngài là “ban đầu” nghĩa là Chúa Giê-xu Christ có quyền ưu tiên về phương diện thời gian trong mối liên quan với Hội Thánh Ngài. Từ ngữ “ban đầu” có thể dịch là “nguyên nhân làm phát sinh”.

Dù bạn chọn tên nào, nó đều khẳng định địa vị độc tôn của Chúa Giê-xu Christ trên Hội Thánh. Hội Thánh vốn bắt nguồn từ Ngài, và ngày nay vẫn tác động trong Ngài. Là Đầu của Hội Thánh, Chúa Giê-xu Christ cung cấp cho nó sự sống qua Đức Thánh Linh. Ngài ban ân tứ cho nhiều người, rồi đặt những người có ân tứ ấy vào Hội Thánh của Ngài để họ phục vụ Ngài bất cứ nơi nào họ được cần đến. Qua Lời Ngài, Chúa Giê-xu Christ nuôi dưỡng và thanh lọc Hội Thánh (Eph 5:25-30).

Chẳng hề có người tín hữu nào trên đất này là Đầu của Hội Thánh. Địa vị ấy chỉ dành độc quyền cho một mình Đấng Christ mà thôi. Nhiều lãnh tụ tôn giáo đã có thể sáng lập các giáo hội hoặc hệ phái, nhưng chỉ một mình Chúa Giê-xu Christ mới là Đấng Sáng lập Hội Thánh là chính thân thể Ngài. Hội Thánh này gồm toàn thể các tín hữu chân chính, và đã ra đời vào ngày lễ Ngũ tuần? Chính lúc đó, Đức Thánh Linh đã giáng xuống và làm phép báp-tem cho các tín hữu để hiệp làm một thân thể thuộc linh.

Sự kiện “chỉ có một thân thể” trong thế gian này (Eph 4:4) không loại trừ hay bó hẹp sự cần thiết phải có nhiều tổ chức các tín hữu địa phương. Sự kiện tôi thuộc về Hội Thánh phổ thông không hề “miễn trừ” tôi khỏi các trách nhiệm đối với chi hội địa phương. Tôi không thể quản lý toàn thể Hội Thánh, nhưng có thể tăng cường và xây dựng Hội Thánh bằng cách phục vụ những người thuộc về Đức Chúa Trời trong một hội chúng địa phương.

Chúa Giê-xu Christ là Đầu của Hội Thánh và là Khởi điểm của Hội Thánh Ngài cũng là Trái Đầu Mùa (con Đầu lòng) của kẻ chết nữa. Chúng ta thấy từ ngữ con đầu lòng này trong Co 1:15 (Đấng sanh ra đầu hết thấy mọi vật dựng nên). Phao-lô không bảo rằng Chúa Giê-xu là người đầu tiên đã khiến được người chết sống lại, vì quả thật không phải là như thế. Nhưng ông nói rằng Ngài là nhân vật quan trọng nhất trong tất cả những người đã được khiến từ chết sống lại vì nếu không có sống lại của Ngài, sẽ chẳng có sự sống lại cho những người khác (ICo 15:20tt).

Việc Phao-lô dùng chữ sanh ra liên hệ với sự chết có vẻ như kỳ quặc vì hai ý niệm ấy có vẻ như đối lập, mâu thuẫn nhau. Nhưng mò mẫm chỉ là “lòng người mẹ” mà từ đó, Đấng Christ đã ra đời để tiến tới chiến thắng, vì những cơn quặn thắt của sự chết đã không cầm giữ được Ngài (Cong 2:24). Đức Chúa Con đã được sanh ra trong sự sống lại (Thi 2:7 Cong 13:33).

Điều này dẫn chúng ta đến với luận đề của cả đoạn sách này, là “trong mọi vật, Ngài đứng đầu hàng” (Co 1:18) Đây là chủ đích của Đức Chúa Trời nhằm khiến Con Ngài trở thành Đấng Cứu Thế, Đấng Tạo Hoá, và là Đầu của Hội Thánh. Từ ngữ đã được dịch ra là “đứng đầu hàng” không thấy được dùng ở một chỗ nào khác trong Tân Ước. Nó liên quan với từ ngữ đã được dịch là được sanh ra đầu hết thấy, và đề cao địa vị độc nhất vô nhị của Chúa Giê-xu Christ. “Đấng Christ là mọi sự và trong mọi sự” (Co 3:11).

Năm 1893 Hội chợ triển lãm thế giới Columbia được tổ chức tại Chicago, và hơn 21 triệu người đã đến viếng những cuộc trưng bày. Trong số các nét đặc trưng của nó, có “nghị viện Tôn giáo thế giới” với đại diện của các tôn giáo trên thế giới, họp lại nhằm chia sẻ các “quan điểm tối ưu” của họ và có lẽ nhằm tiến tới việc thành lập một tôn giáo mới cho cả thế giới.

Nhà truyền đạo D.L.Moody đã thấy đây là một cơ hội quan trọng để truyền bá Phúc Âm. Ông đã lợi dụng các nhà thờ, thuê các rạp hát, và thậm chí thuê cả một rạp xiếc (trong thời gian người ta không trình diễn các trò xiếc) để giới thiệu Phúc Âm của Chúa Giê-xu Christ. Các bạn thân của Moody muốn ông công kích “Nghị viện Tôn giáo” nhưng ông từ chối. Ông nói: “Tôi đang tìm cách

khiến Chúa Giê-xu Christ trở thành hấp dẫn đến nỗi người ta sẽ quay sang với Ngài”. Ông Moody vốn biết rằng Chúa Giê-xu Christ là Cứu Chúa độc tôn, chứ không phải chỉ là một trong số nhiều “lãnh tụ tôn giáo” của lịch sử mà thôi. “Chiến dịch Chicago” năm 1893 có lẽ là nỗ lực truyền bá Phúc Âm vĩ đại nhất trong đời sống của ông Moody, và nhiều ngàn người đã đến với Đấng Christ.

Nhưng các giáo sư giả tại Cô-lô-se thì chẳng bao giờ dành địa vị độc tôn cho Chúa Giê-xu Christ, vì theo triết lý của họ, Chúa Giê-xu Christ chỉ là một trong những “lưu xuất” từ Đức Chúa Trời mà thôi. Ngài không phải là Con Đường (Đạo) duy nhất để người ta có thể đến với Đức Chúa Trời (Gi 14:6) trái lại Ngài chỉ là một nấc trong cả chiếc thang! Có người đã nói thật chí lý rằng: “Nếu Chúa Giê-xu Christ không phải là Chúa tể tất cả, thì Ngài cũng chẳng phải là Chúa chi cả!”

Bây giờ, chúng ta sẽ nghiên cứu ba luận cứ về địa vị độc tôn của Chúa Giê-xu Christ. Ngài là Cứu Chúa Ngài là Đấng Tạo Hoá, và Ngài là Đầu của Hội Thánh. Có luận cứ này cho thấy mối liên hệ giữa Ngài với các tội nhân bị hư vong, với vũ trụ, và với các tín hữu. Nhưng mối liên hệ giữa Ngài với Đức Chúa Cha là như thế nào.

4. Ngài là Con Yêu Dấu của Đức Chúa Cha (Co 1:19-20)

Phao-lô đã gọi Chúa Giê-xu Christ là “Con rất yêu dấu (của) Ngài (Đức Chúa Trời)” (Co 1:13). Những người đã tin cậy Chúa Giê-xu Christ làm Cứu Chúa mình thì được “thuộc về Con yêu dấu Ngài” (Eph 1:6 bản dịch diễn ý). Vì lý do ấy, Đức Chúa Trời cũng có thể gọi chúng ta là Con yêu dấu Ngài (Co 3:12).

Rồi Phao-lô tiến một bước dài trên luận cứ của ông, vì ông tuyên bố rằng “quyền vô hạn” vốn nằm trong tay Chúa Giê-xu Christ! Từ ngữ được dịch ra là “vô hạn” ở đây là từ ngữ Hi-văn *pleroma*. Đây là một thuật ngữ trong từ vựng của các giáo sư giả theo Trí huệ phái. Nó có nghĩa là “tổng số các năng lực và thuộc tính của Đức Chúa Trời”. Chúng tôi đã lưu ý rằng Phao-lô dùng từ ngữ quan trọng này đến tám lần trong thư Cô-lô-se, và như thế là ông sẵn sàng chạm trán với các giáo sư giả ngay trên vùng đất (lập trường) của chính họ.

Từ ngữ đã được dịch ra là ngôi cũng quan trọng. Nó có nghĩa mạnh hơn là “cư trú” rất nhiều. Hình thức của động từ này có nghĩa “ở nhà thường xuyên”. Cố Tiến sĩ Kenneth S. Wuest, một chuyên gia về Hi-văn nổi tiếng, đã vạch rõ trong quyển sách chú giải thư Cô-lô-se của ông rằng động từ này chỉ rõ đây không phải chỉ là “những gì không tự nhiên được thêm vào bản tính Ngài” nhưng là điều vốn thuộc về hiện hữu cốt yếu của Ngài như một phần của chính những gì đã cấu thành chính Ngài, và là vĩnh viễn” (Ephesians and Colossians in the Greek New Testament, Eerdmans, p.187).

Đức Chúa Cha đã không ban *pleroma* vĩnh cửu của Ngài cho bất kỳ một tạo vật nào cả. Sự kiện Ngài vui lòng ban “quyền vô hạn” cho Đấng Christ là bằng chứng minh rằng Chúa Giê-xu Christ là chính Đức Chúa Trời “Sự đầy đầy của Ngài (Đấng Christ) mà chúng ta đều có nhận được” (Gi 1:16). “Đấng Christ là hiện thân của tất cả bản chất thần linh của Đức Chúa Trời” (Co 2:9).

Bởi vì Chúa Giê-xu Christ chính là Đức Chúa Trời, nên Ngài có thể làm điều mà người thường chẳng bao giờ làm được: hoà giải các tội nhân hư vong với một Đức Chúa Trời thánh khiết. Lúc người nam và người nữ đầu tiên phạm tội, là họ đã khai chiến với Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời thì không tuyên chiến với họ. Trái lại, Ngài đã tìm ông A-đam và bà Ê-va và cung cấp điều để che đậy tội lỗi họ.

Tâm trí tự nhiên của tội nhân không được cứu chống nghịch với Đức Chúa Trời (Ro 8:7). Tội nhân ấy có thể thành thật ngoan đạo và thậm chí sống hợp với luân lý đạo đức nữa nhưng người ấy vẫn tranh chiến với Đức Chúa Trời.

Làm thế nào một Đức Chúa Trời thánh khiết lại có thể làm hoà với một tội nhân? Phải chăng Đức Chúa Trời đã hạ thấp các tiêu chuẩn của Ngài xuống, nhắm mắt lại đối với tội lỗi, để thoả hiệp với loài người? Nếu Ngài làm như thế, chắc vũ trụ này đã tan ra thành mảnh vụn cả rồi! Đức Chúa Trời phải thuỷ chung như nhất với chính Ngài, và duy trì luật pháp thánh khiết của Ngài.

Có lẽ con người cũng có thể làm đẹp lòng Đức Chúa Trời một phần nào. Nhưng theo bản tính, con người đã bị phân cách với Đức Chúa Trời, và do các hành vi của mình, con người đã trở thành xa lạ với Ngài (Co 1:21). Tội nhân “đã chết vì lầm lỗi và tội ác mình” (Eph 2:1), do đó không thể làm bất cứ một việc gì để tự cứu hoặc để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời (Ro 8:8).

Nếu muốn có việc giải hoà giữa loài người với Đức Chúa Trời thì bước đi và hành động đầu tiên phải do Đức Chúa Trời chủ động. Chính là trong Đấng Christ mà Đức Chúa Trời đã được giải hoà với loài người (II Co 5:19). Nhưng không phải là nhờ sự nhập thể mà Đấng Christ hoàn thành được việc giải hoà này, cũng không phải nhờ tấm gương tốt lúc Ngài sống giữa loài người. Nhưng là nhờ sự chết của Ngài mà hoà bình đã được tái lập giữa Đức Chúa Trời với loài người. Ngài đã “bởi huyết trên thập tự giá... làm nên hoà bình” (Co 1:20)

Lẽ dĩ nhiên, các giáo sư giả đã đề nghị một loại hoà giải giữa loài người với Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, sự hoà giải mà họ đề xuất không được đầy đủ hoặc dứt khoát. Theo các giáo sư của Trí huệ phái các thiên sứ và những lần “lưu xuất” có thể đưa loài người đến gần hơn với Đức Chúa Trời bằng một phương pháp, cách thức nào đó. Nhưng sự hoà giải chúng ta có được trong Chúa Giê-xu Christ mới là trọn vẹn, đầy đủ, và dứt khoát. Hơn thế nữa, sự hoà giải trong Đấng Christ bao gồm toàn thể vũ trụ! Ngài hoà giải “muôn vật dưới đất trên trời” với chính Ngài (c.20).

Tuy nhiên, chúng ta không nên kết luận sai lầm rằng sự hoà giải phổ quát này cũng giống như sự cứu rỗi phổ quát. “Phổ quát chủ nghĩa” là thuyết dạy rằng mọi hữu thể, kể cả những người chối bỏ Chúa Giê-xu Christ, sẽ có ngày được cứu rỗi cả. Đây không phải là điều mà Phao-lô dạy. “Phục hồi phổ quát chủ nghĩa” không phải là một thành phần của nền thần học của Phao-lô, vì ông dứt khoát dạy rằng tội nhân cần phải tin Chúa Giê-xu Christ thì mới được cứu (II Te 1:1-12).

Phao-lô viết rằng Đấng Christ đã giải quyết vấn đề tội lỗi một lần đủ cả trên thập tự giá. Điều này có nghĩa là có một ngày, Đức Chúa Trời sẽ đưa tất cả những người ở trong Đấng Christ đến với Ngài (Eph 1:9-10). Ngài sẽ có thể tôn vinh các tín hữu và trừng phạt những người vô tín, và là như thế hợp với lẽ công bằng, vì Đấng Christ đã chọn chết trên thập tự giá. Chẳng hề có ai – kể cả Sa-tan – lại có thể tố cáo là Đức Chúa Trời làm sai, vì tội lỗi đã bị thập tự giá đối phó, giải quyết thật kiên hiệu, có kết quả.

Nếu Đấng Christ chỉ là một con người hay một “lưu xuất” của Đức Chúa Trời mà thôi, thì Ngài không thể hoà giải Đức Chúa Trời và loài người. Con người trung bảo duy nhất có thể đem Đức Chúa Trời và loài người lại với nhau chính là Đấng vốn vừa là Đức Chúa Trời mà cũng vừa là con người. Trái với những lời truyền dạy của Trí huệ phái, Chúa Giê-xu Christ vốn là một con người thật, có một thân thể thật sự. Ngài là Đức Chúa Trời mặc lấy hình hài thân xác con người (Gi 1:14). Lúc chịu chết trên thập tự giá, Ngài đã đáp ứng các đòi hỏi theo lẽ công bằng của luật pháp, vì Ngài đã trả giá cho sự trừng phạt dành cho tội lỗi của loài người (I Phi 2:24). Việc giải hoà đã hoàn tất trên thập tự giá (Ro 5:11).

Một người nọ có lần đến tìm tôi vì gặp nhiều chuyện khó xử trong gia đình. Ông ta là một người không có học vấn đầy đủ lắm, nên nhiều khi, đã dùng sai danh từ. Ông ta bảo rằng vợ chồng ông ta có vấn đề “quân sự”, trong khi điều ông ta muốn nói là các vấn đề giữa vợ chồng. Về sau, tôi mới biết là họ đã thật sự “có chiến tranh” với nhau, nên rút cục, có lẽ ông ta đã nói đúng chẳng! “Thưa ông mục sư, tôi và vợ tôi cần được tái huỷ bỏ”.

Ông ta ngụ ý muốn nói là “hoà giải” nhưng danh từ tái huỷ bỏ lại không phải là sai. Những người đã có chiến tranh với nhau chỉ có thể có được hoà bình và hợp nhất với nhau sau khi tội lỗi đã được huỷ bỏ. Là tội nhân trước mặt Đức Chúa Trời công chính, chúng ta cần được sự tái huỷ bỏ. Tại thập tự giá, tội lỗi của chúng ta đã được huỷ bỏ.

Khi kiểm điểm lại đoạn sách sâu nhiệm này (toàn phần nghiên cứu này chỉ là một việc làm cào sơ trên lớp mặt), chúng ta ghi nhận được nhiều chân lý quan trọng.

Thứ nhất, Chúa Giê-xu Christ đã đảm trách mọi sự mọi việc. Muôn vật vốn do Ngài và vì Ngài mà được tạo dựng. Ngài đã hiện hữu trước mọi sự, và hiện nay, Ngài đang giữ mọi sự để chúng được

hoà hợp với nhau. Nhờ thập tự giá, Ngài đã hoà giải muôn vật lại với nhau cho nên chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi Phao-lô tuyên bố rằng “trong mọi việc, Ngài đứng đầu hàng” (Co 1:18).

Thứ hai, tất cả những gì chúng ta có cần, là Chúa Giê-xu Christ. Chúng ta có đầy đủ sự đầy đầy của Đức Chúa Trời trong Ngài (hay nói khác đi, là Đức Chúa Trời đã giao trọn quyền cho Ngài), nên trong Ngài, chúng ta “có được đầy đầy (đủ) mọi sự” (Co 2:10). Chẳng cần phải thêm bất cứ điều gì vào cho con người hay công lao của Chúa Giê-xu Christ cả. Thêm một điều gì vào, tức là cất điều ấy khỏi Ngài. Dành cho Ngài địa vị nổi bật thay vì địa vị độc tôn, tức là truất ngôi Ngài vậy.

Thứ ba, Đức Chúa Trời rất đẹp lòng khi Con Ngài là Chúa Giê-xu Christ được tôn trọng và dành cho địa vị độc tôn. Có người bảo rằng họ là Cơ Đốc nhân, nhưng lại chẳng biết gì, hoặc chối bỏ Chúa Giê-xu Christ. Họ nói: “Chúng tôi thờ phượng Đức Chúa Cha, và đó là tất cả những gì cần thiết”.

Nhưng Chúa Giê-xu từng vạch rõ rằng phải thờ phượng Đức Chúa Con cũng như Đức Chúa Cha vậy” “đặng ai nấy đều tôn kính Con, cũng như tôn kính Cha vậy. Ai không tôn kính Con, ấy là không tôn kính Cha, là Đấng đã sai Con đến. Quả thật, quả thật, ta nói cùng các ngươi, ai nghe lời ta mà tin Đấng đã sai ta, thì được sự sống đời đời, và không đến sự phán xét, nhưng vượt khỏi sự chết mà đến sự sống.” (Gi 5:23,24).

Cố Tiến sĩ M.R.Dehaan, vị giáo sư dạy Thánh Kinh trên đài phát thanh nổi tiếng có kể lại câu chuyện về một nhà truyền đạo gặp một người theo một giáo phái, chối bỏ thần tánh của Chúa Giê-xu Christ. Anh ta lý luận: “Chúa Giê-xu không thể là Con đời đời của Đức Chúa Trời được vì cha luôn luôn lớn tuổi hơn con cho nên Ngài không thể là Đức Chúa Trời. Còn nếu Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, thì Ngài không thể là Đấng đời đời”.

Nhà truyền đạo rất sẵn sàng với câu trả lời: “Điều khiến cho một người làm cha, là có một đứa con. Nhưng Đức Chúa Trời là Cha đời đời, cho nên Ngài phải có một Con đời đời! Như thế có nghĩa là Chúa Giê-xu Christ là Đấng đời đời – và Ngài chính là Đức Chúa Trời”.

Chúa Giê-xu Christ là Cứu Chúa, là Đấng Tạo Hoá, là Đầu Hội Thánh, và là Con Yêu Dấu của Đức Chúa Cha. Ngài là Đức Chúa Trời đời đời... và trong đời sống chúng ta, Ngài đáng được dành cho địa vị độc tôn.

Chúa Giê-xu Christ có đang chiếm địa vị độc tôn trong cuộc đời bạn không?

5. MỘT CON NGƯỜI CỦA CHỨC VỤ (Co 1:21-2:3)

Nếu bạn nhận được một bức thư của một người mình chẳng hề quen biết, một người đang ngồi tù vì bị tố cáo là kẻ phản loạn, bạn sẽ phản ứng như thế nào?

Các tín hữu người Cô-lô-se đang gặp đúng trường hợp như thế đấy. Họ biết Phao-lô là người diu dắt vị mục sư của họ là Ê-pháp-ra đến với Đấng Christ để được cứu rỗi. Họ cũng biết Ê-pháp-ra hiện đi Rô-ma để hỏi ý kiến Phao-lô và vẫn chưa trở về. Các thành viên trong Hội Thánh đã nhận được bức thư này của Phao-lô, do Ti-chi-cơ và Ô-nê-sim mang về cho họ. Nhưng các giáo sư giả tại Cô-lô-se lại bài bác Phao-lô và khiến cho tâm trí họ hoang mang. Họ thắc mắc tại sao lại phải nghe lời một người đang là tù chính trị? Thế bạn có tin được ông ta không?”

Chắc Phao-lô đã tiên đoán được mối nghi ngờ do tình hình đó gây ra, nên ông đã dừng lại ngang giữa phần đầu của bức thư này để có vài lời giải thích. Ông đã quá bận tâm đến việc tôn cao Chúa Giê-xu Christ, đến nỗi chẳng nghĩ gì đến việc viết về chính mình! Trong đoạn này, Phao-lô giải thích chức vụ gồm ba phương diện của ông.

1. Truyền giảng Phúc Âm (Co 1:21-23)

Tuy Phao-lô không đích thân truyền giảng Phúc Âm cho người Cô-lô-se, chính chức vụ của ông tại Ê-phê-sô dẫn đến tới việc thiết lập Hội Thánh tại Cô-lô-se. Phao-lô được lập làm “người giúp việc” (Co 1:25). Một phần lớn của chức vụ ông là truyền giảng Phúc Âm cứu rỗi bởi đức tin đặt vào Chúa Giê-xu Christ. Chức vụ của ông là giải hoà (II Co 5:17-21). Phao-lô kiểm điểm lại chính từng trải thuộc linh của các độc giả đang đọc thư ông.

Quá khứ xa cách Đức Chúa Trời của họ (Co 1:21a). Những người ngoại đạo tại Cô-lô-se vốn xa lạ với Đức Chúa Trời và bị cách ly khỏi các phước hạnh thuộc linh của dân Y-sơ-ra-ên (Eph 2:11tt). Các thần mà họ thờ lạy là tà thần còn các nghi thức tôn giáo của họ chẳng làm gì được cho các tội lỗi của họ cả.

Nhưng sự xa lạ này không phải là vấn đề duy nhất do vị trí ngoại đạo nó còn là một vấn đề của các tập tục và thái độ tội lỗi nữa. Người ngoại đạo là thù địch của Đức Chúa Trời, nghĩa là họ “tích cực đồ kỵ đối với Đức Chúa Trời”. Tuy họ không được ban cho bộ luật của Đức Chúa Trời như Đức Chúa Trời đã ban cho dân Y-sơ-ra-ên, nhưng người ngoại đạo này vẫn biết sự thật về Ngài qua công trình sáng tạo và lương tâm (Ro 1:18tt). Họ không thể viện cớ dốt nát trước toà án của công lý Đức Chúa Trời.

Tâm trí thù địch của họ dẫn tới những việc làm gian ác. Họ tranh chiến với Đức Chúa Trời cả bằng thái độ lẫn hành động “Vì sự chăm về xác thịt nghịch cùng Đức Chúa Trời, bởi nó không phục dưới luật pháp Đức Chúa Trời, lại cũng không thể phục được.” (Ro 8:7). Điều này giải thích tại sao người vô tín cần phải ăn năn – đổi ý – rồi mới có thể được cứu.

Sự hoà giải hiện tại của họ (Co 1:21b-22) Không phải tự họ đến giảng hoà với Đức Chúa Trời chính Đức Chúa Trời đã chủ động đi bước trước bằng tình yêu và ân điển Ngài. Đức Chúa Cha đã sai Đức Chúa Con đến thế gian chịu chết trên thập tự giá, để các tội nhân có thể được giải hoà với Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu đã chịu chết thay cho chúng ta trong lúc chúng ta “bất năng bất lực” (Ro 5:6), tự mình chẳng làm chi được. Ngài đã chịu chết vì chúng ta lúc chúng ta “còn là tội nhân” và “thù địch với Ngài” (Ro 5:8,10).

Phao-lô nhấn mạnh việc thân xác của Chúa Giê-xu Christ đã bị đóng đinh vào thập tự giá. Các giáo sư giả phủ nhận việc nhập thể và dạy rằng Chúa Giê-xu Christ đã chẳng bao giờ có một thân thể thật sự của con người. Theo triết lý của họ thì mọi vật chất đều xấu khiến họ phải rút ra câu kết luận sai lầm này. Nhưng Tân Ước kinh vạch rõ rằng Chúa Giê-xu đã có một thân thể trọn vẹn của con người, và Ngài đã gánh lấy tội lỗi của chúng ta trên thân thể đó tại thập tự giá (IPhi 2:24).

Chủ đích của sự hoà giải này là vì sự thánh khiết cá nhân. Đức Chúa Trời không giải hoà với chúng ta (Co 1:20) để chúng ta cứ tiếp tục phản loạn mãi! Ngài hoà giải chúng ta với Ngài là để chúng ta được chia sẻ sự sống và sự thánh khiết của Ngài. Chúng ta được dâng lên cho Đức Chúa Trời “cách thánh sạch không chỗ trách được” (c.22).

Từ ngữ thánh khiết có liên hệ mật thiết với từ ngữ thánh đồ. Cả hai đều diễn tả ý niệm “được biệt riêng ra, dành riêng cho Đức Chúa Trời”. Trong Tân Ước, các thánh đồ không phải là những người đã chết rồi, nhưng lúc còn sống đã làm nhiều phép lạ và chẳng hề phạm tội. Các thánh đồ trong Tân Ước là những người đang còn sống, biết tin cậy vào Chúa Giê-xu Christ. Phao-lô viết bức thư này là cho các thánh đồ hãy còn sống (Co 1:2).

Từ ngữ không tì vết được áp dụng cho các của lễ dâng lên trong đền thờ, vốn không có tì vết. Thật đáng kinh ngạc khi Đức Chúa Trời nhìn vào các con cái Ngài và thấy là họ chẳng có tì vết chi cả! Đức Chúa Trời đã chọn chúng ta để trở thành “thánh khiết và không tì vết” (Eph 1:4).

Không chỗ trách được có nghĩa là “được miễn tố”. Một khi chúng ta đã giải hoà với Đức Chúa Trời rồi, thì chẳng còn ai có thể tố cáo chúng ta về một tội gì nữa cả (Ro 8:31-34). Sa-tan vốn là kẻ tố cáo anh em (Kh 12:1-12) vốn thích reo hò tố cáo chúng ta, nhưng Đức Chúa Trời sẽ không chấp nhận những lời tố cáo ấy (Xa 3:1-10). Thiên hạ có thể có nhiều điều để tố cáo chúng ta, nhưng không thể thay đổi được mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời.

Điều quan trọng nhất trong cuộc đời làm Cơ Đốc nhân của chúng ta không phải là cách chúng ta tự nhìn thấy mình, hay cách tha nhân nhìn thấy chúng ta (ICo 4:1-4), nhưng là cách mà Đức Chúa Trời nhìn thấy chúng ta. Tôi nhớ có khuyên giải một nữ Cơ Đốc nhân vốn có thói quen cứ tự nhắc nhở mình về các tội lỗi và thất bại trong quá khứ của mình. Bà ta có vẻ thích bị người khác chê bai chỉ trích. Tôi luôn luôn nhắc nhở bà ta về địa vị của bà ta trước mặt Đức Chúa Trời. Việc bà ta cứ nhấn mạnh trên các thất bại của mình phủ nhận công lao Đấng Christ đã làm cho bà ta trên thập tự giá.

Chúng tôi đã phải mất nhiều thì giờ, nhưng cuối cùng, bà ta đã thừa nhận địa vị mới mẻ diệu kỳ của mình trong Đấng Christ và bắt đầu thắng hơn những lời chê bai chỉ trích khiến bà bị xuống tinh thần.

Phao-lô nhấn mạnh trên địa vị thánh khiết của chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời, chắc là một lời công kích các giáo sư giả, vì họ hứa với những người theo họ một thứ “hoàn thiện” mà chẳng có điều gì không có thể đem đến. Phao-lô viết: “Anh em đã có một chỗ đứng hoàn thiện trong Đấng Christ rồi, thế thì tại sao lại còn đi tìm ở nơi khác nữa?”

Sự vinh hiển tương lai của họ (Co 1:23). “Sự trông cậy phước hạnh của chúng ta” (Tit 2:13) có nghĩa là niềm hi vọng về Chúa tái lâm của chúng ta. Phao-lô từng đề cập niềm hi vọng này là “sự trông cậy (được) đề dành cho anh em ở trên trời” (Co 1:5). Ở phần sau của chương này, ông gọi đó là “sự trông cậy về vinh hiển” (1:27).

Đã có lúc những người Cô-lô-se ngoại đạo này hoàn toàn tuyệt vọng (Eph 2:12). Tại sao thế? Vì họ không có Đức Chúa Trời. Nhưng khi đã được giải hoà với Đức Chúa Trời rồi, họ đã được ban cho một niềm hi vọng diệu kỳ về vinh hiển. Toàn thể các con cái Đức Chúa Trời đều sẽ có ngày được ở với Đấng Christ trên thiên đàng (Gi 17:24). Thật vậy, tương lai của chúng ta đã được bảo đảm an toàn đến độ Phao-lô nhấn mạnh rằng chúng ta đã được “làm cho vinh hiển” (Ro 8:30). Tất cả những gì chúng ta chờ đợi, là việc sự vinh hiển lúc Chúa Giê-xu Christ tái lâm sẽ hiển lộ (Ro 8:17-19).

Câu nói này của Phao-lô với người Cô-lô-se dường như một bóng đen rủ xuống trên lòng tin quyết về tương lai vinh hiển của chúng ta (Co 1:23). Một tín hữu có thể bị mất sự cứu rỗi không? Không, nếu câu này không gợi ý về một mối nghi ngờ hay đặt ra một điều kiện theo đó chúng ta phải “giữ lấy sự cứu rỗi của mình”.

Trong câu này, Phao-lô đã dùng một hình ảnh trong ngành kiến trúc – một ngôi nhà được xây vững chắc trên một cái nền. Thị trấn Cô-lô-se toạ lạc trên một vùng đất nổi tiếng về các trận động đất, và từ ngữ được dịch là “dời khỏi” có thể có nghĩa là “bị một trận động đất lay động”. Phao-lô ngụ ý nói rằng: “Nếu anh em thật sự được cứu và được xây trên nền vững chắc là Chúa Giê-xu Christ, thì anh em sẽ tiếp tục ở trong đạo (sống bởi đức tin), và sẽ chẳng có gì lay chuyển anh em được. Anh em đã nghe Phúc Âm và tin cậy Chúa Giê-xu Christ, thì Ngài đã cứu anh em rồi”.

Nói khác đi, chúng ta được cứu không phải là nhờ cứ tiếp tục sống trong đạo. Nhưng chúng ta chỉ tiếp tục sống trong đạo, do đó, chứng minh rằng chúng ta đã được cứu. Phần của mỗi một người tự xưng là Cơ Đốc nhân là phải tự thử nghiệm đức tin của mình và tra xét lòng mình, để chắc chắn rằng mình đã là một con cái của Đức Chúa Trời (II Co 13:5 Phi 1:10tt).

2. Chịu khổ vì người ngoại quốc (Co 1:24-27)

Các kẻ thù của Phao-lô đã phóng đại sự kiện vị đại sứ đồ đang là một tù nhân tại Rô-ma. Có lẽ các giáo sư giả tại Cô-lô-se muốn chê nhạo Phao-lô và lợi dụng điều này như một vũ khí nhằm chống lại chân lý của Phúc Âm. Nhưng Phao-lô đã quay ngược vũ khí ấy lại để đánh bại các kẻ thù và xây dựng một mối liên hệ càng thiết thân hơn với Hội Thánh tại Cô-lô-se.

Ông vui mừng (c.24). “Thay vì xấu hổ vì sự đau khổ của mình, tôi lại đang vui mừng vì nó đây!” Làm thế nào để có một ai đó có thể vui mừng trong đau khổ? Để bắt đầu, Phao-lô đang chịu khổ là vì Chúa Giê-xu Christ. Đây là “sự thông công với sự thương khó của Ngài” (Phi 3:10). Cũng như các sứ đồ đầu tiên, Phao-lô vui mừng vì “được kể là xứng đáng chịu nhục vì danh Đức Chúa Giê-xu” (Cong 5:41). Một Cơ Đốc nhân chẳng bao giờ nên chịu khổ “như kẻ trộm cướp, như kẻ hung ác” nhưng “chịu khổ vì làm tín đồ Đấng Christ” là một vinh dự (IPhi 4:15,16). Có một phước hạnh và một phần thưởng đặc biệt dành cho người tín hữu tận trung chịu khổ vì danh Đấng Christ (Mat 5:10-12).

Phao-lô còn một lý do thứ hai nữa để vui mừng trong khôn khổ: ông chịu khổ vì người ngoại quốc. Phao-lô là vị sứ đồ đã được tuyên chọn cho người ngoại quốc (Eph 3:1-13). Thật vậy, sở dĩ ông bị cầm tù tại Rô-ma, là vì tình yêu đối với người ngoại quốc. Ông đã bị bắt tại Giê-ru-sa-lem vì bị cáo gian, và người Do Thái vẫn nghe lời biện hộ của ông, cho đến khi ông dùng từ ngữ người ngoại quốc (Cong 22:21tt). Chính từ ngữ ấy đã khiến họ nổi giận nên lôi ông đi và yêu cầu xử tử ông (Cả câu chuyện này đã được ghi lại trong Cong 21:1-28:31 là một phần kỹ thuật đầy phần khởi).

Cho nên các tín hữu người ngoại quốc tại Cô-lô-se có đầy đủ lý do để yêu mến Phao-lô và biết ơn chức vụ đặc biệt của ông đối với họ. Nhưng còn một lý do thứ ba nữa để Phao-lô vui mừng, ông đang chịu khổ vì thân thể Đấng Christ, tức là Hội Thánh. Đã có một thời gian, Phao-lô thường bắt bớ bách hại Hội Thánh và gây đau khổ cho Hội Thánh. Nhưng giờ đây, ông đã tận hiến cuộc đời mình để chăm sóc cho Hội Thánh. Phao-lô đã không hỏi như một số người là “Hội Thánh ban cho tôi lợi lộc gì?” Trái lại, ông hỏi: “Đức Chúa Trời sẽ cho phép tôi cống hiến gì cho Hội Thánh?” Sự kiện Phao-lô đang là một tù nhân vẫn không ngăn được ông cứ tiếp tục phục vụ cho Hội Thánh.

Tuy nhiên, có một điều quan trọng cần chú ý, ấy là những nỗi khổ này chẳng có liên quan gì với sự đau khổ hi sinh của Đấng Christ trên thập tự giá cả. Chỉ có Chiên Con vô tội mới có thể chịu chết thay cho tội lỗi của thế gian mà thôi (Gi 1:29). Phao-lô chỉ “đến lượt mình, nhận đủ các phần còn thừa lại của những đau khổ của Đấng Christ mà thôi (Co 1:24 dịch nguyên văn). Từ ngữ thương khó ám chỉ các “áp lực” trong đời sống, tức là những bắt bớ bách hại mà Phao-lô đã phải chịu. Từ ngữ này đã chẳng bao giờ được dùng trong Tân Ước để chỉ những đau khổ hi sinh của Đấng Christ.

Các thương khó hi sinh của Đấng Christ đều đã qua cả rồi, nhưng thân thể Ngài, là Hội Thánh, sở dĩ đang phải chịu khổ vì muốn đứng vững cho niềm tin. Cái Đâu của Hội Thánh trên thiên đàng cảm nhận những đau khổ mà người thuộc về Ngài đang chịu (“Hỡi Sau-lơ, Sau-lơ, sao ngươi bắt bớ ta?” Cong 9:4). Đến lượt ông, Phao-lô đang chia sẻ những nỗi đau khổ này, và nhiều người khác nữa sẽ nói gót ông. Phao-lô đã không phàn nàn “Vì như những sự đau đớn của Đấng Christ chan chứa trong chúng tôi thể nào, thì sự yên ủi của chúng tôi ở Đấng Christ mà chứa chan cũng thể ấy.” (ICo 1:5).

Trách nhiệm của Phao-lô (Co 1:25-27) Giả sử Phao-lô thoả hiệp với người Do Thái để thôi phục vụ người ngoại quốc, chắc ông đã tránh được rất nhiều điều đau khổ. Nhưng ông không thể từ bỏ tiếng gọi mình chỉ vì sự an toàn và an nhàn cá nhân. Ông đã được Đức Chúa Trời lập làm người phục vụ, ông đã được giao cho chức vụ “quản lý”, nên phải tận trung với tiếng gọi mình (ICo 4:2). Đây không phải là một vấn đề có thể chọn hay không ông đã được kêu gọi để làm ứng nghiệm Lời Đức Chúa Trời. Câu này có thể có nghĩa là: “Tôi phải chu toàn trách nhiệm truyền giảng Lời Đức Chúa Trời, không thoả hiệp để xuyên tạc một chân lý nào cả”. Nó cũng có thể có nghĩa là: “Tôi đã được Lời Đức Chúa Trời sai phái, nên phải trung tín chu toàn nhiệm vụ”.

Bức thông điệp đặc biệt của Phao-lô liên hệ đến người ngoại quốc, liên quan với điều ông gọi là sự mâu nhiệm. Với chúng ta ngày nay, một huyền nhiệm có thể là một điều mơ hồ, và có lẽ là đáng sợ nữa nhưng đó không phải là cách định nghĩa danh từ ấy vào thời của Phao-lô. Các giáo sư giả đã dùng danh từ này để mô tả các bí mật nội bộ của tôn giáo của họ. Một sự mâu nhiệm là một “huyền nhiệm thiêng liêng” bị giấu kín trong quá khứ, nhưng giờ đây đã được Đức Thánh Linh tiết lộ (Eph 3:11-13).

Đức Chúa Trời đã kêu gọi dân tộc Y-sơ-ra-ên để trở thành một dân tộc thuộc riêng về Ngài. Ngài đã ban bố Luật pháp cho họ (gồm có chức vụ tế lễ và các của lễ), cũng ban cho họ một xứ diều kỳ. Ngài hứa sẽ ban cho họ một vua người sẽ có ngày thiết lập một vương quốc vinh hiển và làm trọn nhiều lời hứa với Áp-ra-ham và Đa-vít. Các nhà tiên tri Cựu Ước đã viết về một Đấng Mê-si-a, sẽ phải chịu thương khó, và một Đấng Mê-si-a sẽ trị vì nhưng họ lại không giải thích được điều có vẻ như mâu thuẫn nhau đó (IPhi 1:9-12). Họ đã không hiểu rằng Đấng Mê-si-a trước hết phải chịu thương khó đã, rồi sau đó mới vào được sự vinh hiển (Lu 24:13-27).

Chúa Giê-xu Christ đã đến thế gian, bị dân Ngài chối bỏ, và bị đóng đinh vào thập tự giá. Ngài đã sống lại và trở về trời. Phải chăng điều đó có nghĩa là lời hứa của Đức Chúa Trời về vương quốc sẽ dành cho dân Y-sơ-ra-ên, giờ đây đã bị huỷ bỏ? Không phải, vì Đức Chúa Trời đã bắt đầu một chương trình mới – sự mâu nhiệm của Ngài – nhưng đã không được các nhà tiên tri Cựu Ước giải thích. Sự mâu nhiệm đó là hiện nay, Đức Chúa Trời đã kết hợp người Do Thái và người ngoại quốc trong Hội Thánh (Eph 2:11-22). Khi Hội Thánh hoàn tất, Chúa Giê-xu Christ sẽ trở lại và cất Hội Thánh Ngài lên trời (ITe 4:13-18). Rồi Ngài lại sẽ đối xử với dân Y-sơ-ra-ên như một dân tộc và thành lập vương quốc đã hứa (Cong 15:12-18).

Hãy tưởng tượng bức thông điệp này có ý nghĩa như thế nào đối với người ngoại quốc! Họ không còn bị loại trừ khỏi vinh quang và sự giàu có của ân điển Đức Chúa Trời nữa! Suốt giai đoạn Cựu Ước, một người ngoại quốc phải trở thành người cải giáo Do Thái rồi mới được hưởng các phước hạnh của dân Y-sơ-ra-ên. Nhưng trong thời Tân Ước, người Do Thái và ngoại quốc đều được cứu như nhau bởi đức tin đặt vào Chúa Giê-xu Christ (Rô 10:12-13). Cho nên chẳng có gì để lấy làm lạ khi các giáo sư già đã chống lại Phao-lô vì ông dám nói rằng “chẳng có phân biệt gì hết!”

Dù sao thì chúng ta cũng đã được tăng trưởng trong một môi trường ít nhiều có tính cách Cơ Đốc giáo, có xu hướng định ninh rằng mọi việc vốn đã là như thế rồi. Nhưng hãy nghĩ đến sự phấn khởi mà bức thông điệp này chắc đã phải làm nảy sinh trong một Hội Thánh gồm nhiều tín hữu mới vốn chẳng có “liên hệ quá khứ” nào trong Hội Thánh cả! Trước kia, họ vốn nằm ngoài các giao ước của Đức Chúa Trời, nhưng giờ đây, họ đã là thành viên của gia đình Ngài. Trước kia, họ vốn sinh sống trong sự dốt nát và sự chết thuộc linh, nhưng giờ đây, họ được sống và chia sẻ sự giàu có của sự khôn ngoan Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-xu Christ. Trước kia, họ tuyệt vọng hi vọng, nhưng giờ đây, họ có niềm hi vọng quang vinh vì Đấng Christ hiện đang sống trong lòng họ! Thật là điều hay cho chúng ta ngày nay, nếu chúng ta cũng biết thu nhặt một vài trong số những điều gây phấn khởi của “tình yêu mến ban đầu” ấy.

Tôi đã được đặc ân phục vụ ba năm tại Phi-châu và được giới thiệu với một số Cơ Đốc nhân tốt nhất tôi từng được gặp. Tôi đã dạy Lời Đức Chúa Trời cho hơn 500 vị mục sư bản xứ tại Kenya trong gần một tuần lễ, mà mỗi buổi làm việc đều là một thách thức và một phước hạnh cho tôi. Nhiều vị mục sư trong số này vẫn còn mang các dấu vết của ngoại đạo và việc thờ thần tượng trên thân thể họ thể nhưng gương mặt họ chói ngời niềm vui của Chúa. Tôi đã đến Phi-châu để phục vụ họ, nhưng chính họ đã phục vụ tôi! Họ nhắc nhở tôi chớ có quá ý lại vì định ninh rằng mình đang được những sự giàu có vinh hiển trong Chúa Giê-xu Christ!

3. Chiến đấu cho các thánh đồ (Cô 1:28-2:3)

(Cô 1:28-29) Chúng ta đã gặp Phao-lô là nhà truyền đạo chia sẻ Phúc Âm, và Phao-lô là tù nhân, chịu khổ vì người ngoại quốc. Bây giờ, chúng ta sẽ gặp Phao-lô là người chiến sĩ cầu nguyện, chiến đấu trong sự cầu nguyện cho cá nhân các thánh đồ, để họ được trưởng thành trong đạo Chúa. Từ ngữ chiến đấu (Cô 1:29) và đối kháng (2:1) là các thuật ngữ của môn điền kinh. Chúng ám chỉ phần nỗ lực triệt để của người tham dự một cuộc chạy đua, nhằm chiếm giải. Từ ngữ agony (chịu khổ) trong Anh văn vốn từ từ ngữ Hi-văn này mà ra.

Lời chỉ giáo của Phao-lô (Cô 1:28). Lẽ tất nhiên, Ngài ở đây ám chỉ Chúa Giê-xu Christ. “Vả, chúng tôi chẳng rao giảng chính mình chúng tôi, nhưng rao giảng Đức Chúa Giê-xu Christ, tức là Chúa” (II Cô 4:5). Các giáo sư giả tự đề cao và đề cao các thành tựu “thuộc linh” vĩ đại của họ. Họ truyền dạy một hệ thống giáo thuyết, nhưng Phao-lô thì truyền giảng một Con Người. Các triết gia Trí huệ phái truyền giảng triết lý và truyền thống rỗng tuếch của loài người (Cô 2:8), nhưng Phao-lô truyền giảng Chúa Giê-xu Christ. Các giáo sư giả có nhiều bảng liệt kê các luật lệ và quy tắc (Cô 2:16,20-21), nhưng Phao-lô thì giới thiệu Đấng Christ. Thật là những chức vụ khác nhau biết bao!

Phao-lô không những chỉ rao giảng (từ ngữ này có nghĩa là “thông báo cách có quyền với tư cách sứ giả”) mà ông còn răn bảo nữa. Truyền giảng chân lý tích cực vốn là tốt rồi nhưng phải cảnh cáo người thuộc về Đức Chúa Trời chống lại những lời dối trá của kẻ thù, cũng rất cần thiết nữa (Cong 20:31). Thật vậy, người thuộc về Đức Chúa Trời phải đề cao cảnh giác, để răn bảo nhau (trong Cô 3:6 là dạy mà khuyên). Phao-lô tự xem mình là người cha thuộc linh của các chi hội địa phương, nên nhiệm vụ của ông là phải cảnh cáo họ (ICô 4:14).

Nhưng Phao-lô còn là một giáo sư dạy chân lý nữa. Chỉ cảnh cáo người ta mà thôi, thì chưa đủ chúng ta còn phải dạy cho họ các chân lý tích cực của Lời Đức Chúa Trời nữa. Bạn có thể đi xa đến đâu, nếu các biển báo trên xa lộ chỉ cho chúng ta biết những nơi mà nó không dẫn đến? Chắc chẳng được bao xa đâu! Đưa một người đến với Đấng Christ thì thật là hay, sau đó, hãy cảnh cáo người ấy về cái nguy hiểm trước mặt nhưng điều cũng hết sức quan trọng là phải dạy cho người mới ăn năn quy đạo ấy các chân lý căn bản của đời sống Cơ Đốc.

Phao-lô chẳng những chỉ truyền giảng Đấng Christ, mà ông còn “dạy về Đấng Christ” nữa, vì trong Đấng Christ có “mọi sự quý báu về khôn ngoan thông sáng” (Co 2:3). Chẳng cần chi phải giới thiệu một lời dạy mới mẻ nào cả, vì tất cả những gì một tín hữu cần biết đều liên quan với Chúa Giê-xu Christ. Mỗi quan tâm của Phao-lô là “lấy sự khôn ngoan răn bảo mọi người” (Co 1:28). Khôn ngoan là biết sử dụng đúng kiến thức. Các giáo sư giả hứa ban cho người ta “một sự khôn ngoan kín giấu” sẽ khiến họ trở thành người “ưu tú thuộc linh”. Nhưng mọi điều khôn ngoan thuộc linh đều chỉ được tìm thấy trong Đấng Christ mà thôi.

Ý định của Phao-lô (1:28b). Ông muốn trình diện từng tín hữu “trọn vẹn trong Đấng Christ”. Từ ngữ trọn vẹn là chữ tâm đắc của các giáo sư Trí huệ phái. Nó mô tả người môn đệ không còn là ấu trĩ nữa, nhưng đã trưởng thành và được truyền dạy đầy đủ về các bí quyết của tôn giáo. Phao-lô dùng từ ngữ này để ngụ ý rằng đó là một người đã “hoàn thiện, trưởng thành trong Đấng Christ”. Đây là mục tiêu của tất cả các công tác truyền giảng, khuyên răn, và dạy bảo.

Đâu là chứng cứ cho sự trưởng thành thuộc linh này? Phao-lô đã mô tả tiếp theo đây (Co 2:2).

Biết khích lệ. “hầu cho lòng những kẻ ấy được yên ủi”. Trong Anh ngữ, khích lệ có nghĩa là “vời tấm lòng”. Khích lệ ai là ban cho người ấy một tấm lòng mới cảm thông cạn cợt chỉ khiến cho người ta càng cảm thấy tệ hại hơn, nhưng lời khích lệ thuộc linh đích thực khiến họ cảm thấy dễ chịu hơn. Nó tạo cho người ta tinh thần lạc quan.

Biết yêu thương “lấy sự yêu thương mà liên hiệp”. Cơ Đốc nhân trưởng thành yêu mến anh em mình, tìm cách kiến tạo hoà bình chứ không làm kẻ gây rối. Người ấy là một phần của sự hiệp nhất thuộc linh trong Hội Thánh. Người chưa trưởng thành thì ích kỷ và gây chia rẽ.

Biết làm giàu thuộc linh “đặng có nhiều sự thông biết đầy dẫy chắc chắn”. Trước đây Phao-lô từng đề cập đến sự giàu có vinh hiển trong Đấng Christ (Co 1:27). Có quá nhiều Cơ Đốc nhân vẫn sống nghèo khó trong khi đáng lẽ ra họ phải sống như những ông vua vậy. Các Cơ Đốc nhân trưởng thành chẳng bao giờ phàn nàn về những gì họ không có. Trái lại, họ biết lợi dụng các nguồn tài nguyên bao la họ có được trong Chúa Giê-xu Christ.

Được soi sáng “đảm bảo trọn vẹn về sự hiểu biết”. Người tín hữu trưởng thành có niềm tin chắc chắn trong lòng rằng mình là một con cái của Đức Chúa Trời. Sự thông biết thuộc linh nhờ Đấng Christ mà có, luôn luôn soi sáng và hướng dẫn người ấy hằng ngày. Tôi thường tự vấn cho nhiều tín hữu bảo với tôi rằng họ thiếu tin quyết vào sự cứu rỗi của mình. Việc đã xảy ra trong tất cả mọi trường hợp, là vì họ bỏ qua Lời Chúa và cứ sống trong sự dốt nát.

Đức Chúa Trời muốn cho các con cái Ngài có “sự thông biết” và “khôn ngoan thông sáng” (2:2-3). Từ ngữ được dịch là “thông biết” theo nghĩa đen là “xếp chung lại với nhau”. Nó là khả năng đánh giá mọi sự việc. Khôn ngoan ẩn tàng khả năng bênh vực cho điều mình hiểu. Thông sáng (knowledge: kiến thức) gợi ý về khả năng lãnh hội chân lý. Tất cả các danh từ này cũng đều được những người theo Trí huệ phái dùng.

Lời cầu thay của Phao-lô (1:29-2:1) “Ấy cũng là vì đó mà tôi làm việc, nhờ sức Ngài giúp đỡ mà chiến đấu đến độ kiệt quệ, hấp hối” là cách dịch đúng nghĩa đen phần đầu Co 1:29. Thật là một bức tranh kỳ diệu về sự cầu nguyện! Lời cầu nguyện của chúng ta thường vốn tầm lạng, an bình, nhưng Phao-lô lại vận dụng các cơ bắp thuộc linh của ông như cách người lực sĩ Hy Lạp chạy đua đã tự rèn luyện để tham dự các cuộc tranh tài Thế vận hội. Ông cũng dạy Ê-pháp-ra cầu nguyện y như thế (Co 4:12).

Nói như thế không có nghĩa là bảo rằng lời cầu nguyện của chúng ta sẽ linh nghiệm hơn nếu chúng ta vận dụng mọi thứ năng lực xác thịt. Cũng không có nghĩa là bảo rằng chúng ta phải “chiến đấu với Đức Chúa Trời”, khiến cho Ngài phải mệt mỏi trước khi Ngài đáp ứng các nhu cầu của chúng ta. Ở đây Phao-lô mô tả một cuộc chiến đấu thuộc linh: chính quyền năng của Đức Chúa Trời đang vận hành trong đời sống ông. Lời cầu nguyện đích thực phải hướng về Đức Chúa Cha (Mat 6:9), qua trung gian Con Ngài (nhân danh Ngài, Gi 14:13-14), trong quyền năng của Đức Thánh Linh (Giu

1:20). Khi nào Đức Thánh Linh hành động trong đời sống chúng ta, thì chúng ta có thể cầu nguyện cách có quyền theo ý chỉ Đức Chúa Trời.

Đức Thánh Linh giúp đỡ chúng ta trong sự cầu nguyện như thế nào? Một mặt, là Đức Thánh Linh dạy Lời Đức Chúa Trời cho chúng ta và chỉ cho chúng ta thấy đâu là ý chỉ của Đức Chúa Trời (Gi 16:13-15). Cầu nguyện không phải là nỗ lực của chúng ta cố tìm cách khiến cho Đức Chúa Trời phải đổi ý, mà là học hỏi để biết ý chỉ của Ngài như thế nào để cầu xin cho phải lẽ (IGi 5:14-15). Đức Thánh Linh luôn luôn cầu thay cho chúng ta, cả khi chúng ta không nghe thấy tiếng Ngài (Ro 8:26-27). Ngài biết rõ ý chỉ Đức Chúa Trời nên giúp chúng ta cầu xin đúng với ý chỉ ấy.

Nhiều khi chúng ta dường như không cảm thấy muốn cầu nguyện – đó chính là những lúc chúng ta phải cầu nguyện hơn hết! Đức Thánh Linh ban cho chúng ta năng lực của Đức Chúa Trời để cầu nguyện, bất chấp cách cảm nghĩ của chúng ta. Quyền năng phục sinh của Chúa Giê-xu Christ luôn luôn có sẵn để cung ứng cho chúng ta (Eph 3:20-21).

Trong mấy câu này Phao-lô giải thích chức vụ của ông, và khi làm như thế, ông khiến cho những kẻ thù đang tố cáo ông phải ngậm miệng. Ông cũng khơi dậy tình thương yêu triu mến nơi các tín hữu, khiến họ nhận thức được ông đã làm cho họ biết bao nhiêu là việc tốt.

Tất cả chúng ta không phải đều được kêu gọi để làm sứ đồ, nhưng mỗi người trong chúng ta đều được Đức Chúa Trời giao cho một chức vụ. Chúng ta có thể chia sẻ Phúc Âm và trở thành người đưa nhiều linh hồn đến với Chúa. Chúng ta có thể chịu khổ vì Đấng Christ và hoàn thành chức vụ mà Đức Chúa Trời đã giao cho chúng ta. Chúng ta có thể chiến đấu bằng cách cầu nguyện cho những người thuộc về Đức Chúa Trời, và khích lệ họ tăng trưởng. Phao-lô đã dành thì giờ để phục vụ cho các cá nhân tín hữu xin lưu ý việc “mọi người” cứ được nhắc đi nhắc lại trong Co 1:28. Nếu chúng ta chỉ phục vụ cho một vài tín hữu mà thôi tức là chúng ta đang giúp đỡ cho toàn thể Hội Thánh vậy.

Bạn có đang hoàn tất chức vụ mà Đức Chúa Trời đã giao phó cho bạn không?

Co 2:1-3 Xem giải nghĩa Co 1:28-29

6. HỜI CÁC THÁNH ĐỒ, HÃY SỐNG VÀ CẢNH GIÁC (Co 2:4-15)

Tôi nhớ lại câu chuyện về một vị mục sư quan tâm đến một số dịch vụ có hại, mở cửa gần một ngôi trường học. Ông phản đối và cuối cùng dẫn đến một vụ kiện, khiến vị luật sư biện hộ bên bị cáo phải dùng mọi lý lẽ để gây bối rối cho vị mục sư.

Vị luật sư nói: “Thưa Ngài, Ngài có phải là một mục sư không? Và phải chăng chính danh từ ấy vốn có nghĩa là “người chần chừ?”

Với định nghĩa ấy thì vị mục sư hoàn toàn nhất trí: “Tốt lắm, nếu Ngài là một người chần, thế tại sao Ngài lại không lo đi chăm sóc cho chiên của mình?”. Câu trả lời ngay tức khắc của vị mục sư là: “Tại vì hôm nay, tôi phải chiến đấu với những con sói!” và quả thật là một lời đáp rất hay.

Do biết rằng có nhiều kẻ thù tấn công Hội Thánh tại Cô-lô-se, Phao-lô đã viết thư này để khích lệ họ. Nhờ chú ý đến những lời khuyên răn của ông, người Cô-lô-se sẽ thắng hơn kẻ thù.

1. Cứ duy trì mãi sự tiến bộ thuộc linh (Co 4:4-7)

Trong đời sống Cơ Đốc, chúng ta chẳng bao giờ đứng yên một chỗ hoặc là chúng ta tiến tới, hoặc là từ từ thối lui. Tiếng gọi mà chúng ta phải vâng theo là “Chúng ta phải tiến tới sự trọn lành” (He 6:1). Cơ Đốc nhân nào không tiến bộ thuộc linh thì đang là mục tiêu cho kẻ thù tấn công để tiêu diệt.

Sự cần thiết phải tiến bộ (Co 2:4). Sa-tan là kẻ lừa dối. Nó muốn dẫn các tín hữu đi lạc đường, mà muốn làm việc ấy, nó dùng nhiều lời dối trá. Từ ngữ Hi-văn được dùng ở đây mô tả các luận cứ đầy thuyết phục của một luật sư. Sa-tan là kẻ nói dối (Gi 8:44) và bằng những lời nói dối của mình, nó dẫn các tín hữu vào nẻo đường sai. Điều quan trọng là chúng ta phải rèn luyện khả năng biện biệt thuộc linh, và phải tiếp tục tăng trưởng trong sự thông biết chân lý thuộc linh.

Bản tính của sự tiến bộ (Co 2:5-7). Nhằm nhấn mạnh lời răn bảo của mình, Phao-lô đã dùng nhiều bức tranh sống động để minh họa sự tiến bộ thuộc linh.

Quân đội (c.5). Hai từ ngữ thứ tự và vững vàng là những thuật ngữ quân sự. Chúng mô tả một đạo quân đoàn kết hợp nhất để chống lại kẻ thù. Thứ tự mô tả việc một đạo quân được sắp xếp thành hàng ngũ chỉnh tề, mỗi chiến sĩ đều đứng vào đúng vị trí của mình. Không phải người nào cũng là một đại tướng năm sao cả, nhưng vị tướng lãnh chẳng bao giờ đánh giặc một mình. Vững vàng tả vẽ các binh sĩ đang xếp thành đội hình chiến đấu, tạo ra một mặt trận vững chắc đối diện với quân thù. Cơ Đốc nhân phải luôn luôn tiến bộ về kỹ luật và sự vâng lời, như các chiến sĩ ngoài chiến trường vậy!

Người hành hương (c.6). Cuộc đời Cơ Đốc được ví sánh với một cuộc hành hương, và các tín hữu phải học tập bước đi. Phao-lô từng khích lệ những người đọc thư ông “ăn ở (bước đi) xứng đáng với Chúa” (1:10), rồi sau này, ông sẽ lại dùng hình ảnh ấy nhiều lần nữa (3:7 4:5). Trong thư Ê-phê-sô, bức thư cùng gởi đi một lượt với thư Cô-lô-se này, Phao-lô đã dùng hình ảnh ấy ít nhất là bảy lần (Eph 2:2,10 4:1,17 5:2,8,15).

Chúng ta phải bước đi trong Đấng Christ y như đã từng tin nhận Ngài từ lúc ban đầu vậy – nghĩa là bởi đức tin. Các giáo sư trí tuệ phải muốn giới thiệu một số “chân lý mới” về vấn đề trưởng thành của Cơ Đốc nhân nhưng Phao-lô đã tố giác họ. Ông viết: “Anh em đã bắt đầu với Đấng Christ và phải cứ tiếp tục với Đấng Christ. Anh em đã bắt đầu bằng đức tin nên cũng phải tiếp tục bằng đức tin. Đây là phương pháp duy nhất để tiến bộ thuộc linh”.

Cội cây (c.7a). Chăm rẫy là một thuật ngữ nông nghiệp. Thì của động từ hi-văn ngụ ý: “đã chăm rẫy một lần đủ cả”. Cơ Đốc nhân không phải là loại cỏ dại không rẫy, bị “day động và đòi đòi theo chiều gió của đạo lạc” (Eph 4:14). Họ cũng không phải là loại cây bị “nhỏ đi trông lại”, luôn luôn bị chuyển từ chỗ đất này sang chỗ đất khác. Một khi chúng ta đã chăm rẫy bởi đức tin trong Đấng Christ rồi, thì chẳng cần gì phải đổi đất nữa! Các rẫy hút chất dinh dưỡng lên để cây có thể sống và tăng trưởng. Bộ rẫy cũng ban sức mạnh và sự ổn định cho cây.

Ngôi nhà (c.7b). Được xây lên (lập nền) là một thuật ngữ của ngành kiến trúc. Nó thuộc thì quá khứ “đã được lập nền (xây lên)”. Lúc chúng ta tin cậy Đấng Christ cứu mình, là chúng ta đã được đặt trên một cái nền từ đó trở đi, chúng ta cứ tăng trưởng (được xây lên) trong ân điển. Từ ngữ xây (gây) dựng thường gặp trong các bức thư của Phao-lô chỉ đơn giản có nghĩa là xây lên. Có tiến bộ thuộc linh có nghĩa là cứ thêm vào cho ngôi đền thờ vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Trường học (c.7c). Chính Lời của Đức Chúa Trời gây (xây) dựng và củng cố Cơ Đốc nhân. Ê-pháp-ra đã trung tín dạy cho các tín hữu người Cô-lô-se chân lý của Lời Đức Chúa Trời (Co 1:7). Nhưng các giáo sư giả đang phá hoại giáo lý ấy. Ngày nay, các Cơ Đốc nhân học hỏi nghiên cứu Lời Chúa cũng được gây dựng trong niềm tin. Sa-tan gặp nhiều khó khăn khi muốn lừa dối người tín hữu đã được dạy bảo cẩn thận về Thánh Kinh.

Dòng sông (c.7d). Từ ngữ dư dật rất thường được Phao-lô sử dụng. Nó gợi lên hình ảnh về một dòng sông có nước tràn bờ. Từng trải đầu tiên của chúng ta trong Chúa là được uống nước sự sống bởi đức tin, rồi Ngài đặt vào lòng chúng ta một mạch nước sự sống (Gi 4:10-14). Nhưng mạch nước đó phải trở thành một “sông nước hằng sống” (Gi 7:37-39) cứ ngày càng sâu thêm. Hình ảnh con sông từ đền thờ tuôn trào ra (Exe 47:1-23) cứ càng chảy lại càng sâu thêm, có lẽ là điều Phao-lô nghĩ đến. Thật đáng buồn khi phải nói rằng nhiều người trong chúng ta đã không tiến bộ – đời sống chúng ta chỉ là những vũng nước cạn thay vì là những con sông chảy mạnh.

Một lần nữa, Phao-lô đề cập “sự cảm tạ” (Co 1:3,12). Một tinh thần tri ân là dấu hiệu của một Cơ Đốc nhân trưởng thành. Khi nào một Cơ Đốc nhân có dư dật những lời cảm tạ, là người ấy đang thật sự tiến bộ!

Khi kiểm điểm lại các hình ảnh về sự tiến bộ thuộc linh này, chúng ta thấy thế nào một Cơ Đốc nhân đang tăng trưởng có thể dễ dàng đánh bại kẻ thù để khỏi bị dẫn đi sai lạc. Nếu các rẫy thuộc linh của người ấy đã chăm sâu vào Đấng Christ, người ấy sẽ chẳng cần đến một mảnh đất nào khác nữa.

Nếu Đấng Christ đã là cái nền chắc chắn rồi, thì người ấy chẳng cần phải dời đi đâu nữa. Nếu người ấy vẫn đang học hỏi nghiên cứu để cứ tăng trưởng trong Lời Đức Chúa Trời người ấy sẽ không dễ dàng bị tà giáo quyến rũ mê hoặc. Và nếu tâm lòng người ấy đang tuôn trào ra lời cảm tạ, người ấy sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến việc xây khôi tình trạng được đẩy dẩy dư dật mình đang có được trong Đấng Christ. Một tín hữu đã có nền tảng vững chắc, đang tiến bộ, biết tri ân cảm tạ, thì chẳng bao giờ bị dẫn đi sai lạc.

2. Cảnh giác đối với các nguy cơ thuộc linh (Co 2:8-10)

Phao-lô tiếp tục với hình ảnh về quân đội bằng lời cảnh cáo: “Hãy coi chừng kẻo có người bắt anh em làm tù binh đấy” (dịch nguyên văn). Các giáo sư giả đã không đi ra để đưa người hư vọng về với Chúa ngày nay, những kẻ theo các nhánh đạo khác (cultists) cũng chẳng khác gì hơn. Họ chỉ “bắt cóc” tín đồ của các Hội Thánh mà thôi! Phần đông những người thuộc các nhánh đạo chống lại Cơ Đốc giáo mà tôi có dịp trò chuyện, vốn có thời là thành viên của một chi hội Cơ Đốc giáo thuộc một hệ phái này hoặc một hệ phái khác.

Làm thế nào để các giáo sư giả “bắt” được người ta? Lời đáp rất đơn giản: những “người bị bắt làm tù binh” ấy vốn dốt nát về chân lý của Lời Đức Chúa Trời. Họ bị triết lý và những điều sai lầm, giả dối rỗng tuếch của các giáo sư giả mê hoặc (nói như thế không có nghĩa là bảo rằng tất cả các triết lý đều sai lầm, vì vẫn còn có một triết lý Cơ Đốc cho đời sống. Từ ngữ “triết lý” vốn chỉ có nghĩa là “yêu mến sự khôn ngoan”). Khi một người không biết rõ các giáo lý của Cơ Đốc giáo, thì rất dễ bị các tà giáo bắt làm tù binh.

Triết lý của các giáo sư giả này vốn “rỗng tuếch và dối trá” (c.8 bản NIV) vì nhiều lý do. Để bắt đầu, nó là truyền thống của loài người, chớ không phải là chân lý của Lời Đức Chúa Trời. Từ ngữ truyền thống có nghĩa là “điều được truyền lại”, và cũng có một truyền thống Cơ Đốc chân chính nữa (II Te 2:15 3:6 II Ti 2:2 I Co 15:3tt). Điều quan trọng đối với một lời giáo huấn nào, là nguồn gốc của nó: nó vốn từ Đức Chúa Trời hay từ loài người đến? Các lãnh tụ tôn giáo vào thời của Chúa chúng ta vốn có các truyền thống của họ và rất nhiệt thành tuân thủ, bảo vệ chúng (Mat 15:1-20) Ngay đến Phao-lô trước khi gặp Chúa, vốn cũng “sốt sắng quá đỗi về cựu truyền của tổ phụ” (Ga 1:14).

Nếu một Cơ Đốc nhân mới tin Chúa từ một khu vực truyền giáo rất xa được đến thăm nhiều Hội Thánh của chúng ta, có lẽ người ấy sẽ phải vô cùng kinh ngạc về các ý niệm và tập tục của chúng ta, vốn không thể được Lời Đức Chúa Trời hậu thuẫn cho. Các truyền thống nhân tạo của chúng ta lại thường được chúng ta xem là quan trọng hơn các giáo lý mà Đức Chúa Trời đã ban bố trong Kinh Thánh! Nếu trong Hội Thánh có các truyền thống nhắc nhở chúng ta về phần di sản tin kính của mình thì chẳng có gì sai trái cả, nhưng chúng ta phải cẩn thận, đừng biến các truyền thống ấy trở thành ngang hàng với Lời Đức Chúa Trời.

Truyền thống của các giáo sư giả còn “rỗng tuếch và dối trá” vì một lý do khác nữa: chúng gồm toàn là “những điều sơ học của thế gian”. Từ ngữ Hi-văn được dịch ra “những điều sơ học” căn bản có nghĩa là “một trong một hàng, một chuỗi”. Có nhiều nghĩa gắn liền với nó: (1). Các âm hay mẫu tự đầu tiên, những A,B,C (2). Các nguyên tố căn bản của vũ trụ, như trong I Phi 3:10-12 (3). Các yếu tố cơ bản của kiến thức, những điều ABC của một hệ thống nào đó, như trong He 5:12. Nhưng trong Hi-văn cổ, từ ngữ này có nghĩa là “các yếu tố thần linh trong vũ trụ, các thiên sứ ảnh hưởng trên các thiên thể”. Nó là một thuật ngữ trong từ vựng của chiêm tinh học liên quan đến tôn giáo thời bấy giờ.

Những người theo Trí huệ phái tin rằng các thiên sứ và các thiên thể tác động trên cuộc đời người ta. Lời Phao-lô cảnh cáo người Cô-lô-se về “trăng mới” và các tập tục tôn giáo khác nữa do niên lịch xác định (Co 2:16) có lẽ có liên hệ với lời truyền dạy của Trí huệ giáo, dù rằng người Do Thái cũng còn “coi lịch” (Ga 4:10). Có một điều chắc chắn: những lời truyền dạy về ma quỷ và thiên sứ đó không phải là giáo lý Cơ Đốc chân chính. Nếu cần nói gì, thì những lời truyền dạy như thế vốn từ Sa-tan đến.

Sự kiện lời truyền dạy này không phải của Đấng Christ cũng đã đủ để cảnh cáo chúng ta chống lại việc xem tử vi, xem sơ đồ các vì sao, cầu cơ, và các thói quen đồng bóng khác nữa. Toàn thể hệ

thống hoàng đạo đều mâu thuẫn với lời truyền dạy của Thánh Kinh. Cơ Đốc nhân nào còn dính dáng với thần bí học và cái gọi là “khoa học huyền bí” chỉ chuốc lấy rắc rối cho mình mà thôi.

Tại sao chúng ta lại noi theo triết lý rỗng tuếch khi đã có đầy đủ mọi sự trong Đấng Christ rồi? Làm như thế thật chẳng khác gì từ bỏ dòng sông thoả mãn để uống nước ao tù dơ bẩn của trần gian (Gie 2:13). Lẽ dĩ nhiên, các giáo sư giả tại Cô-lô-se đã không đòi hỏi các tín hữu phải từ bỏ Đấng Christ. Họ chỉ yêu cầu mọi người biến Đấng Christ thành một phần trong hệ thống mới. Nhưng làm như thế tức là truất Ngài khỏi địa vị độc tôn phải lẽ của Ngài.

Cho nên Phao-lô đã ban cho họ liều thuốc ngừa linh nghiệm và dứt khoát cho tất cả các tà thuyết: “Sự hoàn thiện vốn ở trong Đấng Christ, và anh em đã được làm cho hoàn thiện trong Ngài. Thế tại sao anh em lại còn cần đến điều gì khác nữa” (Co 2:9,10).

Chúng ta đã được thấy từ ngữ “sự đầy đủ trọn vẹn” (pleroma) trước đây rồi (1:19). Nó có nghĩa là “tổng số của tất cả những gì có trong Đức Chúa Trời, là tất cả bản thể và các thuộc tính của Ngài”, Từ ngữ này vốn được người theo Trí huệ phái dùng, nhưng họ không hiểu nó theo cùng một ý nghĩa với Phao-lô. Với họ, pleroma là nguồn gốc của tất cả những “lưu xuất”, nhờ đó con người có thể đến với Đức Chúa Trời. Tuyệt đỉnh của từng trải tôn giáo của Trí huệ phái là được dự phần vào pleroma.

Lẽ dĩ nhiên là chẳng hề có sự “lưu xuất” nào từ Đức Chúa Trời cả. Vực sâu ngăn cách giữa trời và đất đã được san bằng trong sự nhập thể của Chúa Giê-xu Christ. Ngài đã được công bố là “Em-ma-nu-en, nghĩa là Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta” (Mat 1:23). Chúa Giê-xu Christ là sự hoàn thiện của Đức Chúa Trời, và sự hoàn thiện này vẫn tiếp tục và vĩnh viễn thể hiện chính Ngài. Một lần nữa, Phao-lô bài bác giáo thuyết của Trí huệ phái rằng vật chất là xấu và rằng Chúa Giê-xu không có thân thể con người.

Lúc Chúa Giê-xu Christ thăng thiên, Ngài đã về trời bằng thân thể con người Đó là một thân thể vinh hiển nhưng có thật, đó là điều chắc chắn. Sau khi sống lại, Chúa chúng ta đã cẩn thận bảo đảm chắc chắn với các môn đệ mình rằng Ngài chính là một Người, trong cùng một thân thể như trước kia Ngài không phải là một bóng ma hay một vị thần linh (Gi 20:19-29). Đã có một Con người vinh hiển trên thiên đàng! Đức Chúa Trời làm Người, là Chúa Giê-xu Christ, đang là hiện thân của Đức Chúa Trời hoàn thiện!

Vậy điều quan trọng cần ghi nhận là như thế này: mỗi người tín hữu đều được dự phần vào sự hoàn thiện ấy! “Anh em lại nhờ Ngài mà có được đầy đủ mọi sự” (Co 2:10) và thì của động từ Hi-văn cho thấy sự hoàn thiện này là một từng trải miên viễn. Sách Expanded translation của Tiên sĩ Kenneth Wuest đã dịch câu này rất đúng nguyên văn là “và anh em đang ở trong Ngài sau khi đã được đổ đầy hoàn toàn với kết quả hiện tại, nên anh em đang ở trong tình trạng hoàn thiện”.

Khi một người được sinh ra một lần nữa trong gia đình Đức Chúa Trời, người ấy được sinh ra hoàn thiện trong Đấng Christ. Sự tăng trưởng của người ấy không phải là bằng cách thêm vào nhưng là bằng việc nuôi dưỡng. Người ấy tăng trưởng từ bên trong ra. Đấng Christ chẳng cần được thêm gì cả, vì Ngài đã chính là sự hoàn thiện của Đức Chúa Trời rồi. Khi người tín hữu hấp thu sự hoàn thiện của Đấng Christ, thì người ấy “được đổ đầy bằng toàn thể sự hoàn thiện của Đức Chúa Trời” (Eph 3:19). Thế thì người ấy còn cần chi nữa?

Tất nhiên người tín hữu vẫn còn phải đối diện với nhiều nguy cơ thuộc linh. Sự thử nghiệm căn bản cho bất kỳ một sự dạy dỗ tôn giáo nào, là “Nó đặt Đấng Christ – Con Người và công lao của Ngài – vào đâu?” Nó có cướp đi sự hoàn thiện của Ngài không? Nó có phủ nhận, hoặc là thần thánh, hoặc là nhân thánh của Ngài không? Nó có khẳng định người tín hữu phải có một “từng trải mới” vào đó, để bổ túc cho từng trải của người ấy đã có được với Đấng Christ hay không? Nếu có thì lời truyền dạy ấy là sai lầm và nguy hiểm.

3. Hấp thu từ các nguồn cung cấp thuộc linh của bạn (Co 2:11-15)

Nên nhớ rằng tà giáo đã đe dọa Hội Thánh Cô-lô-se gồm nhiều yếu tố: thần bí học phương Đông, chiêm tinh học, triết học, và luật pháp của nghĩa Do Thái. Trong đoạn này của bức thư, Phao-lô đề

cập yếu tố cuối cùng đó. Rõ ràng là các giáo sư giả đã nặng nề đòi hỏi những người theo họ phải chịu phép cắt bì và tuân thủ Luật pháp Cựu Ước.

Luật pháp chủ nghĩa của Trí huệ phái không hoàn toàn có cùng một nhãn hiệu với Luật pháp chủ nghĩa thực thi bởi những người muốn Do Thái hoá mà Phao-lô bài bác trong thư tín gửi người Ga-la-ti của ông. Các giáo sư người Do Thái mà Phao-lô công kích tại Ga-la-ti nhấn mạnh rằng phép cắt bì và vâng giữ Luật pháp là cần thiết cho sự cứu rỗi (xem Cong 15:1-41 để có một phần bối cảnh về vấn đề này). Luật pháp chủ nghĩa Trí huệ phái bảo rằng Luật pháp Do Thái có thể giúp các tín hữu trở thành thuộc linh hơn. Nếu họ chịu phép cắt bì, và nếu họ kiêng ăn, giữ ngày thánh, họ sẽ trở thành một phần trong số những người “thuộc linh ưu tú” trong Hội Thánh. Tai hại thay, ngày nay vẫn còn có những người có những ý kiến tương tự trong các Hội Thánh của chúng ta.

Phao-lô đã vạch rõ rằng Cơ Đốc nhân không hề bị lệ thuộc hệ thống luật pháp Cựu Ước, bất luận về phương diện nào, mà nó cũng chẳng đem được điều gì tốt cho người ấy về mặt thuộc linh. Chỉ một mình Chúa Giê-xu Christ mà thôi, là đã đầy đủ cho mọi nhu cầu thuộc linh của chúng ta rồi, vì tất cả sự đầy đủ của Đức Chúa Trời đều ở trong Ngài. Chúng ta được đồng nhất hoá với Đấng Christ vì Ngài là Đầu của thân thể (Co 1:18) mà chúng ta là các chi của thân thể (ICo 12:12-13). Phao-lô giải thích việc chúng ta đồng nhất hoá với Đấng Christ theo bốn phương diện chẳng những khiến cho việc đó trở thành không cần thiết mà còn là tội lỗi nữa, nếu chúng ta dính dáng vào bất kỳ loại luật pháp chủ nghĩa nào.

Được cắt bì trong Ngài (Co 2:11). Phép cắt bì là một dấu hiệu của giao ước Đức Chúa Trời đã lập với dân Do Thái (Sa 17:9-14). Tuy là một cuộc “giải phẫu trên thân thể, nó vốn có ý nghĩa thuộc linh. Vấn đề rắc rối là dân Do Thái lại trông cậy vào điều thuộc thể chứ không phải là điều thuộc linh. Một cuộc giải phẫu sưng trên thân thể, thì chẳng bao giờ đem ân điển thuộc linh đến được (Ro 2:25-29). Trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời thường cảnh cáo dân sự Ngài phải xây bỏ tội lỗi để từng trải một phép cắt bì thuộc linh của tấm lòng (Phu 10:16 30:6 Gie 4:4 6:50 Exe 44:7). Thiên hạ ngày nay cũng phạm vào cùng một sai lầm ấy khi họ trông cậy vào một số nghi lễ tôn giáo nào đó như phép báp-tem hay Tiệc Thánh chẳng hạn sẽ cứu được họ.

Người tín hữu không cần phải chịu phép cắt bì, vì đã từng trải phép cắt bì thuộc linh nhờ đã đồng nhất hoá với Chúa Giê-xu Christ rồi. Nhưng hãy còn một sự tương phản nữa ở đây giữa phép cắt bì của Do Thái giáo với phép cắt bì thuộc linh của người tín hữu trong Đấng Christ:

- Người Do Thái

Sự cắt bỏ bên ngoài

một phần thân thể được thực hiện bằng tay không có sự trợ giúp thuộc linh để chiến thắng tội lỗi.

- Người tín hữu

Bên trong – tức là tấm lòng

toàn thể “thân thể tội lỗi” được thực hiện không phải bằng tay giúp họ thắng hơn tội lỗi.

Lúc Chúa Giê-xu Christ chịu chết rồi sống lại, Ngài đã chiến thắng hoàn toàn và dứt khoát đối với tội lỗi. Chẳng những Ngài chỉ chịu chết vì tội lỗi của chúng ta (cứu rỗi), mà còn “chết đối với tội lỗi” nữa (thánh hoá xem Ro 6:10tt). Điều luật pháp không làm nổi thì Chúa Giê-xu Christ đã hoàn thành vì chúng ta. Bản tính cũ (“thân thể của xác thịt tội lỗi”) đã bị lột bỏ – bị vô hiệu hoá – nên chúng ta không còn bị bắt làm nô lệ cho các ham muốn của nó nữa. Bản tính tội lỗi cũ vẫn chưa bị nhổ tận gốc, vì chúng ta vẫn còn có thể phạm tội (IGi 1:5 2:6), nhưng quyền năng của nó đã bị đập tan khi chúng ta đầu phục Đấng Christ và bước đi nhờ quyền năng của Đức Thánh Linh.

Được sống lại trong Ngài (Co 2:12-13). Ở đây Phao-lô dùng thí dụ minh hoạ là phép báp-tem. Nên nhớ luôn rằng trong Tân Ước, từ ngữ phép báp-tem có cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Nghĩa đen là “nhúng nước, nhận chìm” nghĩa bóng là “đồng nhất với”. Thí dụ dân Do Thái đã “chịu Môi-se làm

phép báp-tem” lúc họ vượt Hồng hải (ICo 10:1-2). Trong phép báp-tem này đã không có sự tham dự của nước, vì họ đã vượt biển như đi trên đất khô. Trong từng trải này, dân sự được đồng nhất hoá với Môi-se.

Phao-lô dùng danh từ phép báp-tem theo nghĩa bóng trong đoạn này của bức thư của ông – vì chẳng hề có một lượng nước vật chất nào lại có thể chôn một người cùng với Đấng Christ hay khiến người ấy sống lại trong Ngài. Phép báp-tem bằng cách nhận chìm trong nước là một bức tranh về từng trải thuộc linh này. Khi một người được cứu, người ấy đã tức khắc được Đức Thánh Linh làm phép báp-tem cho để người ấy trở thành một phần của thân thể Đấng Christ (ICo 12:12-13) và đồng nhất hoá với cái Đầu, là Chúa Giê-xu Christ. Sự đồng nhất hoá này, có nghĩa là bất cứ điều gì đã xảy ra cho Đấng Christ thì cũng xảy ra cho chúng ta nữa. Lúc Ngài chết, chúng ta cũng chết. Khi Ngài sống lại, chúng ta cũng cùng sống lại với Ngài – và chúng ta vứt bỏ lại sau lưng các áo xống thuộc về mồ mã của cuộc đời cũ (Co 3:1-14).

Tất cả những việc ấy đã xảy ra “bởi đức tin trong quyền năng Đức Chúa Trời” (c.12). Chính quyền năng của Đức Chúa Trời đã thực hiện việc thay đổi đó, chứ không phải là quyền năng của nước. Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã đồng nhất hoá chúng ta với Đấng Christ, nên chúng ta cũng được chôn cùng được sống lại và cùng được khiến sống mãi với Ngài. (Các động từ Hi-văn ở đây hết sức có ý nghĩa: cùng bị chôn, cùng sống lại và cùng được khiến sống lại). Bởi vì Đức Chúa Trời đã khiến Con Ngài từ chết sống lại, nên chúng ta được sự sống đời đời.

Phản ứng dụng thực tiễn thật là rõ ràng: vì chúng ta đã được đồng nhất hoá với Đấng Christ, mà Ngài vốn là sự đầy đầy trọn vẹn (hoàn thiện) của Đức Chúa Trời, thế chúng ta còn cần gì thêm nữa? Chúng ta đã được từng trải năng lực của Đức Chúa Trời nhờ đức tin đặt vào Đấng Christ, thế thì tại sao lại còn quay trở lại với sự chết chóc của luật pháp? Đức Chúa Trời đã tha thứ mọi tội chúng ta (c.13b) để chúng ta có được một chỗ đứng trọn vẹn trước mặt Ngài.

Được giải thoát khỏi luật pháp (2:14). Chúa Giê-xu chẳng những nhận lấy tội lỗi của chúng ta đưa lên thập tự giá (IPhi 2:24), mà Ngài còn đưa luật pháp lên thập tự giá nữa, để vĩnh viễn đóng đinh nó vào đó để nó không còn cản đường chúng ta được nữa. Chắc chắn là luật pháp đã chống lại chúng ta, vì chúng ta không thể nào thoả mãn các đòi hỏi thánh khiết của nó được. Tuy Đức Chúa Trời chẳng bao giờ ban bỏ Mười Điều Răn cho người ngoại quốc, các đòi hỏi công chính của luật pháp – tức là các chuẩn mực về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời – vẫn được “ghi trong lòng họ” (Ro 2:12-16).

Lúc Chúa Giê-xu Christ đổ huyết ra vì có tội nhân, Ngài đã bãi bỏ món nợ lớn lao đang chống lại tội nhân vì họ đã bất tuân luật pháp thánh của Đức Chúa Trời. Trong thời Cựu Ước, các ghi chú về tài chính thường được giữ lại trên giấy da, và chữ viết trên đó có thể xoá đi. Đây chính là bức tranh mà Phao-lô đã vẽ.

Làm thế nào một Đức Chúa Trời thánh khiết lại có thể là công bằng khi bãi bỏ một món nợ? Bằng cách buộc Con Ngài phải trả hết món nợ đó khi Ngài chịu chết trên thập tự giá. Nếu một quan toà trả tự do cho một người đã phạm trọng tội, thì vị quan toà ấy đã hạ giá luật pháp và bỏ mặc phía bị thiệt hại, không được bồi thường. Đức Chúa Trời đã trả xong món nợ tội khi Ngài phó Con Ngài để chịu chết trên thập tự giá, đồng thời, Ngài cũng đề cao sự thánh khiết của chính luật pháp Ngài.

Nhưng Chúa Giê-xu Christ còn làm được việc lớn hơn cả việc bãi bỏ món nợ: Ngài đã cất bộ luật pháp đã kết án chúng ta đi, đặt nó qua một bên, để chúng ta không còn phải phục dưới quyền chủ trị của nó nữa. Chúng ta đã được “buông tha khỏi luật pháp” (Ro 7:6), Chúng ta “chẳng thuộc dưới luật pháp” (Ro 6:14) nữa. Nói như thế không có nghĩa là bảo rằng chúng ta là vô luật pháp, vì sự công chính mà luật pháp đòi hỏi sẽ được chúng ta làm trọn khi chúng ta bước đi trong quyền năng của Đức Thánh Linh (Ro 8:4). Mỗi liên hệ của chúng ta với Đấng Christ giúp chúng ta có khả năng vâng lời Đức Chúa Trời do tình yêu, chứ không phải vì sợ như một tên nô lệ.

Được chiến thắng trong Ngài (Co 2:15) Chúa Giê-xu không những chỉ đối phó với tội lỗi và luật pháp trên thập tự giá, mà Ngài còn đối phó cả với Sa-tan nữa. Khi đề cập vấn đề đóng đinh vào thập tự giá, Chúa Giê-xu từng nói: “Đã đến lúc thế gian bị xét xử, và Sa-tan, kẻ thống trị thế gian bị trục

xuất” (Gi 12:31) “Thoạt nhìn thì sự chết của Đấng Christ trên thập tự giá có vẻ như một chiến thắng lớn của Sa-tan, nhưng nó lại trở thành một trận đại bại mà Sa-tan không thể cứu vãn được.

Chúa Giê-xu đã được ba chiến thắng lớn trên thập tự giá. Một là Ngài đã “trước bỏ các quyền cai trị cùng các thế lực” (Co 2:15), tức bỏ mọi vũ khí mà Sa-tan và đạo quân của nó mang theo. Sa-tan không thể làm hại người tín hữu nào không tự làm hại mình. Chính lúc chúng ta thôi thức canh và cầu nguyện (như điều Phi-e-rơ đã làm), thì Sa-tan mới có thể sử dụng các vũ khí của nó để chống lại chúng ta.

Hai là, Chúa Giê-xu đưa kẻ thù ra trình diện trước công chúng (nộp ra tỏ tường giữa thiên hạ, c.15). vạch trần thói dối trá và quỷ quyệt của Sa-tan. Trong sự chết, sống lại, và thắng thiên của Ngài, Đấng Christ đã “minh chứng” cho Đức Chúa Trời và đánh bại ma quỷ.

Chiến thắng thứ ba của Ngài được tìm thấy trong từ ngữ chiến thắng khai hoàn. Khi nào một đại tướng La-mã thắng một trận lớn ngoài biên giới, bắt được nhiều tù binh và thu được nhiều chiến lợi phẩm, chiếm thêm được nhiều đất đai cho La-mã thì vị ấy sẽ được tôn vinh bằng một cuộc diễu hành chính thức được biết dưới tên “khai hoàn La-mã”. Trong bức thư thứ hai gửi cho người Cô-rinh-tô, Phao-lô đã ám chỉ đến sự việc này (II Co 2:14). Đấng Christ đã toàn thắng và trở về thật vẻ vang trong một cuộc diễu hành khai hoàn vĩ đại (Eph 4:8tt). Trong trận này, Ngài đã hạ nhục và đánh bại Sa-tan.

Bạn và tôi đều được dự phần vào chiến thắng của Ngài đối với ma quỷ. Chúng ta chẳng cần chi phải bối rối trước các yếu tố quyền lực cai trị trên các hành tinh và tìm cách gây ảnh hưởng trên đời sống người ta. Các đạo quân gồm các thống trị và thế lực của Sa-tan đều đã bị đánh bại nhục nhã rồi. Nếu chúng ta nêu ra chiến thắng của Đấng Christ, tự nhận đó là của mình, sử dụng các trang thiết bị Ngài đã cung cấp cho chúng ta (Eph 6:10tt), và tin cậy Ngài, chúng ta được hoàn toàn tự do đối với ảnh hưởng của ma quỷ.

Địa vị và tiếp liệu của chúng ta trong Đấng Christ thật kỳ diệu biết bao! Chúng ta có đang dùng đức tin để sống phù hợp với nó hay không?

7. HỜI CÁC TÍN HỮU HÃY CẢNH GIÁC! (Co 2:16-23)

Từ các tín hiệu đèn đỏ trên một ngã tư có tàu hoả chạy qua, đến chiếc đầu lâu có hai khúc xương bắt chéo trên một chai rượu độc, những lời cảnh cáo vốn là một phần trong sinh hoạt hằng ngày. Trẻ con cần phải được dạy bảo để chú ý đến những lời cảnh cáo, còn những người đã trưởng thành cũng phải được nhắc nhở là chớ có nên quá “lòn mặt” với chúng. Những lời cảnh cáo vốn là một vấn đề sinh tử đấy!

Đời sống thuộc linh cũng có những nguy hiểm và những lời cảnh cáo của nó. Môi-se đã cảnh cáo dân Y-sơ-ra-ên phải coi chừng việc họ có thể quên mất Đức Giê-hô-va sau khi đã định cư trong Đất Hứa (Phu 6:12). Chúa Giê-xu vẫn thường dùng từ ngữ: Hãy coi chừng (Mat 7:15 Mac 12:38 Lu 12:15).

Phao-lô đã cảnh cáo về các giáo sư giả rồi (Co 2:8). Trong đoạn này của bức thư, ông đưa ra ba lời cảnh cáo chúng ta phải chú ý nếu muốn vui hưởng sự đầy đủ của chúng ta trong Chúa Giê-xu Christ.

1. “Chớ để ai đoán xét anh em” (Co 2:16-17)

Lời cảnh cáo này vạch trần sự nguy hiểm của luật pháp chủ nghĩa của các giáo sư trí huệ phái tại Cô-lô-se. Các giáo thuyết của họ là một sự pha lẫn kỳ dị thần bí học phương Đông, luật pháp chủ nghĩa Do Thái giáo, một triết lý sơ sài và lời dạy dỗ của Cơ Đốc giáo. Rõ ràng là luật pháp chủ nghĩa Do Thái có một vai trò rất quan trọng. Điều này thì chẳng có gì đáng lấy làm lạ cả, vì bản tính con người vốn có xu hướng thiện về “những bổn phận tôn giáo”. Xác thật vốn yếu đuối đối với các điều thuộc linh (Mat 26:41) nhưng lại rất mạnh mẽ khi cần thi hành các luật lệ và quy tắc tôn giáo. Dù sao thì tham gia việc làm theo thói quen nhàm chán của tôn giáo cũng “thối phồng” cái “ta” lên, và khiến cho con người hài lòng với sự công chính riêng của mình. Khi thảo luận về vấn đề này, Phao-lô đã trình bày ba chân lý quan trọng:

Cơ sở cho sự tự do của chúng ta (Co 2:16a). Điều này được nhận thấy trong từ ngữ “vì vậy”, nối liền phần thảo luận này với mấy câu trước đó. Nền móng cho sự tự do của chúng ta là Con Người và công lao của Chúa Giê-xu Christ. Mọi sự đầy trọn của Đức Chúa Trời đều hiện hữu cụ thể trong Ngài (Co 2:9). Trên thập tự giá, Ngài đã bãi bỏ món nợ và sự chủ trị của luật pháp (2:14). Là tín hữu, chúng ta được sống dưới ân điển, xem đó như một quy luật của sự sống, chớ không phải sống dưới luật pháp (Ro 6:14tt).

Những tín hữu ngoại quốc tại Cô-lô-se vốn chẳng bao giờ phải sống dưới luật pháp Môi-se, vì luật pháp ấy chỉ được ban bố cho dân Y-sơ-ra-ên mà thôi (Ro 9:4). Điều có vẻ khá lạ lùng, là giờ đây, sau khi đã trở thành Cơ Đốc nhân rồi, họ lại muốn tự đặt mình đầu phục luật pháp chủ nghĩa Do Thái! Phao-lô từng gặp cùng một vấn đề như thế với những người ngoại quốc trong các Hội Thánh xứ Ga-la-ti, và ông đã bài bác luật pháp chủ nghĩa Do Thái trong bức thư ông gửi cho các tín hữu người Ga-la-ti (Ga 3:16). (xem chú giải thư Ga-la-ti).

Người nào “đoán xét” một tín hữu vì người tín hữu ấy không sống dưới luật pháp Do Thái, thật ra là đang đoán xét chính Chúa Giê-xu Christ. Người ấy ngụ ý rằng Đấng Christ chưa hoàn thành công tác cứu rỗi trên thập tự giá, cho nên chúng ta còn phải thêm một điều gì đó vào đấy nữa. Người ấy cũng ngụ ý bảo rằng Chúa Giê-xu Christ vẫn còn chưa đủ cho tất cả các nhu cầu thuộc linh của Cơ Đốc nhân. Các giáo sư giả tại Cô-lô-se rêu rao rằng tất cả những ai chịu giữ luật pháp sẽ có được “một đời sống thuộc linh sâu nhiệm hơn”. Cứ theo bề ngoài mà xét thì cách làm đó của họ có vẻ là thuộc linh, nhưng sự thật là những việc làm như thế chẳng làm được điều gì thuộc linh cả.

Ách nô lệ của luật pháp chủ nghĩa (Co 2:16). Xin đừng cho phép ai nói khác hơn với bạn: nó chính là xích xiềng nô lệ! Phi-e-rơ đã gọi nó là “cái ách” (Cong 15:10). Phao-lô cũng dùng cùng một hình ảnh ấy khi ông cảnh cáo người Ga-la-ti: “Đấng Christ đã giải phóng chúng ta, cho chúng ta được tự do. Vậy hãy bảo vệ và triển khai tự do, đừng tự tròng cổ vào ách nô lệ của luật pháp nữa” (Ga 5:1).

Các quy tắc luật lệ này liên quan đến các thức ăn và việc ăn uống (được phép ăn hoặc phải kiêng cử). Dưới hệ thống Cựu Ước, một số thức ăn được xếp vào loại “sạch” hoặc “không sạch” (Le 11:47). Nhưng Chúa Giê-xu từng vạch rõ rằng tự nó, thức ăn là trung tính. Chính điều xuất phát từ tâm lòng mới khiến cho một người là thuộc linh hay không thuộc linh (Mat 15:1-20). Phi-e-rơ đã được nhắc nhở lại một lần nữa về bài học này lúc ông đang nằm trên mái nhà tại Gióp-bê (Cong 10:9tt) và lúc ông bị Phao-lô quở trách trại An-ti-ốt (Ga 2:11tt) “Và, ấy chẳng phải là đồ ăn làm cho chúng ta được đẹp lòng Đức Chúa Trời nếu chúng ta ăn, chẳng được ích gì, bằng không ăn, cũng chẳng tổn gì.” (ICo 8:8).

Rất có thể những lời chỉ dạy của Đức Chúa Trời về các thức ăn do Môi-se ban bố vốn có các lý do cả thuộc thể lẫn thuộc linh. Nhưng vấn đề mà Phao-lô đưa ra đây thì khác hẳn. Nếu một người cảm thấy mình cần kiêng cử một vài thức ăn nào đó thì sẽ được khoẻ mạnh hơn, thì người ấy nên kiêng cử và chăm lo cho thân thể mình. Nhưng người ấy không nên phê phán nhiều người khác có thể ăn thức ăn ấy, cũng không nên dùng nó để trác nghiệm một đời sống thuộc linh. Ro 14:1-15:32 là khúc sách then chốt về đề tài này.

Nhưng hệ thống luật lệ không phải chỉ gồm có việc kiêng ăn mà thôi nó còn gồm cả việc giữ ngày nữa. Một lần nữa, việc này vốn cũng vay mượn của các điều luật do Môi-se ban bố. Những người Do Thái thời Cựu ước được truyền dạy phải giữ ngày Sa-bát hằng tuần, tức là ngày thứ bảy mỗi tuần lễ (Xu 20:9-11). Gọi Chúa nhật là “ngày Sa-bát của Cơ Đốc giáo” thì thật là sai lầm, vì Tân Ước không hề quy định như thế. Nó là “ngày của Chúa” (Kh 1:10 ngày thứ nhất trong tuần lễ (ICo 16:2 Cong 20:7), ngày để kỷ niệm sự sống lại từ kẻ chết, ngày đắc thắng của Chúa Giê-xu Christ (Gi 20:1,19,26).

Dân Do Thái cũng có các ngày lễ riêng (Le 25:1-55) và các kỳ lễ đặc biệt mừng “trăng mới” (Es 1:13). Tôn giáo của họ gắn liền với niên lịch. Nhưng mọi việc đó vốn có chức năng thích đáng dưới thời đại cũ, chớ không có ý định sẽ trở thành một phần vĩnh viễn của đức tin dưới thời đại mới (Gi 1:17). Luật pháp giống như một giáo viên có nhiệm vụ giúp đào tạo và sửa trị dân Y-sơ-ra-ên lúc họ hãy còn là một dân tộc ấu trĩ, chuẩn bị họ cho sự đến của Đấng Mê-si-a. Nhưng bây giờ thì Chúa Giê-

xu đã đến, người giáo viên kia không còn cần thiết để thực hiện những chức năng như thế nữa (Ga 3:24-4:11).

Phải chăng nói như thế có nghĩa là bảo rằng luật pháp Cựu Ước chẳng còn có giá trị gì đối với các Cơ Đốc nhân của thời Tân Ước? Dĩ nhiên là không phải! Luật pháp vẫn còn vạch rõ cho mọi người thấy sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, và người ta có thể nhìn thấy Chúa Giê-xu Christ trong luật pháp nữa (Lu 24:27). “Và chúng ta biết luật pháp vẫn tốt lành cho kẻ dùng ra cách chánh đáng.” (ITi 1:8). Luật pháp chỉ cho người ta thấy tội lỗi và các hậu quả của tội lỗi – nhưng chẳng có quyền năng gì để ngăn ngừa tội lỗi hay cứu chuộc tội nhân. Chỉ có ân điển mới làm được việc ấy mà thôi.

Phước hạnh của ân điển (Co 2:17). Luật pháp chỉ là bóng, còn trong Đấng Christ, chúng ta có hình thật, có phần thực thể “Và, luật pháp chỉ là bóng của sự tốt lành ngày sau, không có hình thật của các vật, nên không bao giờ cậy té lễ mỗi năm hằng dâng như vậy, mà khiến kẻ đến gần Đức Chúa Trời trở nên trọn lành được.” (He 10:1). Tại sao lại phải trở lui, đi vào trong bóng tối trong khi chúng ta đã có sự thực trong Chúa Giê-xu Christ? Làm như thế thì có khác gì thả mồi bắt bóng?

Người làm ra vẻ ta đây “có đạo” chỉ kiêng ăn giữ ngày ở mặt ngoài để chứng tỏ ta là người thuộc linh, nhưng những cách làm ấy không thay đổi được tâm lòng của họ. Luật pháp chủ nghĩa là một điều phổ biến tâm thường vì bạn có thể dùng nó để “đo” đời sống thuộc linh của mình – và thậm chí khoe khoang về nó nữa! Nhưng nó thua kém rất xa, so với việc tự đo mình bằng các chuẩn mực của Đấng Christ (Eph 4:13).

2. “Đùng để ai lừa dối anh em về phần thưởng của mình” (Co 2:18-19).

Từ ngữ được dịch là cướp lấy phần thưởng ở đây có nghĩa là :”tuyên bố không xứng đáng được nhận phần thưởng”. Nó là một thuật ngữ của bộ môn điền kinh: người trọng tải phải nhận các thành tích của người tranh giải vì anh ta không tuân thủ kỷ luật. Người tranh giải vẫn không bị truất quyền công dân, nhưng bị tước đoạt cái vinh dự giết giải thưởng. Một Cơ Đốc nhân không vâng theo lời chỉ dẫn của Đức Chúa Trời không bị mất sự cứu rỗi, nhưng bị mất lời khen ngợi của Chúa và phần thưởng Ngài chỉ hứa ban cho những người trung tín (ICo 3:8).

Đức Chúa Trời hứa ban phần thưởng cho những ai phục vụ Ngài là một hành động ân huệ. Có điều chắc chắn là Ngài đã chẳng mắc nợ chúng ta gì cả! Chúng ta phải tri ân Ngài vì đã cứu mình khỏi bị phán xét, đến mức phải phục vụ Ngài cho dù có được phần thưởng hay không. Có lẽ phần đông các tội tớ Đức Chúa Trời đều vâng lời Ngài vì yêu mến Ngài và tận hiến, chớ chẳng bao giờ nghĩ đến các phần thưởng. Cũng như trong hoả ngục có nhiều mức độ trừng phạt (Mat 23:14) trên thiên đàng cũng sẽ có nhiều mức độ của sự vinh hiển – tuy toàn thể các tín hữu đều sẽ giống như Chúa Cứu Thế trong thân thể vinh hiển của mình. Ông cụ người Thanh giáo là Thomas Watson đã nói chí lý rằng: “Tuy tất cả các bình an của sự thương xót (trên thiên đàng) đều được đổ đầy, thế nhưng cái này có thể chứa đựng nhiều hơn cái kia”.

Thế thì, có thể có nguy cơ là đời sống của chúng ta hiện nay sẽ cướp mất phần thưởng và sự vinh hiển tương lai của chúng ta. Nguy cơ đặc biệt mà Phao-lô đang nghĩ đến là thần bí chủ nghĩa tức là niềm tin rằng người ta có thể từng trải được ngay tức khắc về thế giới thuộc linh hoàn toàn chẳng cần gì đến Lời Đức Chúa Trời hay Đức Thánh Linh. Các giáo sư giả tại Cô-lô-se có khái tượng và tiếp xúc được với các thiên sứ. Họ bắt cần Lời Đức Chúa Trời và Đức Thánh Linh, và tự mở đường cho mình tiến vào đủ loại hành động ma quái – vì Sa-tan vốn biết cách giả mạo các từng trải ấy để lừa dối người ta (II Co 11:13-15).

Từ ngữ được dịch là “giả đò” là một thuật ngữ được các tôn giáo thần bí thời bấy giờ sử dụng. Nó có nghĩa là “đặt chân vào phần bên trong của điện thờ để bắt đầu nhận được đầy đủ các huyền nhiệm của tôn giáo”. Chẳng hề có Cơ Đốc nhân nào lại phải trải qua một nghi lễ “nhập môn” rồi mới được vào trước hiện diện của Đức Chúa Trời. Chúng ta đều có thể “nhờ huyết Đức Chúa Giê-xu được dọn dĩa vào nơi rất thánh” (He 10:19). Chúng ta có thể “vững lòng đến gần ngôi ơn phước” (He 4:16). Còn về vấn đề thờ lạy các thiên sứ thì họ chỉ là các tội tớ phục vụ chúng ta mà thôi”. Các thiên sứ “đều là

thần hầu việc Đức Chúa Trời, đã được sai xuống để giúp việc những người sẽ hưởng cơ nghiệp cứu rỗi” (He 1:14).

Lẽ dĩ nhiên tất cả những gì thuộc về phần nghi lễ thần bí này đều được bọc trong một thái độ khiêm tốn giả tạo, chớ thật ra chỉ là sự biểu hiện của thói kiêu ngạo. Người trí huệ phái ngụ ý nói rằng: “Tôi không thánh thiện đủ để đến gần Đức Chúa Trời, nên sẽ bắt đầu đến gần với một trong các thiên sứ”.

Tìm cách đến với Đức Chúa Cha nhờ môi giới của một ai khác hơn Con Ngài là Chúa Giê-xu Christ, tức là thờ thần tượng Chúa Giê-xu Christ là Đấng Trung Bảo (Người đứng trung gian) duy nhất giữa Đức Chúa Trời và con người (ITi 2:5 Gi 14:6). Nhiều người thờ phượng thông qua các thiên sứ hay các thánh hiện ở thiên đàng không chứng tỏ là mình khiêm tốn, vì không chịu đầu phục uy quyền của Lời Đức Chúa Trời. Sự thật là người ấy bộc lộ một thứ kiêu ngạo tể nhị nhằm thay thế Lời Đức Chúa Trời bằng các truyền thuyết nhân tạo “Chớ để cho những kẻ kia cướp lấy phần thưởng chạy thi, là kẻ giả đồ khiêm nhượng mà muốn thờ lạy các thiên sứ” (Co 2:18).

Sự thờ phượng thật bao giờ cũng khiến cho một người biết tự hạ mình. Tâm trí người ấy khiếp sợ trước tính cách vĩ đại của Đức Chúa Trời tấm lòng người ấy được đổ đầy tình yêu mến đối với Đức Chúa Trời còn ý chí người ấy thì đầu phục chủ đích của Đức Chúa Trời cho đời sống mình. Tuy nhiên, những người theo trí huệ phái vốn quan tâm trước hết đến “kiến thức thuộc linh sâu nhiệm” mà chẳng đếm xỉa gì đến chân lý của Đức Chúa Trời. Các “bí mật nội tâm” của họ tạo ra cho họ một cái đầu thật to, nhưng không tạo được cho họ một tấm lòng nhiệt thành hay một ý chí biết thuận phục. “Về vấn đề của cúng thần tượng, chúng ta đều có kiến thức cả. Nhưng kiến thức dễ sinh kiêu căng còn lòng yêu thương xây dựng cho nhau” (ICo 8:1).

Thiết tưởng cần lưu ý rằng một từng trải thuộc linh chân chính với Đức Chúa Trời dẫn đến sự thuận phục và phục vụ. Lúc Gióp gặp Đức Chúa Trời, ông nói: “*Trước lỗ tai tôi có nghe đồn về Chúa, nhưng bây giờ mắt tôi đã thấy Ngài: Vì vậy tôi lấy làm gớm ghê tôi, và ăn năn trong tro bụi.*” (Giop 42:5,6). Phi-e-rơ đã sấp mặt xuống trước mặt Chúa và thưa rằng: “Thấy việc lạ xảy ra, Phi-e-rơ quỳ xuống trước mặt Chúa: “Lạy Chúa, xin ra khỏi tôi, vì tôi là người có tội” (Lu 5:8). Ê-sai đã thấy Đức Giê-hô-va và thú nhận mình là kẻ tội lỗi như thế nào (Es 6:1-13) còn khi nhìn thấy Đấng Christ phục sinh, Giăng đã ngã xuống chân Ngài như người chết vậy (Kh 1:17).

Thái độ quá dễ dãi mà một số người đến gần Đức Chúa Trời khi cầu nguyện hay nói về Ngài khi làm chứng hay trò chuyện, nhiều khi gần như là lộng ngôn. Giám mục Westcott một bậc thánh người Anh, tác giả nhiều bộ sách chú giải Thánh Kinh đã được dùng làm sách giáo khoa, có lần viết: “Mỗi năm đều khiến tôi run rẩy trước thái độ táo bạo mà người ta nói về những điều thuộc linh”.

Tại hại thay, loại “tôn giáo hư không của tâm trí xác thịt tự cao này chỉ là một cách thay thế quá đạm bạc cho chất dinh dưỡng thuộc linh chân chính từ Chúa Giê-xu Christ là cái Đầu của thân thể, cho Hội Thánh Ngài. Đây là một trong nhiều khúc sách của Tân Ước tả về Hội Thánh là thân thể của Đấng Christ! (Ro 12:4tt ICo 12:1-14:40 Eph 4:4-16 Co 1:18,24). Toàn thể chúng ta, với tư cách tín hữu, đều là các chi thể của thân thể thuộc linh, là Hội Thánh, vì đây là công việc của Đức Thánh Linh (ICo 12:12-13). Là Cơ Đốc nhân, chúng ta phục vụ lẫn cho nhau trong thân thể, như các chi thể khác nhau trong thân thể con người phục vụ lẫn cho nhau vậy (ICo 12:14tt).

Nhưng nếu tín hữu không hấp thu được chất dinh dưỡng thuộc linh đến từ Đấng Christ và các Cơ Đốc nhân khác, người ấy sẽ trở thành yếu đuối. Các giáo sư giả đã không giữ mình gắn liền được với cái Đầu, cho nên họ bị suy dinh dưỡng thuộc linh nhưng họ lại tưởng mình là các chuyên gia thuộc linh. Bạn hãy thử tưởng tượng mình là một người khổng lồ, trong khi thật ra mình chỉ là một người tí hon, mà xem!

Các giáo sư giả nóng lòng muốn có thêm nhiều tín đồ mới cho “đạo” của họ nhưng thân thể thuộc linh thì tăng trưởng nhờ việc nuôi dưỡng chớ không phải là nhờ việc cộng thêm vào. Mỗi một chi thể của thân thể Đấng Christ, kể cả “các lắt léo” (khớp xương và gân) đều quan trọng cho sức khoẻ và sự tăng trưởng của thân thể. Bất chấp ân tứ thuộc linh của bạn có là gì, bạn đều quan trọng cho Hội

Thánh. Thật vậy, một số người có thể không có những chức vụ công khai ngoạn mục, có lẽ cũng quan trọng phía sau hậu trường y như những người xuất hiện trước công chúng vậy.

Chính nhờ thờ phượng, cầu nguyện và Lời Chúa mà chúng ta hấp thụ các tiềm lực thuộc linh của Đấng Christ. Tất cả chúng ta phải là một phần của Hội Thánh địa phương, nơi chúng ta có thể thi thố các ân tứ thuộc linh riêng (Eph 4:11-17). “Đức Thánh Linh tỏ ra trong mỗi một người, cho ai nấy đều được sự ích chung” (ICo 12:7). Tân Ước không có nói gì đến các “thánh đồ cô lập” bên ngoài chi hội địa phương.

Nhưng người ta có thể thuộc về một chi hội địa phương mà chẳng hấp thụ được gì từ cái Đầu và chất dinh dưỡng của thân thể thuộc linh. Các giáo sư giả tại Cô-lô-se tìm cách nhồi nhét những lời truyền dạy của họ vào trong hội chúng địa phương, và nếu họ thành công, chắc đã khiến cho phần dinh dưỡng thuộc linh bị kém đi thay vì tăng thêm. Trừ phi khi các thành viên của chi hội địa phương cứ ở trong Đấng Christ, đầu phục Đức Thánh Linh, và vâng giữ Lời Chúa, họ không thể kinh nghiệm được sự sống của Đầu, tức là Chúa Giê-xu Christ.

“Thần bí chủ nghĩa” trong tôn giáo vốn có sự mê hoặc lôi cuốn người ta. Học tập các bí quyết làm quen với những bí mật nội tâm, và tiếp xúc với thế giới thần linh thoạt nhìn đều có vẻ đầy phần khởi.

Nhưng những việc làm đó đã bị Đức Chúa Trời thẳng thắn lên án. Cơ Đốc nhân chân chính tự hào về Đấng Christ, chứ không phải vì chính kinh nghiệm, từng trải của riêng mình. Người ấy vâng theo Lời Chúa, chịu sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh, và ở trong Đấng Christ mà một khi đã sống như thế, người ấy sẽ từng trải được phước hạnh và kết quả. Người ấy không tìm cầu một từng trải nào khác hơn là từng trải nối liền mình vào Đầu, là Chúa Giê-xu Christ.

3. “Đừng để ai bắt anh em làm nô lệ” (Co 2:20-23)

Phao-lô đã kết án luật pháp chủ nghĩa và thần bí chủ nghĩa tiếp theo đây, ông công kích và lên án khắc khổ chủ nghĩa. Người tu khổ hạnh thực hành việc tự chối mình khát khe, thậm chí tự ép xác để trở thành thuộc linh hơn. Các tập quán ép xác khổ tu vốn phổ biến trong thời Trung cổ: mặc áo lót bằng lông sạt da, ngủ trên giường chông, tự đánh mình bằng roi vọt cầm khâu nhiều ngày (thậm chí nhiều năm) không ăn uống chẳng ngủ v.v...

Đã có mối liên hệ nhất định, giữa luật pháp chủ nghĩa và khắc khổ chủ nghĩa, vì người khổ tu thường thì ép mình tuân thủ các luật lệ và quy tắc: “Chớ lấy, chớ ném, chớ rờ” (Co 2:21). Một số thức ăn hoặc tập quán bị cho là bất khiết, cần phải xa lánh. Nhiều tập quán khác là thánh khiết và không bao giờ được phép chệnh mảng. Cả cuộc đời khổ tu khổ hạnh bị gói chặt trong một hệ thống kỷ luật, sửa trị thân xác.

Là Cơ Đốc nhân, chúng ta thừa nhận rằng sửa mình là cần thiết trong đời sống. Nhiều người trong chúng ta ăn quá nhiều nên có trọng lượng quá mức. Một số người trong chúng ta uống quá nhiều cà phê hoặc thức uống có chất cola nên hay nóng nảy và bồn chồn. Chúng ta tin rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh (ICo 6:19-20) thế nhưng nhiều khi chúng ta không quan tâm đến thân thể mình như đáng phải chú ý đến nó. Phao-lô viết: “Sự tập tành thân thể cũng có phần lợi ích” (ITi 4:8 theo bản NIV). Ông đối đãi nghiêm khắc với thân thể mình, bắt nó phải phục (ICo 9:27). Cho nên trong đời sống Cơ Đốc, chúng ta cũng phải biết chăm sóc phải lẽ cho thân thể mình.

Những người khổ tu hi vọng thánh hoá được linh hồn mình nhờ khép thân thể vào kỷ luật, và đó là tà giáo mà Phao-lô công kích. Như việc giữ ngày và kiêng ăn chẳng hề có chút giá trị thánh hoá nào việc ép xác khổ tu cũng thế. Trong đoạn này, Phao-lô đưa ra nhiều luận cứ nhằm chứng minh rằng Cơ Đốc nhân không nên lao vào khắc khổ chủ nghĩa trong tôn giáo.

Địa vị thuộc linh của Cơ Đốc nhân (Co 2:20). Khắc khổ chủ nghĩa có liên quan với những điều sơ học của thế gian (các nguyên tố thô sơ của vũ trụ) chứ không phải là với các tiềm lực phong phú của Nước Trời. Trước đây, chúng ta đã thấy các từ ngữ những điều sơ học và biết rằng chúng có nghĩa là “những điều cơ bản hay những điều ABC của một vấn đề gì đó” (Co 2:8). Trường hợp ở đây “những điều sơ học của thế gian” ám chỉ các luật lệ, quy tắc liên hệ đến các thức ăn. Là Cơ Đốc nhân, chúng

ta đã “chết” đối với tất cả những điều đó vì đã hợp nhất với Chúa Giê-xu Christ trong sự chết, sự chôn và sống lại của Ngài (Co 2:12-15 Ro 6:1-23). Tuy chúng ta đang sống trong thế giới vật lý, nhưng theo phương diện thuộc linh mà nói thì chúng ta không thuộc về thế gian này (Gi 7:15-16). Chúng ta đã được chuyển vào Nước Trời rồi (Co 1:13), do đó chúng ta tự cai trị đời sống mình theo luật của Chúa chứ không phải là theo luật của loài người.

Nói như thế không có nghĩa là gợi ý rằng các Cơ Đốc nhân sống bất chấp pháp luật. Có lần một học sinh trong một trường học Cơ Đốc giáo nói với tôi rằng nếu cậu ta tuân thủ pháp luật thì cậu ta là người “không thuộc linh”! Tôi đã nhắc nhở cậu ta rằng các Cơ Đốc nhân phải luôn luôn tôn trọng uy quyền của những người có chức vụ cao hơn họ (IPhi 2:11tt) và chắc cậu ta đã phải biết rõ các luật lệ quy tắc trước khi được vào ký túc xá. Nếu cậu ta không thích chúng, thì có thể cứ ở nhà! Ở đây, không phải là Phao-lô khuyên chúng ta nổi loạn, mà cảnh cáo chúng ta rằng đừng tưởng mình là người thuộc linh nhờ vâng giữ một số luật lệ quy tắc liên hệ đến thân thể.

Các luật lệ khổ tu đều vô bổ (Co 2:21,22). Để bắt đầu, các luật lệ ấy không đến từ Đức Chúa Trời chúng chỉ do loài người bày đặt ra mà thôi. Đức Chúa Trời “ban mọi vật dư dật cho chúng ta được hưởng” (ITi 6:17). Các thức ăn đã được tạo nên “cho những kẻ có lòng tin ... tạ ơn mà dùng lấy” (ITi 4:3). Nhưng các “mệnh lệnh và giáo thuyết” của các giáo sư giả lại được đem vào để thay thế cho Lời Đức Chúa Trời (Mat 6:7-9). Các giáo thuyết là những gì các giáo sư giả tin các mệnh lệnh (điều răn) là những quy tắc họ đưa ra để áp dụng các giáo thuyết của họ vào sinh hoạt thực tế hằng ngày.

Đức Chúa Trời ban các thức ăn cho người ta dùng, và “hễ đã dùng đến” thì chúng đều “hư nát” (Co 2:22) Chúa Giê-xu từng giải thích rằng thức ăn đi vào dạ dày, chứ không phải là vào trái tim (tâm lòng) (Mac 7:18tt). Người từ chối một vài thức ăn nào đó vì sợ chúng làm ô uế mình, thì không hiểu cả lời truyền dạy của Chúa Giê-xu lẫn của Phao-lô. “Tôi biết và tin chắc trong Đức Chúa Giê-xu rằng: chẳng có vật gì vốn là dơ dáy chớ có ai tưởng vật nào là dơ dáy, thì nó là dơ dáy cho người ấy thôi.” (Ro 14:14).

Nhiều người trong chúng ta hay hấp tấp chỉ trích các tu sĩ đời xưa, các nhà thần bí học phương Đông và các tu sĩ khổ hạnh Ấn giáo hoặc Hồi giáo, nhưng lại không nhìn thấy cùng một sai lầm như thế ngay trong các Hội Thánh của chúng ta. Trong lúc việc giữ kỷ luật thân thể và sức khoẻ có sự liên hệ nhất định với nhau, thì chẳng hề có mối liên hệ nào cả giữa việc giữ kỷ luật như thế với sự thánh khiết. Nếu chúng ta tự nguyện kiêng cử một số thức ăn thức uống để khỏi gây có vấp phạm cho một Cơ Đốc nhân khác yếu đuối hơn (Ro 14:13tt), thì đó là một chuyện. Nhưng chúng ta không nên nói rằng việc kiêng cử đó của mình khiến mình thuộc linh hơn một anh em khác đã dùng thức ăn ấy kèm theo lời tạ ơn Đức Chúa Trời (Ro 14:6).

Sự lừa dối của khắc khổ chủ nghĩa (Co 2:23). Người thực hành khắc khổ chủ nghĩa được “tiếng” là “thuộc linh”, nhưng sản phẩm của nó không có giá trị ngang hàng với những gì thiên hạ đề cao nó. Tôi rất ngạc nhiên với cách thức mà nhiều người có học vấn trong số các tín hữu tại Hoa-kỳ coi trọng và chịu nghe lời các gurus (sư phụ theo Ấn giáo) và các lãnh tụ tinh thần của phương Đông khác nữa, vốn có những lời truyền dạy chẳng làm thay đổi được tâm lòng người ta. Sự “thờ phượng tự áp đặt” đó không phải là sự thờ phượng Đức Chúa Trời với tâm lòng chân thành vốn phải là “đúng cách và theo Thánh Linh hướng dẫn (Gi 4:24 bản dịch diễn ý). Sự khiêm hạ của họ là giả dối, và việc ép xác khổ tu đó chẳng có tác dụng gì đến phần nội tâm (con người bề trong) cả.

Việc rèn luyện đức tự chủ thật tốt hơn việc nhường bước cho các ham muốn của xác thịt dầu vậy, chúng ta không nên lầm tưởng rằng một sự tự chủ như thế là cần thiết cho những thúc đẩy thuộc linh. Những người khổ hạnh của nhiều tôn giáo không phải là Cơ Đốc giáo đã đưa ra chứng cứ về đức tự chủ đáng khâm phục của họ. Những người theo phái Khắc kỷ với triết lý khổ hạnh của họ rất nổi tiếng trong thời của Phao-lô. Các môn đệ của họ có thể sao chép lại bất cứ một kỷ luật nào mà các giáo sư trí huệ phải đã quan tâm giới thiệu.

Quyền năng của Đấng Christ trong đời sống người tín hữu làm nhiều việc hơn là chỉ kìm chế các ham muốn của xác thịt nó làm mới lại các ước muốn trong lòng chúng ta. Bản tính quyết định các tham muốn. Cơ Đốc nhân có chính bản tính của Đức Chúa Trời bên trong mình (IPhi 1:4), và điều

đó có nghĩa là người ấy có các cao vọng và hoài bão tin kính. Người ấy chẳng cần luật pháp bên ngoài cai trị kiểm soát các ham muốn dục vọng của mình, vì người ấy đã có sự sống, ngay từ bên trong! Các luật lệ khắc khe của khắc khổ chủ nghĩa “chẳng có giá trị gì để kìm hãm thói khoan dung đối với nhục cảm” (Co 2:23 theo bản NIV). Nếu có làm được gì, thì cuối cùng, nó cũng chỉ đem tới điều tệ hại thay vì điều tốt lành. Trong phần kết thúc cho hai chương của bức thư này, Phao-lô đã giải thích thế nào sự sống mới tác động bên trong người tín hữu để ban cho người ấy một đời sống thuần khiết và đắc thắng.

Đoạn sách này kết thúc chương thứ hai của sách Cô-lô-se, trong đó điểm nhấn mạnh là trên sự nguy hiểm. Phao-lô biện hộ cho địa vị độc tôn của Chúa Giê-xu Christ, và bài bác các tà thuyết của luật pháp chủ nghĩa và khắc khổ chủ nghĩa. Điều còn lại cho chúng ta bây giờ là tin vào những gì ông đã viết và thực hành các nguyên tắc thuộc linh đó.

Câu trả lời cho luật pháp chủ nghĩa là thực tại thuộc linh chúng ta có được trong Chúa Giê-xu Christ. Câu trả lời cho thần bí chủ nghĩa là sự hợp nhất thuộc linh với Đấng Christ, là Đầu của Hội Thánh. Câu trả lời cho khắc khổ chủ nghĩa là địa vị của chúng ta trong sự chết, sự chôn, và sống lại của Đấng Christ.

Chúng ta đưa tất cả những điều này ra thực hành hằng ngày khi thông công với Đấng Christ qua việc thờ phượng, Lời Chúa và cầu nguyện. Hễ chúng ta đầu phục Đức Thánh Linh, thì sẽ nhận được quyền năng cần thiết cho sinh hoạt hằng ngày. Nhờ sự thông công với các tín hữu khác, chúng ta có phần đóng góp thuộc linh cho sự tăng trưởng của thân thể, là Hội Thánh, còn các chi thể khác của thân thể thì đóng góp cho chúng ta. Thật là một cách sống kỳ diệu tuyệt vời!

Đấng Christ có chiếm được địa vị độc tôn trong đời sống bạn không? Bạn có đang hấp thu quyền năng thuộc linh từ Ngài, hay đang lệ thuộc vào một “tôn giáo” nhân tạo nào khác để thay thế?

8. THIÊN ĐÀNG TRÊN ĐẤT (Co 3:1-11)

Trong hai chương cuối cùng của sách Cô-lô-se, Phao-lô chuyển sang cách áp dụng các giáo lý ông vừa truyền dạy vào thực tế. Nói cho cùng, nếu Cơ Đốc nhân chỉ biết công bố và bênh vực cho chân lý, nhưng không bày tỏ nó trong cuộc sống thì chẳng được ích lợi bao nhiêu. Có một số Cơ Đốc nhân sẵn sàng bảo vệ chân lý ngay tức khắc, nhưng chính đời sống họ lại phủ nhận các giáo lý mà họ tự xưng là họ yêu mến. “Họ xưng mình biết Đức Chúa Trời, nhưng theo những việc làm thì đều từ chối Ngài, thật là đáng ghét, trái nghịch và không thể làm một việc lành nào hết.” (Tit 1:16).

Chúng ta phải nhớ luôn rằng các ngoại giáo vào thời của Phao-lô chỉ nói rất ít hay chẳng đề cập gì vấn đề đạo đức cá nhân cả.

Nhưng đức tin của Cơ Đốc nhân đưa một ý niệm hoàn toàn mới mẻ vào trong xã hội ngoại đạo: điều chúng ta tin có liên hệ chặt chẽ với cách ăn ở cư xử của chúng ta! Khi đức tin đặt vào Đấng Christ có nghĩa là được hợp nhất với Đấng Christ mà nếu chúng ta đã được dự phần vào sự sống của Ngài, thì cũng phải noi gương của Ngài. Ngài không thể sống trong chúng ta bởi Thánh Linh Ngài, mà cứ cho phép chúng ta phạm tội. Trong phần này Phao-lô đã gắn liền giáo lý vào với nhiệm vụ bằng cách đưa ra cho các độc giả ba lời chỉ giáo:

1. Hãy tìm các sự ở trên trời (Co 3:1-4)

Phần này chứng minh mối liên hệ giữa người tín hữu với Đấng Christ.

Chúng ta đã chết với Đấng Christ (Co 3:3a). Lời giải thích đầy đủ nhất cho chân lý diệu kỳ này là trong Ro 6:1-8:39. Đấng Christ chẳng những đã chịu chết vì chúng ta thay thế mà chúng ta còn cùng chịu chết với Ngài nữa (đồng nhất hoá). Đấng Christ không những chỉ chết vì có tội lỗi, gánh hết sự trừng phạt dành cho nó mà còn chết đối với tội lỗi, để đập tan quyền lực của nó nữa. Vì nhờ công tác của Đức Thánh Linh, chúng ta đã được “ở trong Đấng Christ” (ICo 12:13), thì cũng đã cùng chết với Đấng Christ. Điều này có nghĩa là chúng ta có thể chiến thắng bản tính tội lỗi cũ, bản tính muốn nắm quyền chúng ta. “Chẳng hề như vậy! Chúng ta đã chết về tội lỗi, lẽ nào còn sống trong tội lỗi nữa?” (Ro 6:2).

Chúng ta sống trong Đấng Christ (Co 3:4). Đấng Christ là sự sống của chúng ta. Sự sống đời đời không phải là một chất liệu nào đó trên thiên đàng mà Đức Chúa Trời san sóc cho chúng ta khi chúng ta là những tội nhân bằng lòng tin nhận Ngài làm Cứu Chúa mình. Sự sống đời đời là chính Đấng Christ. “Ai có Đức Chúa Con thì có sự sống ai không có Con Đức Chúa Trời thì không có sự sống” (IGi 5:12). Chúng ta vừa chết đi vừa sống lại đồng thời – chết đi đối với tội lỗi và sống lại trong Đấng Christ.

Có người đã nói: “Sự sống là điều mà bạn có sự hiểu biết đầu đủ”. Một đứa trẻ bồng tỉnh khi nghe bạn kể lại một trận đấu bóng tròn hay khi thấy một cây kem. Một thiếu niên có thể trở thành sống động khi bạn nói về những chiếc ô tô hay những cuộc hẹn hò. Phao-lô đã viết: “Vì Đấng Christ là sự sống của tôi” (Phi 1:21). Đấng Christ là sự sống của Phao-lô, và ông chỉ sống động với về những gì có liên quan với Đấng Christ. Mỗi Cơ Đốc nhân cũng cần phải như vậy.

Nhiều năm trước đây, tôi có nghe một câu chuyện kể về hai chị em nọ thích dự các vũ hội và các đám tiệc cuồng loạn. Rồi họ ăn năn quy đạo và tìm được một đời sống mới trong Đấng Christ. Họ nhận được một thiệp mời dự một buổi, và viết thư trả lời như sau: “Chúng tôi rất tiếc là không thể đến dự vì chúng tôi vừa mới chết”.

Chúng ta được (khiến) sống lại với Đấng Christ (Co 3:1). Có thể chúng ta đã sống lại rồi, nhưng vẫn còn sống trong mồ mả. Trong Thế chiến II, người dân tị nạn Do Thái phải trốn trong một nghĩa địa, và một em bé đã thật sự được sinh ra trong một hầm mộ. Tuy nhiên lúc Chúa Giê-xu ban cho chúng ta sự sống của Ngài, Ngài đã đưa chúng ta ra khỏi phần mộ để đặt chúng ta lên ngôi Ngài trên thiên đàng! Đấng Christ đang ngự bên hữu Đức Chúa Trời, và chúng ta được cùng ngồi đó trong Đấng Christ.

Chỉ nếu không ngụ ý rằng các độc giả và Phao-lô có thể đã không được “khiến sống lại với Đấng Christ”, vì tất cả chúng ta là tín hữu, đều được đồng nhất hoá với Đấng Christ trong sự chết, sự chôn, sống lại và thăng thiên. Chỉ vì (c.3) đưa ra ý nghĩa đúng hơn. Địa vị được tôn cao của chúng ta trong Đấng Christ không phải chỉ là giả thiết, hay một mục tiêu phải phấn đấu để đạt được. Nó là một sự kiện đã hoàn tất.

Chúng ta đã (được) giấu trong Đấng Christ (3:3). Chúng ta không còn thuộc về thế gian nữa, mà đã thuộc về Đấng Christ và các nguồn sự sống mà chúng ta được hưởng chỉ từ Ngài mà đến. “(Được) giấu trong Đấng Christ” có nghĩa là được an toàn và mãi nguyên. Học giả lừng danh về Hi-văn, Tiên sĩ A.T. Robertson giải nghĩa việc này như sau: “Vậy chúng ta đang ở trong Đấng Christ, mà Đấng Christ thì ở trong Đức Chúa Trời, nên chẳng có một tên trộm nào, kể cả chính Sa-tan, lại có thể tách rời chúng ta khỏi tình yêu của Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-xu Christ” (Ro 8:31-39) (Paul and the Intellectuals, Broedman, p.98).

Đời sống của Cơ Đốc nhân là một cuộc đời “được giấu kín” đối với thế gian, vì thế gian, không biết Đấng Christ (IGi 4:1-6). Bầu không khí để chúng ta sống không phải là thế gian này, nhưng là thiên đàng và những điều thu hút, tạo phần khởi cho chúng ta đều thuộc về trời, chớ không phải thuộc về đất. Nói như thế không có nghĩa là bảo rằng chúng ta phải bỏ qua các trách nhiệm trên đất này của mình. Trái lại, nó có nghĩa là các động cơ thúc đẩy và các nguồn sức lực của chúng ta phải bắt nguồn từ thiên đàng, chớ không phải là từ đất này.

Chúng ta được vinh hiển trong Đấng Christ (Co 3:4). Đấng Christ hiện đang ngự bên hữu Đức Chúa Cha, nhưng có một ngày, Ngài sẽ trở lại để đưa những người thuộc về Ngài về nhà (ITe 4:13-18). Lúc Ngài làm việc ấy, chúng ta sẽ cùng vào sự vinh hiển đời đời với Ngài. Lúc Ngài được bày tỏ trong vinh hiển thì chúng cũng được bày tỏ trong vinh hiển. Theo Phao-lô thì chúng ta đã được “vinh hiển” rồi (Ro 8:30). Thế nhưng sự vinh hiển này vẫn chưa được bày tỏ Đấng Christ đã ban cho chúng ta sự vinh hiển của Ngài, nhưng sự bày tỏ trọn vẹn của vinh hiển đó còn phải chờ cho đến lúc Cứu Chúa tái lâm (Ro 8:17-25) đã.

Hiện nay, do việc chúng ta đã được đồng nhất hoá kỳ diệu với Đấng Christ, chúng ta có một trách nhiệm quan trọng: “Hãy tìm các sự ở trên trời” (Co 3:1). Qua sự chết, sự chôn, sống lại và thăng thiên

của Đấng Christ, chúng ta đã được tách rời khỏi cuộc đời cũ của thế gian này, và giờ đây chúng ta đã thuộc về một đời sống mới trên thiên đàng.

Nhưng làm thế nào để chúng ta “tìm các sự ở trên trời?”. Bí quyết được tìm thấy trong câu “Hãy tập thói quen đặt tâm trí – sự chú ý của - mình vào các việc ở trên trời, chớ không phải là những điều ở dưới đất này” (dịch đúng nghĩa đen). Chân của chúng ta phải đặt trên đất, nhưng tâm trí chúng ta phải ở trên trời. Nói như thế không có nghĩa ngụ ý (như D.L.Moody thường nói) là chúng ta phải trở thành “người đặt tâm trí vào thiên đàng đến nỗi chẳng còn ích lợi gì cho thế gian này nữa”. Nó có nghĩa là mọi công việc thực tế hằng ngày của đời sống chúng ta đều phải nhận được sự chỉ dẫn của Đấng Christ đang ở trên trời. Nó còn có nghĩa sâu nhiệm hơn nữa, là chúng ta phải nhìn đất này theo quan điểm của thiên đàng.

Lúc đến dự một hội nghị tại Washington D.C., tôi có theo dõi một buổi họp Thượng nghị viện trên TV. Tôi tin rằng họ đang xem xét việc gởi một tân đại sứ đến Liên Hiệp quốc. Cố Thượng nghị sĩ Hubert Humphrey đã đưa ra một nhận xét lúc tôi mở máy thu hình ra: “Quý vị phải nhớ rằng trong chính trị, quý vị đứng thế nào tùy thuộc vào chỗ ngồi của quý vị”. Lẽ dĩ nhiên là ông ta muốn ám chỉ chỗ ngồi theo đảng phái đã được sắp xếp tại Thượng nghị viện, nhưng tôi đã lập tức ứng dụng cho vị trí của tôi trong Đấng Christ. Cách tôi đứng – và bước đi – tùy thuộc vào chỗ tôi ngồi, mà tôi thì đang cùng ngồi với Đấng Christ trong các nơi trên trời!

Lúc dân Y-sơ-ra-ên đến gần biên giới Đất Hứa họ đã từ chối không chịu vào và do lòng vô tín ngoan cố của mình họ đã phải lưu lạc trong hoang mạc suốt 40 năm (Dan 13:1-14:45). Cả thế hệ đó, bắt đầu với những người từ hai mươi tuổi, đã phải chết trong hoang mạc, ngoại trừ Ca-lép và Giô-suê, hai thám tử duy nhất đã tin Đức Chúa Trời. Làm thế nào Ca-lép và Giô-suê có thể “chiến thắng” suốt 40 năm khó khăn trong hoang mạc đó? Vì tâm trí họ đã đặt vào xứ Ca-na-an. Họ biết mình có một phần gia tài đang chờ đợi mình, và họ sống trong ánh sáng của phần di sản đó.

Nữ hoàng Anh quốc sở dĩ có được một số quyền lực và đặc quyền vì được ngự trên ngai vàng. Tổng thống Hoa-kỳ sở dĩ có nhiều đặc quyền và thế lực nhờ chỗ ngồi phía sau chiếc bàn hình bầu dục của Toà Bạch ốc. Người tín hữu đang cùng ngự ngai với Đấng Christ. Chúng ta phải luôn luôn giữ lòng thương yêu triu mến và nhìn chăm vào mọi sự thuộc về thiên đàng, nhờ Lời Đức Chúa Trời và cầu nguyện, cũng như bằng sự thờ phượng và phục vụ. Chúng ta có thể hưởng được “những ngày trời ở trên đất” (Phu 11:21) nếu cứ giữ tâm trí mình chăm chú vào các nơi trên trời.

2. Làm chết những điều thuộc về đất (Co 3:5-9)

Bây giờ thì chúng ta chuyển từ phần tích cực sang phần tiêu cực. Có một số không thích cái tiêu cực. Họ nói: “Hãy giảng cho chúng tôi nghe các chân lý tích cực. Hãy quyền lững những lời khuyên răn tiêu cực đi”. Nhưng những lời khuyên răn tiêu cực vốn thoát thai từ các chân lý tích cực của Cơ Đốc giáo. Chính vì thế mà Phao-lô mới viết: “Vậy, hãy làm chết...”.

Dù bạn có nói tích cực bao nhiêu về sức khỏe, nó vẫn chẳng cứu được một người mà ruột thừa đã bị thủng. Bác sĩ sẽ phải dùng biện pháp “tiêu cực” để cắt bỏ nó đi. Cho dù bạn có diễn thuyết bao nhiêu về vẻ đẹp đi nữa, nó cũng chẳng tạo ra được một cảnh vườn. Người làm vườn cần phải nhổ hết cỏ dại đi đã! Phần tích cực và phần tiêu cực phải đi đôi với nhau, và cái này mà thiếu cái kia sẽ đưa tới chỗ bị mất thăng bằng.

Nhờ chúng ta đã cùng chết với Đấng Christ (c.3), chúng ta mới có quyền năng thuộc linh để giết chết những điều thuộc về đất này, các tham dục xác thịt vẫn muốn cai trị kiểm soát chúng ta. Phao-lô gọi việc làm đó là tự “kẻ” như mình đã chết đối với tội lỗi nhưng sống lại trong Đấng Christ (Ro 6:11). Chúa chúng ta cũng dùng một ý ấy khi phán dạy: “Nếu con mắt bên hữu xui cho người phạm tội, thì hãy móc nó mà quăng cho xa người đi” (Mat 5:29,30).

Rõ ràng là cả Phao-lô lẫn Chúa Giê-xu đều không nói về việc giải phẫu theo nghĩa đen. Tội lỗi không từ con mắt hay tay, chân mà ra nó vốn từ tấm lòng, từ các tham dục trong lòng nảy sinh. Hồi mấy thế kỷ trước đây, tại Anh quốc, hề một tên móc túi bị bắt quả tang phạm tội, thì bàn tay phải của hắn phải bị chặt bỏ. Nếu hắn bị bắt quả tang một lần thứ hai nữa thì bàn tay trái của hắn sẽ phải bị

chặt bỏ. Có một tên móc túi đã bị chặt cả hai bàn tay, nhưng hắn ta vẫn tiếp tục “hành nghề” bằng hàm răng của mình! Giải phẫu phần thuộc thể chẳng hề thay đổi được tấm lòng con người ta!

Chẳng những Phao-lô chỉ tiêu cực trong phân đoạn này, mà ông còn nêu đích danh các tội lỗi ra nữa và một số người vốn không thích việc làm ấy. Các tội lỗi này thuộc về cuộc đời cũ nên chẳng còn có vai trò, địa vị gì trong đời sống mới của chúng ta trong Đấng Christ nữa. Hơn nữa, sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng trên những người thực thi các tội lỗi ấy mà Đức Chúa Trời thì chẳng tây vị ai cả. Con thịnh nộ của Ngài sẽ dĩ giáng trên thế giới người ngoại quốc là vì có các tội lỗi đó (Ro 1:18tt) và con thịnh nộ của Ngài sẽ còn giáng xuống nữa. Phao-lô cảnh cáo: “Bởi những sự ấy cơn giận của Đức Chúa Trời giáng trên các con không vâng phục.” (Co 3:6).

Tà dâm ám chỉ tội vô luân vô đạo liên hệ đến tình dục nói chung. Ô ử ế có nghĩa là “tham dục bất khiết liên hệ đến xa hoa lãng phí và sống phóng túng “Ham muốn xấu xa” mô tả tình trạng của tâm trí kích động chuyện tình dục bất chính. Người nuôi dưỡng loại ham muốn đó luôn luôn tìm cơ hội để thoả mãn nó. Rõ ràng là tham muốn dẫn đến hành động. Nếu chúng ta muốn thanh lọc được các hành động của mình, thì trước hết, phải thanh lọc tâm trí đã.

Điều chúng ta tham muốn thường quyết định cho việc chúng ta làm. Nếu tôi tạo cho con cái tôi sự thèm khát bánh kẹo, thì tôi phải thoả mãn sự thèm khát đó. Nếu chúng trở nên quá béo phì và mất sức khoẻ, tôi phải thay đổi sự thèm ăn của chúng đi, và phải dạy chúng cách hưởng thụ các thức ăn khác hơn là đồ ngọt. “Đức Chúa Trời tội ôi! Xin hãy dựng nên trong tôi một lòng trong sạch, và làm mới lại trong tôi một thần linh ngay thẳng” (Thi 51:10) phải là lời cầu nguyện của chúng ta, vì chính từ tấm lòng mà có các tham muốn xấu xa gian ác (Mac 7:21-23).

Sau khi đã kể tên các tội của nhục cảm, Phao-lô còn nói thêm “...tham lam, tham lam chẳng khác gì thờ hình tượng” (Co 3:5b). Tham lam là tội luôn luôn muốn có nhiều hơn, dù là tài vật hay lạc thú. Kẻ tham lam chẳng bao giờ thoả mãn với những gì mình có, và thường ghen tị với những gì người khác có. Đó là tội thờ thần tượng, vì tham lam đặt tài vật vào chỗ đáng lẽ phải dành cho Đức Chúa Trời. “Người chớ tham lam” là điều răn cuối cùng trong Mười Điều Răn (Xu 20:17). Thế nhưng tội này có thể khiến chúng ta vi phạm tất cả chín tội lỗi kia! Một người tham lam sẽ làm ô danh Đức Chúa Trời, lấy danh Ngài “làm chơi”, nói dối, trộm cắp và phạm đủ thứ tội lỗi khác nên nhằm thoả mãn các tham muốn tội lỗi của mình.

Các tín hữu trong các chi hội địa phương có phạm vào những tội như thế không? Rủi thay, thỉnh thoảng họ cũng có làm như thế. Mỗi một thư tín của Tân Ước gởi cho các chi hội địa phương đều đề cập các tội ấy và cảnh cáo chống lại chúng. Tôi nhớ có một vị mục sư đã giảng một loạt những bài giảng chống lại tội lỗi của các thánh đồ. Ngày nọ, một thành viên trong Hội Thánh đã thách thức ông và bảo rằng tốt hơn thì ông mục sư nên giảng những sứ điệp ấy cho những kẻ bị hư vong kia. Ông ta nói: “Dù sao thì tội lỗi của một Cơ Đốc nhân cũng khác hơn tội lỗi trong đời sống của những người khác”.

Vị mục sư đáp: “Vâng, nó còn tồi tệ hơn nhiều!”.

Sau khi cảnh cáo chúng ta chống lại các tội lỗi của nhục cảm, Phao-lô vạch rõ nguy cơ của các tội lỗi xã hội (Co 3:8-9). Tiên sĩ G.Campbell Morgan đã gọi đó là “các tội đang có chỗ đứng thật tốt”. Chúng ta thường tức giận, có thái độ chê bai chỉ trích, nói dối và “nói chuyện tiếu lâm” giữa các tín hữu với nhau đến độ không còn cảm thấy ngỡ ngàng hay bị cáo trách về những tội ấy nữa. Chúng ta phải cảm thấy bị shock khi có một thành viên trong Hội Thánh phạm vào một số tội lỗi của xác thịt như thế, nhưng chúng ta lại nhìn người ấy nổi giận trong một cuộc hội họp về chuyện làm ăn buôn bán và gọi đó là “nghĩa nợ”.

Bức tranh ở đây là về một người thay đổi y phục. “lột bỏ... mặc lấy” (c.9-10). Nó liên quan với sự phục sinh của Chúa Giê-xu Christ (1:1), vì khi Ngài từ chết sống lại, Chúa Giê-xu Christ đã bỏ các y phục để tắm liệm lại sau lưng (Gi 20:1-10). Ngài đã bước vào đời sống lại quang vinh nên chẳng còn cần đến số y phục của mồ mã nữa. Cũng thế, lúc La-xa-rơ được khiến từ chết sống lại, Chúa Giê-xu đã truyền cho mọi người “Hãy mở cho người, và để người đi” (Gi 11:44).

Áo xống trong mồ mã tiêu biểu cho cuộc đời cũ với các hành vi tội lỗi của nó. Bây giờ, chúng ta đã có sự sống mới trong Đấng Christ rồi, thì phải sống theo “đời sống mới” bằng cách lột bỏ các y phục là các hành vi và ham muốn cũ (Ro 6:4) đi. Chúng ta làm việc ấy bằng cách thực tập giữ đúng địa vị của mình trong Đấng Christ, bằng cách tự kể mình đã chết đối với đời sống cũ rồi để sống cho cuộc đời mới.

Phao-lô đã bắt đầu với sự thanh nộ, buồn giận và hung ác – tức là các tội do thái độ xấu đối với người khác. Hai từ ngữ thanh nộ và buồn giận chỉ là một (Co 3:6), ám chỉ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Từ ngữ này đề cập các thái độ quen thuộc, trong khi thịnh nộ mô tả cơn giận bùng nổ bất thần. Đức Chúa Trời có quyền tức giận khi nhìn thấy tội lỗi và phán xét nó, vì Ngài vốn thánh khiết và công bằng. Thật vậy, có điều đã được gọi là “sự thanh nộ công chính” chống lại tội lỗi, đáng lẽ phải là đặc điểm nơi các thánh đồ (Eph 4:26). Nhưng chẳng ai trong chúng ta có quyền “thủ vai Đức Chúa Trời” để có thái độ phán xét tội hậu đối với người khác. Hung ác là thái độ ác cảm, muốn điều xấu xảy đến cho người khác. Nếu chúng ta ác cảm với tha nhân thì thường buồn bực khi thấy người ấy thành công, nhưng lại vui mừng khi thấy người ấy gặp rắc rối đó là tội.

Nói hành là lời gièm pha người khác và nhằm “hạ bệ” họ. Giữa các Cơ Đốc nhân thường có chuyện ngồi lê đôi mách ác ý được nguy trang thành một mối quan tâm thuộc linh: “Tôi chẳng bao giờ nói cho bạn biết những gì tôi được biết về bà ta, ngoại trừ vì tôi biết là bạn sẽ cầu nguyện cho vấn đề đó”. Nguyên nhân của tội nói hành là thói hung ác (IPhi 2:1). Nếu bạn có ác cảm sâu xa đối với một người nào, bạn sẽ lợi dụng mọi cơ hội để nói một điều xấu nào đó về người ấy.

Lời tục tĩu là nói tục, nói chuyện tiêu lâm. Vì một lý do nào đó, có một số Cơ Đốc nhân tưởng rằng nói như thế mới chứng tỏ được mình là đàn ông, là thức thời. Lối khôi hài rẻ tiền thường len lỏi vào những cuộc trò chuyện. Nếu có người nói: “Nói như thế cho vui thôi mà” dù bạn có thể nhắc cho người ấy nhớ “Co 4:6 “Lời nói anh em phải có ân hậu theo luôn, và nêm thêm muối, hầu cho anh em biết nên đối đáp mỗi người là thể nào”. Muối là một biểu tượng của sự tinh sạch, mà ân điển và sự thanh sạch vốn đi đôi với nhau.

Tội cuối cùng Phao-lô đề cập là nói dối (c.9). Ông cũng đã viết cùng một lời cảnh cáo như thế cho người Ê-phê-sô (Eph 4:25). Sa-tan là kẻ nói dối (Gi 8:44), trong khi Đức Thánh Linh là Thần lẽ thật (Gi 14:17 15:26). Khi nào một Cơ Đốc nhân nói dối, là người ấy đang cộng tác với Sa-tan khi người ấy nói sự thật do tình yêu (Eph 4:15) là người ấy đang cộng tác với Đức Thánh Linh.

Nói dối là trình bày sai sự thật cho dù lời lẽ trong đó vốn chính xác. Giọng nói, cách nhìn hay một điệu bộ của bàn tay đều có thể thay đổi ý nghĩa của một câu nói. Với động cơ thúc đẩy từ bên trong cũng thế. Nếu đồng hồ của tôi chạy sai và tôi nói giờ sai cho bạn mình, đó không phải là nói dối. Nói dối bao hàm ý định muốn lừa dối nhằm được lợi riêng. Có một câu châm ngôn xưa, rằng: “Một nửa sự kiện là một lời nói dối hoàn toàn”.

Giám mục Warren A.Candler giảng về lời nói dối của A-na-nia và Sa-phi-ra (Cong 5:1-42) và hỏi hội chúng: “Nếu Đức Chúa Trời vẫn đánh chết kẻ nào nói dối, thì tôi sẽ ở đâu?” Hội chúng cười thâm một chút, nhưng rồi những nụ cười ấy biến mất khi vị Giám mục thét lên: “Tôi vẫn ở ngay tại đây, giảng cho một ngôi nhà thờ trống rỗng!”.

3. Giống với Đấng Christ (Co 3:10-11)

Vì chúng ta đã được sống lại trong Đấng Christ, chúng ta phải tìm kiếm, những điều ở trên trời. Và vì chúng ta đã cùng chết với Đấng Christ, chúng ta phải lột bỏ những điều thuộc về đời sống trên đất này, tức là các tội lỗi của quá khứ. Nếu quả là chúng ta sẽ trở thành giống như Đấng Christ! Đức Chúa Trời muốn đổi mới chúng ta để khiến chúng ta có được hình ảnh của Con Ngài!

Hai động từ lột bỏ và mặc ấy (c.9-10) chỉ một hành động dứt khoát. Khi chúng ta tin cậy Đấng Christ, là chúng ta lột bỏ cuộc đời cũ và mặc lấy cuộc đời mới. Con người cũ đã bị chôn, và giờ đây con người mới nắm quyền cai trị kiểm soát. Nhưng động từ được dịch ra là đổi mới là một phần từ thuộc thì hiện tại, hàm ý là “người thường xuyên được làm mới” cơn khủng hoảng của sự cứu rỗi dẫn tới tiến trình thánh hoá, tức là ngày càng trở thành giống với Chúa Giê-xu Christ hơn.

Hi-văn có hai từ ngữ khác nhau chỉ “mới”. Chữ neos có nghĩa là “mới trong thời gian” chúng ta dùng từ ngữ này như một tiếp đầu ngữ Anh văn trong những danh từ như “Neo- orthodoxy” (tân chính thống) và “neoclassicism” (tân cổ điển). Chữ Kainos có nghĩa là “mới về phẩm chất, tươi mới”. Nhiều khi Tân Ước dùng hai chữ này để thay đổi cho nhau, nhưng vẫn còn có chỗ khác nhau căn bản.

Người tín hữu mặc vào “con người mới” (neos) một lần đủ cả và kết quả là người ấy đã được làm nên mới (Kainos). Có một sự biến đổi về phẩm chất, vì người ấy đang trở thành người giống như Đấng Christ. “Con Người mới” là Đấng Christ, là A-đam cuối cùng (ICo 15:4,5) là Đầu của công trình sáng tạo mới IICo 5:17).

Sự đổi mới này xảy ra như thế nào? Nhờ hiểu biết. Sự hiểu biết của thế gian là một trong những thuật ngữ chủ chốt của từ vựng Trí huệ phái. Nhưng cái gọi là sự hiểu biết thuộc linh của họ chẳng bao giờ có thể làm thay đổi được đời sống một người, để khiến người ấy trở thành giống như Chúa Giê-xu Christ được. Nhưng càng được biết Đấng Christ rõ hơn, người ấy sẽ càng trở nên giống với Ngài hơn (Phi 3:10).

Loài người vốn được tạo dựng theo hình tượng Đức Chúa Trời (Sa 1:26-26). Điều này bao gồm nhân cách (trí tuệ, tình cảm, ý chí) và phần tâm linh của con người (con người vốn có nhiều điều hơn chỉ là một thân xác). Khi loài người phạm tội, hình tượng của Đức Chúa Trời bị xoá nhoà và hư hỏng. Con cái A-đam được sinh ra theo hình tượng của cha (tổ phụ) mình (Sa 5:1,3). Mặc dù tội lỗi hoành hành phá hoại, con người vẫn mang hình tượng của Đức Chúa Trời (Sa 9:6 Gia 3:9).

Chúng ta đã được tạo dựng theo hình tượng Đức Chúa Trời, rồi bị tội lỗi khiến cho hình tượng của Đức Chúa Trời bị biến đổi đi. Nhưng nhờ Chúa Giê-xu Christ, chúng ta có thể được biến đổi để trở lại có hình tượng giống như Ngài Chúng ta phải đổi mới trong tâm linh (của tâm trí) mình (Eph 4:23). Càng hiểu biết hơn lời Chúa, chúng ta sẽ được Đức Thánh Linh biến đổi để dự phần vào hình tượng vnginh hiển của Đức Chúa Trời (IICo 3:18) Đức Chúa Trời biến đổi chúng ta bằng cách làm mới lại tâm trí chúng ta (Ro 12:2), và điều này bao hàm việc học hỏi nghiên cứu Lời Chúa. Chính chân lý đã giải phóng chúng ta khỏi cuộc đời cũ (Gi 8:31-32).

Chủ đích Đức Chúa Trời muốn cho chúng ta được “biến đổi để nên giống như hình bóng Con Ngài” (Ro 8:29). Điều này ám chỉ bản chất, là phẩm chất thuộc linh của con người bên trong. Khi nào chúng ta được nhìn thấy Đấng Christ chúng ta sẽ trở nên giống như Ngài và có được những thân thể vinh hiển (IGi 3:1-3) nhưng trong khi còn phải chờ đợi Ngài trở lại, chúng ta có thể trở nên giống như Ngài và được dự phần (chia sẻ) hình ảnh thánh khiết của Ngài. Đây là một tiến trình làm mới thường xuyên khi Thánh Linh của Đức Chúa Trời sử dụng Lời Ngài.

Những điểm đặc biệt và dị biệt của con người không phải là chiếc rào cản đối với nếp sống thánh khiết trong Hội Thánh. Trong Chúa Giê-xu Christ tất cả các điểm đặc biệt của con người đều biến mất (Co 3:11). Trong Đấng Christ, chẳng có sự phân biệt quốc tịch (“không có người Gờ-réc hoặc người Giu-đa”). Không còn có sự phân biệt các điểm khác nhau về tôn giáo xưa kia nữa (“kẻ chịu cắt bì hay không chịu cắt bì”). Người trí huệ phái dạy rằng phép cắt bì là quan trọng cho sinh hoạt thuộc linh (Co 2:11tt). Nhưng Phao-lô vạch rõ rằng hành động giải phẫu trên thân thể theo tuyên thống đó chẳng đem đến ưu thế gì cho đời sống thuộc linh cả.

Trong Đấng Christ cũng chẳng có phân biệt văn hoá (“người dã man, người Sy-the”). Người Hy Lạp xem tất cả những người không phải Hy Lạp là dã man, mà người Sy-the là những người dã man đê tiện nhất! Thế nhưng trong Chúa Giê-xu Christ, địa vị văn hoá của một người không phải là ưu điểm cũng chẳng phải là khuyết điểm. Địa vị kinh tế hay chính trị cũng thế (“nô lệ hoặc tự do”). Phao-lô vạch rõ rằng người nô lệ nên cố gắng tìm sự tự do cho mình (ICo 7:20-23) nhưng không nên nghĩ rằng vì có địa vị xã hội mà mình bị trở ngại về mặt thuộc linh.

Tất cả những điểm phân biệt trên đây của loài người đều thuộc về “con người cũ” chứ không thuộc về “con người mới”. Trong bức thư gửi người Ga-la-ti của ông, Phao-lô còn viết thêm “Chẳng có đàn ông hoặc đàn bà” nữa, và như thế là cả những dị biệt về giới tính cũng đã bị xoá bỏ. Kết luận của Phao-lô là “Tại đây không còn chia ra người Giu-đa hoặc người Gờ-réc không còn người tôi mọi

hoặc người tự chủ không còn đờn ông hoặc đờn bà vì trong Đức Chúa Giê-xu Christ, anh em thầy đều làm một” (Ga 3:28).

Thật là sai lầm khi xây dựng mỗi thông công của Hội Thánh trên bất cứ một điều gì khác hơn là Chúa Giê-xu Christ, Con Người (Thân vị) và công việc của Ngài. Các chức vụ được xây dựng trên những điểm phân biệt giữa loài người với nhau, như chủng tộc, màu da hoặc địa vị xã hội, đều không đúng với Thánh Kinh. Một trong những chứng cứ hiển nhiên của sự tăng trưởng thuộc linh và đổi mới tâm trí, là thái độ sẵn sàng tiếp nhận và yêu thương tất cả những ai thật lòng biết rõ Đấng Christ và tìm cách tôn vinh Ngài. Các “siêu thánh đồ” Trí huệ phải đang cố tìm cách cô lập các tín hữu Cô-lô-se với phần còn lại của Hội Thánh, nhưng làm như thế là sai lầm. Tuy về mặt thuộc thể chúng ta không bị mất phần di sản của quốc gia dân tộc khi trở thành Cơ Đốc nhân nhân, chúng ta vẫn không dùng phần di sản đó như một sự thử nghiệm về những gì là thuộc linh.

Điểm nhấn mạnh trong bức thư này là: “Áy cũng chính Ngài là Đầu của thân thể, tức là đầu Hội Thánh. Ngài là ban đầu, sanh trước nhất từ trong những kẻ chết, hầu cho trong mọi vật, Ngài đứng đầu hàng” (Co 1:18). Vì chúng ta đã được hoàn thiện trong Đấng Christ, chúng ta có thể nhìn vượt trên những điểm khác nhau gây chia rẽ giữa các dân tộc, giữa người này với kẻ khác, để được hưởng sự hợp nhất thuộc linh trong Chúa. Các giáo sư giả theo trí huệ phải cũng như các giáo sư giả ngày nay vẫn cố tìm cách cướp đi của những người thuộc về Đức Chúa Trời sự giàu có và hợp nhất của họ trong Đấng Christ. Cho nên chúng ta cần phải đề cao cảnh giác!

Chúng ta đã được sống lại trong Đấng Christ vậy phải tìm kiếm những điều thuộc về cõi trời. Chúng ta đã chết trong Đấng Christ rồi vậy phải giết chết những gì thuộc về đất đi! Chúng ta có thể trở thành người giống như Đấng Christ vậy do đó phải củng cố phần giống như Đấng Christ của mình và để cho Đức Thánh Linh làm mới lại tâm trí mình, khiến chúng ta cứ ngày càng giống hơn với hình tượng của Đức Chúa Trời.

9. ĂN MẶC CHÍNH TỀ ĐỂ HƯỚNG VỀ MỘT ĐÍCH CHÍNH. (Co 3:12-17)

Phần này hoàn tất lời răn bảo Cơ Đốc nhân phải sống thánh khiết của Phao-lô. Nó tiếp tục minh họa về y phục: “lột bỏ...mặc lấy” (c.8-10). Ông khuyên những người đọc thư lột bỏ các áo xống tâm liệm của tội lỗi và cuộc đời và để mặc vào “các y phục của ân điển” thánh khiết và cuộc đời mới trong Đấng Christ.

Điểm nhấn mạnh trong phần này là vào các động cơ thúc đẩy. Tại sao chúng ta phải lột bỏ các hành vi xưa cũ và mặc vào các đức hạnh của cuộc đời mới? Phao-lô giải thích có bốn động cơ thúc đẩy phải khích lệ chúng ta bước đi trong đời sống mới (Ro 6:4).

1. Ân điển của Đấng Christ (Co 3:12-14)

Ân điển là đặc ân dành cho các tội nhân không xứng đáng. Phao-lô nhắc nhở người Cô-lô-se về các ân huệ Đức Chúa Trời đã ban cho họ:

Đức Chúa Trời đã chọn họ (Co 3:12a). Từ ngữ chọn lựa có nghĩa là “được Đức Chúa Trời tuyển chọn” Lời Đức Chúa Trời phán dạy dân Y-sơ-ra-ên thông qua Môi-se giúp chúng ta hiểu rõ ý nghĩa của sự cứu rỗi bởi đức tin: “Đức Giê-hô-va triu mến và chọn lấy các ngươi, chẳng phải vì các ngươi đông hơn mọi dân khác đâu thật số các ngươi là ít hơn những dân khác. Nhưng ấy vì Đức Giê-hô-va thương yêu các ngươi... nên Đức Giê-hô-va nhờ tay mạnh rút các ngươi ra, chuộc khỏi nhà nô lệ, và cứu khỏi tay Pha-ra-ôn, vua xứ Ê-díp-tô” (Phu 7:7-8a).

Phép lạ về tuyển chọn này của Đức Chúa Trời không tùy thuộc vào bất cứ điều gì chúng ta có, hoặc chúng ta đã làm vì Đức Chúa Trời đã chọn chúng ta trong Đấng Christ từ “trước khi sáng thế” (Eph 1:4). Nếu Đức Chúa Trời cứu một tội nhân căn cứ trên công đức hay việc làm, thì sẽ chẳng một ai có thể được cứu cả. Mọi việc đều xảy ra là nhờ ân điển của Đức Chúa Trời, để mọi người đều phải tôn vinh Ngài.

Lẽ dĩ nhiên việc tuyển chọn là một “bí mật thiêng liêng” chỉ thuộc về các con cái Đức Chúa Trời mà thôi. Nó không phải là một giáo lý để chúng ta giải thích cho những người không được cứu. “Tuy vậy, nền vững bền của Đức Chúa Trời đã đặt vẫn còn nguyên, có mấy lời như ấn đóng rằng: Chúa biết kẻ thuộc về Ngài lại rằng: Phàm người kêu cầu danh Chúa thì phải tránh khỏi sự gian ác” (ITi 2:19) cho nên phải bỏ mặc việc thực hiện các chủ đích đời đời của Ngài cho Ngài. Nhiệm vụ của chúng ta là chia sẻ tin mừng của Phúc Âm cho thế gian đang hư vọng.

Đức Chúa Trời biệt riêng họ ra (Co 3:12). Đó là nghĩa của từ ngữ thánh. Vì chúng ta đã tin cậy Đấng Christ, chúng ta được biệt riêng ra khỏi thế gian này cho Chúa. Chúng ta không thuộc về chính mình, mà hoàn toàn thuộc về Ngài (ICo 6:19-20). Như hôn lễ biệt riêng một người đàn ông và một phụ nữ ra cho nhau thế nào, thì sự cứu rỗi cũng biệt riêng người tín hữu ra để chỉ thuộc về Cứu Chúa Giê-xu một cách độc quyền y như thế. Phải chăng là điều khủng khiếp, khi đến phần kết thúc của một hôn lễ, người ta lại thấy chàng rể chạy trốn, bỏ cô dâu lại một mình (hay ngược lại). Sự việc cũng khủng khiếp y như thế khi thấy Cơ Đốc nhân chỉ biết sống vì thế gian và xác thịt mà thôi.

Đức Chúa Trời yêu mến họ (Co 3:12). Khi một người không tin Chúa phạm tội, người ấy là một tạo vật vi phạm các quy luật của Đấng Tạo Hoá và là vị Thảm Phán thánh khiết. Nhưng khi một Cơ Đốc nhân phạm tội, thì đó là một con cái của Đức Chúa Trời làm tan vỡ tấm lòng của người Cha yêu thương mình. Tình yêu là động cơ thúc đẩy mạnh mẽ nhất trần gian. Khi người tín hữu tăng trưởng trong tình yêu mến Đức Chúa Trời, người ấy cũng sẽ tăng trưởng trong ước muốn vâng lời Ngài và bước đi trong sự sống mới mà mình có được trong Đấng Christ.

Đức Chúa Trời đã tha tội cho họ (3:13). “Nhu Chúa đã tha thứ (mọi tội lỗi) anh em” (Co 2:13). Sự tha tội của Đức Chúa Trời là trọn vẹn và dứt khoát nó vô điều kiện và không tây vị. Làm thế nào một Đức Chúa Trời thánh khiết lại tha thứ được cho chúng ta là những tội nhân? Vì sự hi sinh (sinh tế) của Chúa Giê-xu Christ trên thập tự giá. Đức Chúa Trời đã tha thứ cho chúng ta “nhân danh Đấng Christ” (Eph 4:32), chớ không phải là vì chính chúng ta.

Chúng ta đã được Đức Chúa Trời tuyển chọn, biệt riêng ra, yêu mến và tha thứ. Tất cả những điều đó đều thêm vào cho **ÂN ĐIỂN!** Vậy, vì các phước hạnh do ân điển đó, Cơ Đốc nhân có một số trách nhiệm nghiêm trọng trước mặt Đức Chúa Trời. Người ấy phải mặc lấy các ân tứ đẹp để ấy vào cho đời sống Cơ Đốc. Phao-lô đã nêu tên tám ân tứ:

Mặc lấy...lòng thương xót (Co 3:12). Người Hy Lạp dùng mấy chữ “lòng thương xót” vì họ định vị các tình cảm sâu sắc nhất nằm trong khu vực của “ruột gan” trong khi chúng ta định vị chúng trong trái tim. Là tín hữu chúng ta cần biểu hiện lòng thương xót đối với nhau (xem Phi 2:1tt). Đây không phải là một cái gì để chúng ta mở ra rồi tắt đi như chiếc máy thu hình. Nó là thái độ luôn luôn sẵn sàng của tấm lòng, khiến người khác rất dễ sống chung với chúng ta.

Mặc lấy...sự nhân từ (Co 3:12). Sở dĩ chúng ta được cứu là nhờ Đức Chúa Trời tử tế với chúng ta qua trung gian Chúa Giê-xu Christ (Eph 2:7 Tit 3:4). Rồi đến lượt mình chúng ta phải tỏ ra nhân từ với tha nhân. Lệnh truyền của Đức Chúa Trời là: “Phải đối xử nhân từ với nhau” (Eph 4:32).

Một trong những bức tranh đẹp đẽ nhất về thái độ nhân từ trong Thánh Kinh là cách vua Đa-vít đã đối xử với Mê-phi-bô-sét, vị hoàng tử bị què chân (IISa 9:1-13). Ước muốn của Đa-vít là bày tỏ “lòng nhân từ thương xót của Đức Chúa Trời “đối với gia đình vua Sau-lơ, vì chính tình yêu của vua với Giô-na-than, con trai Sau-lơ. Chàng thanh niên đã được chọn là Mê-phi-bô-sét, con trai Giô-na-than, một người bị què chân khốn khổ. Nếu Đa-vít chỉ hành động theo lẽ công bằng mà thôi, chắc vua ấy đã kết tội Mê-phi-bô-sét, vì chàng ta thuộc về một dòng họ đã bị kết tội. Nhưng Đa-vít đã hành động trên cơ sở là tình yêu và ân điển.

Đa-vít tìm Mê-phi-bô-sét và trấn an chàng thanh niên ấy đừng sợ hãi. Nhà vua mời Mê-phi-bô-sét vào sống trong cung mình, như một thành viên trong gia đình vậy và được ngồi ăn cùng bàn với nhà vua. Đó là thái độ nhân từ của Đức Chúa Trời! Là Cơ Đốc nhân bạn và tôi còn từng trải được thái độ nhân từ càng lớn hơn nữa của Đức Chúa Trời, tức là được làm con cái Ngài và sẽ được cùng ở với Ngài trên thiên đàng đời đời!

Mặc lấy... (tâm trí) khiêm nhường (Co 3:12). Thế giới ngoại đạo vào thời của Phao-lô không ngưỡng mộ đức khiêm hạ. Trái lại, họ ngưỡng mộ thói kiêu căng, thích thống trị. Chúa Giê-xu Christ là tấm gương vĩ đại nhất về tinh thần khiêm hạ (Phi 2:1tt). Khiêm hạ không phải là nghĩ rằng bản thân mình vốn hèn kém. Trái lại nó là cách đánh giá đúng bản thân trong ý chỉ Đức Chúa Trời (Ro 12:3). Người có tinh thần khiêm hạ nghĩ về người khác trước nhất, chớ không phải là bản thân.

Mặc lấy... mềm mại (Co 3:12). Mềm mại không phải là bạc nhược nó là năng lực có kiểm soát. Từ ngữ này được dùng mô tả một ngọn gió êm mát, một phương thuốc linh nghiệm, và một con ngựa, con lừa con đã thuần, chịu cho người ta cỡi lên. Trong mỗi trường hợp vừa kể đều có năng lực bên trong một ngọn gió có thể mạnh làm thành bão uống thuốc quá liều có thể giết chết người ta con ngựa bất kham có thể lồng lên, như điên như dại. Nhưng năng lực ấy đã được kiểm soát. Người mềm mại nhu mì không tự tung tự tác vì mọi sự đều được kiểm soát cả.

Mặc lấy...nhịn nhục (3:12). Từ ngữ này theo nghĩa đen là “tính khí lâu bền”. Người có tính khí bốc đồng thì ăn nói, hành động nóng nảy, thiếu tự chủ. Khi một người biết nhịn nhục thì có thể đối phó với kẻ khiêu khích hoặc hoàn cảnh đầy thách thức mà không “ăn miếng trả miếng”. Biết tức giận có thể là tốt, vì đó là dấu hiệu của một cá tính thánh khiết. Nhưng nhạy giận đối với những điều sai trái và vì những lý do sai lầm, là sai.

Mặc lấy...nhường nhịn (3:13). Từ ngữ này theo nghĩa đen là “cầm lại” hay “kéo lui, lùi lại” Đức Chúa Trời nhịn nhục đối với tội nhân ở chỗ Ngài cầm lại sự phán xét (Ro 2:4 3:25). Mềm mại nhịn nhục, nhường nhịn cùng đi chung với nhau.

Mặc lấy... tha thứ (Co 3:13). Đây là kết quả hợp lý của tất cả những gì Phao-lô đã viết từ trước cho đến đây, trong phần sách này. Cơ Đốc nhân không chỉ chịu đựng buồn phiền và khiêu khích, từ chối ăn miếng trả miếng mà thôi người ấy còn phải tha thứ cho kẻ gây rối nữa. Nếu không làm như thế, thì các cảm thức quý quýet sẽ phát triển trong lòng mà các cảm thức này có thể dẫn đến nhiều tội lỗi còn nặng nề hơn.

Biết tha thứ là trở nên giống Đấng Christ (Eph 4:32), và sự tha thứ mở rộng tâm lòng ra cho tình yêu của Đức Chúa Trời tràn vào. Chính trong khoảnh khắc chúng ta có chuyện phàn nàn đối với một ai đó, là lúc chúng ta phải thật lòng tha thứ cho người ấy (“sự tha thứ như người trong gia đình” lại là một vấn đề khác. Chúng ta phải đến với người xúc phạm mình, và giúp người ấy bằng tình yêu thương (Mat 18:15-35).

Mặc lấy...yêu thương (Co 3:14). Đây là đức hạnh quan trọng nhất của Cơ Đốc nhân, và nó có tác dụng như một sợi “dây buộc” cột chặt tất cả các đức hạnh khác lại với nhau. Tất cả các đức hạnh mà Phao-lô vừa nêu trên, là các phương diện của tình yêu Cơ Đốc giáo chân chính, như ICo 13:1-13 cho thấy. Tình yêu là trái đầu mùa của Đức Thánh Linh và các đức hạnh khác sẽ theo sau như vui mừng (c.16), bình an (c.15), nhịn nhục, nhân từ, hiền lành và nhu mì (c.12).

Khi nào tình yêu cai trị trong đời sống chúng ta, nó kết hợp tất cả các đức hạnh thuộc linh lại với nhau để có vẻ đẹp và sự hài hoà, cho thấy sự trưởng thành thuộc linh. Sự hài hoà và trưởng thành này giữ cho đời sống thăng bằng và tăng trưởng. Hệ thống Trí huệ phái chẳng bao giờ làm nổi việc này.

2. Sự bình an của Đấng Christ (Co 3:15)

Trong câu này Phao-lô chuyển từ bản chất sang cách ăn ở cư xử. Làm thế nào để một Cơ Đốc nhân biết được là mình đang làm theo ý chỉ Đức Chúa Trời? Có một câu trả lời là: sự bình an của Đức Chúa Trời trong lòng người ấy. Khi người tín hữu bị mất bình an trong lòng, thì người ấy biết là mình đã không vâng lời Đức Chúa Trời theo một phương diện nào đó.

Từ ngữ được dịch là cai trị là một thuật ngữ điển kinh. Nó có nghĩa “chủ tọa các cuộc thi tài và phân phát các giải thưởng”. Phao-lô dùng từ ngữ ấy theo một cách khác trong bức thư của ông gởi người Cô-lô-se: “Đừng để cho ai công bố rằng anh em không xứng đáng được một giải thưởng” (Co 2:18 dịch nghĩa đen). Trong những cuộc tranh tài điển kinh của người Hy Lạp, có các thẩm phán (mà ngày nay chúng ta gọi là trọng tài) từ chối những người dự giải mà không có đủ điều kiện, cũng trút quyền được giải của những người vi phạm luật lệ.

Sự bình an của Đức Chúa Trời là “Trọng tài” trong những tấm lòng tin của chúng ta. Khi nào chúng ta vâng theo ý chỉ Đức Chúa Trời, chúng ta được bình an trong lòng nhưng khi chúng ta bước ra ngoài ý chỉ Ngài (dù là không cố ý), chúng ta bị mất sự bình an của Ngài.

Tuy nhiên, cần ý thức là còn có một sự bình an giả tạo trong lòng nữa. Giô-na đã cố ý không vâng lời Đức Chúa Trời, thế nhưng ông vẫn có thể ngủ dưới lòng của chiếc tàu khi có một trận bão đang hoành hành! “Tôi rất an tâm về chuyện đó” chưa phải là bằng cứ chứng minh rằng chúng ta đang đi đúng với ý chỉ Đức Chúa Trời. Chúng ta phải cầu nguyện, đầu phục ý chỉ Ngài, và tìm cầu sự chỉ dẫn của Ngài trong Kinh Thánh. Chỉ có sự bình an trong lòng mà thôi thì không phải bao giờ cũng là sự bình an của Đức Chúa Trời.

Một điều nữa cũng có liên hệ ở đây: nếu có sự bình an ở trong lòng, chúng ta cũng sẽ có hoà bình với những người khác trong Hội Thánh. Chúng ta đã được gọi để trở nên một thân thể, nên mối liên hệ giữa chúng ta với thân thể ấy phải là một mối liên hệ hài hoà và hoà bình. Nếu chúng ta vượt ra ngoài ý chỉ Đức Chúa Trời, chắc chắn chúng ta sẽ gây bất hoà và thiếu hài hoà cho Hội Thánh. Giô-na tưởng ông đang bình an, trong khi sự thật là tội lỗi của ông đang gây bão tố!

Khi một Cơ Đốc nhân bị mất sự bình an với Đức Chúa Trời, người ấy bắt đầu đi lệch hướng, nghĩa là vượt ra ngoài ý chỉ Đức Chúa Trời. Người ấy quay sang với những điều thuộc về thế gian và xác thịt để bù trừ cho sự thiếu bình an trong lòng. Người ấy cố gắng đào thoát, nhưng không tài nào đào thoát khỏi chính mình. Chỉ khi nào người ấy chịu xưng tội mình, cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ, và vâng theo ý chỉ Ngài, thì mới từng trải được sự bình an trong lòng.

Khi nào trong lòng có sự bình an, thì trên môi miệng cũng có lời ca tụng”... lại phải biết ơn” (Co 3:15). Cơ Đốc nhân sống ngoài ý chỉ Đức Chúa Trời sẽ chẳng bao giờ dâng được những lời cảm tạ chân thành lên cho Ngài. Lúc Đa-vít che giấu các tội lỗi mình, nhà vua bị mất bình an và lời ca ngợi tán tụng (Thi 32:51). Một khi đã xưng tội, thì bài ca cũng quay trở lại với nhà vua.

3. Lời của Đấng Christ (Co 3:16)

Lẽ dĩ nhiên câu này có nghĩa là Lời của Đức Chúa Trời. Các giáo sư giả đã đến Cô-lô-se với các truyền thống, các luật lệ tôn giáo, và các triết thuyết nhân tạo. Họ cố tìm cách “hoà đồng” Lời Đức Chúa Trời với các giáo thuyết của họ, nhưng đã không thành công. Lời Đức Chúa Trời bao giờ cũng đề cao Chúa Giê-xu Christ.

Không phải lời của các giáo sư giả đã đem được sự cứu rỗi đến cho người Cô-lô-se, nhưng là Lời chân lý của Phúc Âm (Co 1:5). Cùng một Lời ấy cũng ban sự sống cho chúng ta, và nâng đỡ, củng cố chúng ta (IPhi 1:22-2:3).

Lời Chúa sẽ biến đổi đời sống chúng ta, miễn là chúng ta cho phép nó “ngự trị” thật phong phú trong lòng chúng ta. Từ ngữ “ở” có nghĩa là “cảm thấy như ở trong nhà mình”. Nếu chúng ta đã từng trải được ân điển và sự bình an của Đấng Christ, thì Lời của Đấng Christ sẽ “cảm thấy như được ở ngay trong nhà mình” trong lòng chúng ta. Chúng ta sẽ khám phá được là Lời Chúa phong phú như thế nào, với các kho báu thuộc linh đem giá trị đến cho đời sống chúng ta.

Tuy nhiên, xin đừng tưởng rằng Phao-lô viết điều này chỉ là cho các cá nhân Cơ Đốc nhân mà thôi vì ông đã hướng nó vào toàn thân thể, là Hội Thánh: “Hãy để cho Lời của Đấng Christ cư trú giữa vòng anh em” có thể là một cách dịch câu này. Hễ Lời ấy “ở đây” trong mỗi thành viên của Hội Thánh, nó cũng sẽ cư ngụ thật phong phú trong mỗi thông công của Hội Thánh.

Cũng như vào thời của Phao-lô, ngày nay có một nguy cơ là các chi hội địa phương có xu hướng đánh giá thấp Lời Đức Chúa Trời. Dường như việc truyền dạy Thánh Kinh một cách đơn sơ có phần sút kém trong các lớp học Trường Chúa nhật và trên các toà giảng. Người ta có phần chú trọng nhiều vào phim ảnh các cuộc trình diễn âm nhạc, và nhiều trò tiêu khiển hơn là vào Lời Đức Chúa Trời. Nhiều người đã được cứu không thể thành thật nói rằng Lời Đức Chúa Trời đang “ở đây” trong lòng họ vì họ không dành thì giờ để đọc, học hỏi nghiên cứu và học thuộc lòng Lời ấy.

Theo Phao-lô thì có mối liên hệ đứt khoát giữa kiến thức về Thánh kinh của chúng ta với cách chúng ta biểu hiện sự thờ phượng thành lời ca tiếng hát. Có một cách để chúng ta dạy dỗ và khích lệ chính mình và nhiều người khác, là bằng việc ca hát Lời Đức Chúa Trời. Nhưng nếu chúng ta không biết Thánh Kinh và hiểu rõ sách ấy, ta sẽ không thể thật lòng ca hát nó.

Có lẽ sự “nghèo nàn về Kinh Thánh” này trong các Hội Thánh của chúng ta là một nguyên nhân khiến cho ngày nay đang có quá nhiều những bài ca trái với Thánh Kinh. Một ca sĩ cũng chẳng được quyền ca hát một lời dối trá hơn là một nhà truyền đạo rao giảng một lời nói dối. Các bài hát quan trọng của đạo phần lớn vốn do những tín hữu biết rõ các giáo lý của Lời Đức Chúa Trời, soạn thảo. Nhiều cái gọi là “bài ca Cơ Đốc giáo” ngày nay vốn do những người chỉ biết rất ít hoặc chẳng biết gì cả về Lời Đức Chúa Trời, viết ra. Tách rời việc ca ngợi tán tụng Đức Chúa Trời với Lời Đức Chúa Trời là một điều nguy hiểm.

Lẽ dĩ nhiên, ca vịnh (thi thiên) là những bài hát rút ra từ Cựu ước. Từ nhiều thế kỷ rồi, các Hội Thánh nói tiếng Anh chỉ ca hát các bài thi thiên. Tôi rất vui được thấy hiện nay đang có việc quay trở về với việc ca hát Kinh Thánh, nhất là các Thi thiên. Thánh ca (thơ thánh) là những bài hát ca tụng Đức Chúa Trời do các tín hữu sáng tác, nhưng không rút ra từ sách Thi thiên. Hội Thánh ngày nay đã có một di sản phong phú về thánh ca, mà tôi sợ là đang bị lãng quên. Những bài hát thuộc linh (thiên thiêng) là việc trình bày chân lý của Thánh Kinh khác hơn là bằng các bài thi thiên và thánh ca. Khi nào chúng ta hát một thánh ca, là chúng ta ngỏ lời với Chúa khi chúng ta hát một bài hát thuộc linh, là chúng ta ngỏ lời với nhau.

Phao-lô mô tả một buổi nhóm thờ phượng của một chi hội địa phương (Co 3:16 ICo 14:26). Xin lưu ý là các tín hữu tự hát cho chính mình cũng như hát cho các tín hữu khác và người ấy cũng hát cho Chúa nữa. Lời ca của chúng ta phải xuất phát tự đáy lòng, chứ không phải chỉ là những lời trên đầu môi chót lưỡi mà thôi. Nhưng nếu trong lòng chúng ta không có Lời Chúa, thì chúng ta không thể ca hát tự đáy lòng được. Điều này cho thấy biết rõ Lời Đức Chúa Trời là quan trọng như thế nào, vì nó phong phú hoá việc thờ phượng Đức Chúa Trời của chúng ta trước công chúng và trong chỗ riêng tư.

Việc ca hát của chúng ta phải có “on”. Nói như thế không có nghĩa là bảo rằng chúng ta phải ca hát cho “du dương êm dịu” mà ngụ ý chúng ta phải ca hát là vì chúng ta có ơn Chúa trong lòng. Phải có ơn Chúa để ca hát khi chúng ta gặp khốn khổ, hoặc khi hoàn cảnh có vẻ như đang chống lại chúng ta. Phao-lô và Si-la phải thật sự “có ơn Chúa” thì mới có thể ca hát trong nhà tù tại Phi-líp (Cong 16:22-25). Việc ca hát của chúng ta không nên là việc phô trương tài năng xác thịt nó phải là việc chứng tỏ ân điển của Đức Chúa Trời trong lòng chúng ta.

Có người đã nói rằng cuộc đời của một Cơ Đốc nhân thành công phải chú ý đến ba quyền sách: Quyền sách của Đức Chúa Trời là Thánh Kinh quyền sổ tay và quyền Thánh ca. Tôi nhất trí. Tôi thường dùng một Thánh ca cho thì giờ bồi linh (đọc Thánh Kinh, suy gẫm và cầu nguyện) để giúp tôi diễn tả lời ca tụng Đức Chúa Trời. Trong khi người tín hữu tăng trưởng trong sự thông biết Lời Chúa, người ấy cũng cần tăng trưởng trong việc diễn tả lời ca ngợi tán tụng nữa. Người ấy phải học tập để biết tán thưởng các bài thánh ca quan trọng của Hội Thánh, các bài ca ngợi Phúc Âm, và các bài hát thuộc linh, dạy các chân lý thuộc linh. Chỉ hát những bài ca sơ đẳng của đạo mà thôi, là tự cướp đi của mình nhiều tiềm năng thuộc linh phong phú.

Trước khi từ giã đoạn này, cần lưu ý một điều quan trọng là nó, rất giống với Eph 5:18-6:9. Trong bức thư gửi cho người Ê-phê-sô, Phao-lô nhấn mạnh trên vấn đề được đầy dẫy Đức Thánh Linh trong bức thư gửi người Cô-lô-se, ông nhấn mạnh vấn đề phải đầy dẫy Lời Chúa. Nhưng các chứng cứ hiển nhiên cho sự đầy dẫy thuộc linh này vốn giống y nhau! Làm thế nào để ta có thể nói rằng một tín hữu được đầy dẫy Đức Thánh Linh? Đó là người ấy có sự vui mừng, biết tạ ơn, và đầu phục Chúa (Eph 5:19-21) tất cả những điều đó được chứng tỏ bằng các mối liên hệ của người ấy tại nhà riêng và nơi làm việc (Eph 5:22-6:9). Làm thế nào để ta có thể nói rằng một tín hữu có đầy dẫy Lời Chúa? Đáng lẽ người ấy có sự vui mừng, biết tạ ơn và thuận phục Chúa (Co 3:16-4:1).

4. Danh Đấng Christ (Co 3:17)

Trong xã hội hiện đại, chúng ta ít chú ý đến tên người. Nhưng trong xã hội đời xưa, tên của một người được xem là tối quan trọng. Vào thời kỳ Cựu Ước, Đức Chúa Trời thường đổi tên một người vì người ấy có được một từng trải quan trọng hay một sự phát triển mới mẻ nào đó.

Là Cơ Đốc nhân, chúng ta mang tên của Đấng Christ. Từ ngữ Cơ Đốc nhân (người Christ) chỉ được tìm thấy có ba lần trong toàn bộ Tân Ước (Cong 11:26 26:28 IPhi 4:16). Tên ấy nguyên được gán cho người theo Đấng Christ như một thái độ khinh bỉ, nhưng lần lần lại trở thành một cái tên đầy vinh dự. Vậy, danh Đấng Christ có nghĩa là một sự đồng nhất hoá: chúng ta thuộc về Chúa Giê-xu Christ.

Nhưng danh Ngài còn có nghĩa là uy quyền nữa. Tên một người ký vào một tấm ngân phiếu, cho phép mình rút ra một số tiền từ ngân hàng. Tên của vị Tổng thống ký vào một tờ giấy, khiến nó trở thành luật. Cũng thế, chính nhờ (trong) danh Chúa Giê-xu Christ mà chúng ta được quyền cầu nguyện (Gi 14:13-14 16:23-26). Vì Chúa Giê-xu Christ chính là Đức Chúa Trời, và Ngài đã chịu chết thay cho chúng ta, nên chúng ta được quyền nhân danh Ngài.

Tất cả những gì chúng ta nói và làm đều phải được kết hợp với danh Chúa Giê-xu Christ. Bằng lời nói và việc làm của mình, chúng ta phải tôn vinh danh Ngài. Nếu chúng ta cho phép bất cứ một việc gì trong đời sống mình được thực hiện không kết hợp với danh Chúa Giê-xu, là chúng ta đang phạm tội đây! Chúng ta phải nói và làm mọi việc bằng uy quyền của danh Ngài và nhằm mục đích tôn vinh danh ấy.

Được mang danh Chúa Giê-xu là một đặc quyền lớn, nhưng nó cũng là một trách nhiệm nặng nề. Chúng ta sở dĩ phải chịu bắt bớ bách hại, là vì mang danh Ngài (Gi 15:20-21). Trong những cuộc trò chuyện, tôi chú ý thấy nếu bạn bảo với người khác rằng mình là một tín đồ Báp-tít, Trưởng lão, theo hệ phái Luther hoặc thậm chí là một người vô thần, thì sẽ chỉ có rất ít phản ứng. Nhưng nếu bạn nói với người ta rằng bạn là một Cơ Đốc nhân và đưa tên Chúa Giê-xu Christ vào trong câu chuyện, thì hầu như tức khắc sẽ có một loại phản ứng nào đó, và thường thường là phản ứng tiêu cực.

Tất cả các bậc làm cha mẹ đều cố tìm cách dạy con cái mình phải tôn trọng tên họ của dòng dõi, gia đình mình. Chỉ trong vài phút thôi, một người có thể làm ô danh tổ tiên, điều mà các bậc tiền bối ấy đã phải bỏ ra nhiều năm để gây dựng. Chẳng hạn tên Giu-đa của người Hy-bá-lai là một cái tên đáng tôn trọng nó có nghĩa là “ca tụng”. Tên Giu-đa cũng có giá trị tương đương như thế trong Tân Ước – nhưng ai là người đặt cho con trai mình cái tên Giu-đa?

Xin lưu ý là Phao-lô lại đề cập việc tạ ơn trong bức thư gửi cho người Cô-lô-se này. Cho dù chúng ta có nhân danh Đấng Christ để làm bất cứ việc gì, chúng ta đều phải gắn vào đó lời tạ ơn. Nếu chúng ta không thể tạ ơn Chúa, thì thà đừng nói hoặc làm còn hơn! Đây là lần thứ năm thứ sáu đề cập việc tạ ơn trong sách Cô-lô-se (Co 1:3,12 2:7 3:15,17 4:2). Khi chúng ta nhớ rằng Phao-lô đang là một tù nhân của người La-mã lúc ông viết bức thư này, việc ấy sẽ khiến cho điều nhấn mạnh về sự cảm tạ này còn diệu kỳ hơn nữa!

Trong khi kiểm điểm lại bốn động cơ thúc đẩy thuộc linh này của một đời sống tin kính, chúng ta cảm thấy một ấn tượng sâu sắc về tính cách tập trung vào Chúa Giê-xu Christ. Sở dĩ chúng ta tha thứ, vì Đấng Christ đã tha tội cho chúng ta (3:13). Chính sự bình an của Đấng Christ phải cai trị trong lòng chúng ta (3:15). Lời Chúa phải “ở đây” trong chúng ta (3:16). Danh Đấng Christ phải là tên của chúng ta và là uy quyền của chúng ta. “Đấng Christ là mọi sự và trong mọi sự” (3:11).

Vì chúng ta đã hợp nhất với Chúa Thế thông qua việc Đức Thánh Linh ngự vào lòng mình, chúng ta có đầy đủ mọi nguồn tài nguyên cần thiết cho một đời sống thánh khiết. Nhưng chúng ta cần phải được thúc đẩy bởi các động cơ thuộc linh. Ví chúng ta đã trải nghiệm ân điển của Đấng Christ, chúng ta cần phải sống cho Ngài. Vì chúng ta đã được hưởng sự bình an trong Đấng Christ, chúng ta cần phải vâng lời Ngài. Chúng ta đã được giàu có nhờ Lời Đấng Christ, và đã được trở thành cao quý nhờ danh Đấng Christ, cho nên chúng ta cần phải tôn trọng và làm sáng danh Ngài.

Chúng ta còn ước mong một động cơ thúc đẩy nào cao hơn thế hay không?

10. VẤN ĐỀ CỦA GIA ĐÌNH (Co 3:18-4:1)

Đức tin đặt vào Chúa Giê-xu Christ chẳng những làm thay đổi các cá nhân, mà còn biến đổi cả các gia đình nữa. Trong đoạn này, Phao-lô ngỏ lời với các thành viên trong gia đình: những ông chồng, bà vợ, con cái, và tôi tớ trong nhà. Dường như đã rõ ràng những người được Phao-lô ngỏ lời ở đây đều là tín hữu cả, vì Phao-lô kêu gọi mọi người hãy sống đẹp lòng Chúa Giê-xu Christ.

Ngày nay, đang có một điều gì đó trục trặc từ căn bản với các gia đình. Bản tường trình cuối cùng mà tôi được biết cho thấy rằng hiện nay tại Hoa-kỳ, có nhiều gia đình bị tan vỡ hơn bao giờ hết, với một vụ ly dị trên hai cuộc hôn nhân. Các gia đình có người làm cha làm mẹ độc thân cứ ngày càng tăng. Hơn phân nửa tổng số các bà mẹ hiện phải làm việc ngoài gia đình, và nhiều người trong số họ hãy còn con mọn. Trẻ con Mỹ trung bình từ 6 đến 16 tuổi xem truyền hình từ 20 đến 24 giờ mỗi tuần và phần đông đều bị ảnh hưởng của những gì mình xem thấy. Hội chứng “trẻ con bị đánh đập” đang tiếp tục gia tăng, với từ 2 đến 4 triệu trường hợp được báo cáo hằng năm, và nhiều vụ chẳng bao giờ được báo cáo.

Tổ chức đầu tiên mà Đức Chúa Trời sáng lập trên thế gian này là gia đình (Sa 2:18-25 Mat 19:1-6). Gia đình thế nào, thì xã hội và đất nước dân tộc cũng sẽ như thế. Sự sa sút của gia đình là một trong số nhiều dấu hiệu của các kỳ sau rốt (ITi 3:1-5). Từ nhiều thế kỷ trước, Đức Khổng tử đã nói “Sức mạnh của một dân tộc là do sự bền chặt của các gia đình mà ra”. Có một trong nhiều việc “vĩ đại” mà với tư cách cá nhân chúng ta có thể làm, là tiếp tay xây dựng các gia đình Cơ Đốc tin kính. Phao-lô ngỏ lời với nhiều thành viên khác nhau trong gia đình và chỉ ra các thành tố khiến cho một gia đình được vững mạnh và tin kính.

1. Chồng và vợ: Tình yêu và sự vâng phục (Co 3:18-19)

Phao-lô đã không ngỏ lời với những người làm vợ trước, vì họ là những người khổn khổ nhất. Phúc Âm đã thay đổi tận gốc rễ địa vị của các phụ nữ trong thế giới của người La-mã. Phúc Âm đã đem đến cho họ một quyền tự do và một vóc dáng mới mà một người trong vòng họ không kham nổi, vì thế Phao-lô đã răn bảo họ (cũng có những lời răn bảo tương tự trong Eph 5:18tt và IPhi 3:1tt).

Chúng ta không nên nghĩ rằng vâng phục là “nô lệ hoá” hay “khuất phục”. Từ ngữ này vốn là một thuật ngữ quân sự, chỉ đơn giản có nghĩa là “sắp đặt dưới cấp bậc”. Sự kiện một binh sĩ này là lính trơn, còn một binh sĩ khác là đại tá không nhất thiết có nghĩa rằng người này tài giỏi hơn người kia. Điều đó chỉ có nghĩa là họ có cấp bậc khác nhau mà thôi.

Đức Chúa Trời đã tạo dựng mọi sự thật “thích hợp và theo thứ tự” (ICo 14:40). Nếu Ngài không tạo ra một chuỗi các chỉ huy trong xã hội, chúng ta chắc phải gặp cảnh xáo trộn, hỗn loạn. Sự kiện người vợ phải vâng phục chồng không hề ngụ ý rằng đàn ông hơn phụ nữ. Nó chỉ có nghĩa là người chồng có trách nhiệm làm đầu và lãnh đạo trong nhà.

Làm đầu không có nghĩa là độc tài hay chúa tể. Nó là quyền lãnh đạo bằng tình yêu. Thật vậy, cả vợ lẫn chồng đều phải vâng phục Chúa và vâng phục lẫn nhau (Eph 5:21). Đây là sự tôn trọng hai chiều dưới quyền Chúa tể của Chúa Giê-xu Christ.

Sự vâng phục thuộc linh đích thực là bí quyết của sự tăng trưởng và hoàn thiện. Khi một nữ Cơ Đốc nhân vâng phục Chúa và vâng phục chồng mình, người ấy sẽ từng trải được một sự giải phóng và hoàn thiện mà người ấy không thể nào có được bằng một cách nào khác. Tình yêu và vâng phục lẫn nhau này tạo ra một bầu không khí tăng trưởng trong gia đình, giúp cả hai vợ chồng đều trở thành tất cả những gì mà Đức Chúa Trời muốn cho họ trở thành.

Sự kiện người vợ là Cơ Đốc nhân “ở trong Đấng Christ” không phải là lý do để đòi hỏi được độc lập một cách ích kỷ. Sự việc phải trái hẳn lại mới đúng, vì sự cứu rỗi của người vợ khiến người ấy xem việc vâng lời Đức Chúa Trời và vâng phục chồng mình là quan trọng. Nếu quả thật trong Chúa Giê-xu Christ, “không còn đờn ông hoặc đờn bà” (Ga 3:28), thì điều cũng rất đúng, ấy là sự vui vẻ vâng phục chính là bằng chứng minh rằng người vợ vốn thuộc về Chúa Giê-xu Christ.

Tuy nhiên, người chồng có trách nhiệm phải yêu vợ, và từ ngữ “yêu” ở đây là agape – là tình yêu hi sinh và phục vụ mà Đấng Christ dành cho Hội Thánh Ngài. Một cuộc hôn nhân có thể bắt đầu bằng tình yêu bình thường, lãng mạn của con người, nhưng phải tăng trưởng để trở thành tình yêu agape

sâu sắc và thuộc linh, chỉ đến từ Đức Chúa Trời mà thôi. Trong khúc sách song hành (Eph 5:18tt), Phao-lô vạch rõ rằng chồng phải yêu vợ “như Đấng Christ yêu Hội Thánh” vậy. Chúa Giê-xu Christ đã ban tất cả những gì mình có cho Hội Thánh”. Ngài tự nguyện chịu chết vì chúng ta! Mức độ mà một người chồng yêu vợ mình không phải chỉ được nhìn thấy bằng các quà tặng hay lời nói, mà bằng các hành động hi sinh và quan tâm lo lắng cho hạnh phúc và sự an vui của nàng.

Phao-lô thêm một lời cảnh cáo đặc biệt đối với người chồng: “chớ hề cay nghiệt với người” (Co 3:19). Chồng phải cẩn thận chớ có áp ủ ác ý với vợ vì một điều gì đó mà người vợ có làm hay không làm: Một “rề đàng” trong gia đình có thể đầu độc mối liên hệ vợ chồng và tạo cơ hội cho Sa-tan (He 12:15 Eph 4:31). Vợ chồng là Cơ Đốc nhân phải cởi mở và thành thật với nhau đừng giấu diếm nhau các cảm xúc của mình hoặc lừa dối nhau. “Lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật” (Eph 4:15) là một phương pháp hay để giải quyết các điểm dị biệt giữa vợ chồng. “Chớ căm giận cho đến khi mặt trời lặn” là một đôi sách hay nên theo, nếu bạn muốn có một gia đình hạnh phúc (Eph 4:26).

Một người chồng thật lòng yêu vợ sẽ không đối xử thô bạo hay tìm cách tạo gánh nặng chung quanh mình khi ở nhà. “Tình yêu thương hay nhịn nhục tình yêu thương hay nhân từ tình yêu thương chẳng ghen tị, chẳng khoe mình, chẳng lên mình kiêu ngạo, chẳng làm điều trái phép, chẳng kiếm tư lợi, chẳng nóng giận, chẳng nghi ngờ sự dữ” (ICo 13:4-5).

Quả thật người vợ không có mấy khó khăn khi phải vâng phục người chồng yêu mình. Nàng biết rằng chồng muốn tìm điều tốt nhất cho mình và sẽ chẳng làm gì có hại cho mình cả. Tình yêu của người chồng đối với vợ mình có thể được nhìn thấy trong sự hi sinh vì vợ, còn tình yêu của người vợ đối với chồng thì được thấy trong việc người ấy vâng phục chồng mình. Ở đâu có sự hi sinh và vâng phục trong bầu không khí yêu thương, bạn sẽ thấy được một gia đình hạnh phúc.

Một cuộc hôn nhân hạnh phúc không tự nhiên tự động mà đến nó là điều mà người ta phải luôn luôn chịu khó để tạo nên. Nếu chúng ta bước đi với Đấng Christ trong sự thuận phục, thì sẽ không thấy khó khăn gì trong việc vâng phục nhau và tìm cách phục vụ cho nhau. Nhưng ở đâu có thói ích kỷ, thì sẽ có tranh chấp và chia rẽ. Nếu trong lòng đã cay đắng, thì cuối cùng sẽ có rắc rối trong gia đình. Chúng ta tìm ở đâu ra năng lực để yêu thương và vâng phục? Từ Chúa. Nếu chúng ta đang mặc các “y phục của ân điển” đã được mô tả ở phần trên (Co 3:5-14) và nếu lòng chúng ta có đầy đầy sự bình an của Đấng Christ và Lời Ngài, chúng ta sẽ đóng góp được niềm vui và sự hài hoà trong gia đình. Nếu chúng ta sống trước nhất vì làm đẹp lòng Đấng Christ, thứ đến để được đẹp lòng tha nhân, rồi cuối cùng mới đến bản thân chúng ta, chúng ta sẽ xây dựng được những cuộc hôn nhân vững mạnh và những gia đình thuộc linh.

2. Cha mẹ và con cái: khuyến khích và vâng lời (Co 3:20-21)

Trong các gia đình Cơ Đốc này có nhiều con cái, nên Phao-lô dành một phần trong bức thư của ông để nói với chúng. Kết quả bình thường của một cuộc hôn nhân là sinh con, và phước thay cho những trẻ con được sinh ra trong các gia đình Cơ Đốc, là nơi có tình yêu và sự thuận phục. Lệnh truyền của Đức Chúa Trời cho các tông đồ nguyên thủy của chúng ta là “Hãy sinh sản và làm cho đầy đầy đất” (Sa 1:28), và mệnh lệnh này đã được ban truyền trước khi loài người phạm tội. Mối liên hệ vợ chồng và việc sinh con cái không phải là tội lỗi, trái lại, đó là một phần của sự uỷ thác của Đức Chúa Trời cho loài người. Trong việc thai dục và sinh con cái, người chồng và người vợ dự phần vào hoạt động sáng tạo của Đức Chúa Trời.

Người ta đã nói khá nhiều về các quyền lợi của con cái, và quả thật là chúng có các quyền lợi ấy. Một trong các quyền lợi đó là được sinh ra đời. Một quyền khác nữa là được sinh ra trong một gia đình Cơ Đốc tận hiến, nơi chúng sẽ được trưởng dưỡng “bằng sự sửa phạt khuyên bảo của Chúa” (Eph 6:4). Chúng được quyền có cha mẹ tin kính, sẽ dạy cho chúng Lời của Đức Chúa Trời và sửa phạt chúng trong tình yêu.

John H. Starkey là một tội phạm hung bạo người Anh. Anh ta đã giết vợ mình, bị kết tội và xử tử. Các quan chức yêu cầu Đại tướng William Booth nhà sáng lập đội Cứu Thế Quân chủ trì buổi lễ an táng. Tướng Booth phải trực diện với một đám đông có dáng vẻ hung dữ và bần tiện mà ông chưa

từng thấy trong đời mình, nhưng câu nói đầu tiên của ông đã khiến họ đứng im lặng và sùng sốt: “John H. Starkey đã không hề có một người mẹ biết cầu nguyện”.

Con cái có quyền lợi, nhưng chúng cũng có trách nhiệm, mà trách nhiệm tối quan trọng của chúng ta là phải vâng lời. Chúng phải vâng lời “trong mọi sự” chớ không phải chỉ trong những việc đẹp lòng chúng mà thôi. Có bao giờ cha mẹ lại bảo con cái mình làm điều sai trái chẳng? Không bao giờ nếu các bậc làm cha làm mẹ vâng phục Chúa và vâng phục nhau, và nếu họ yêu nhau và yêu các con cái mình.

Đứa con không học tập vâng lời cha mẹ, có thể lớn lên sẽ chẳng vâng lời bất cứ một uy quyền nào cả. Nó sẽ thách thức cả các giáo viên, nhân viên cảnh sát, các ông chủ và bất kỳ ai khác cố tìm cách hành quyền trên nó. Sự suy sụp của uy quyền trong xã hội chúng ta phản ánh sự suy sụp của uy quyền ngay trong gia đình.

Phần đông con cái không tạo ra các vấn đề, chúng chỉ cho thấy các vấn đề mà thôi. Những bậc cha mẹ không tự kỷ luật mình thì không thể kỷ luật con cái họ. Nếu bản thân một người làm cha làm mẹ bất chấp uy quyền, thì họ không thể nào hành quyền trên người khác. Chỉ khi nào các bậc cha mẹ vâng phục nhau và vâng phục Chúa, họ mới có thể hành quyền thuộc linh và thuộc thể một cách quân bình và đúng mức trên con cái họ.

Mức độ của sự vâng lời của con cái, là “trong mọi sự”, còn động cơ thúc đẩy là làm đẹp lòng Chúa. Người ta có thể làm đẹp lòng cha mẹ mình nhưng không làm đẹp lòng Chúa, nếu cha mẹ không vâng phục Chúa. Gia đình nào sống trong một bầu không khí yêu thương và chân thật, thường xuyên đọc Lời Đức Chúa Trời, cùng cầu nguyện chung với nhau, sẽ dễ dàng tìm thấy ý chỉ Đức Chúa Trời và làm đẹp lòng Chúa.

Chữ cha trong câu 21 có thể dịch là “cha mẹ” như ở He 11:23. Phao-lô vạch rõ rằng các bậc làm cha mẹ phải cố gắng hết sức trong phạm vi mình có thể làm được để khiến cho con cái mình biết vâng lời. “Chớ hề chọc giận con cái mình” (Co 3:21) là một mệnh lệnh cho những bậc làm cha mẹ, nhưng nó đã không được tuân thủ biết bao lần! Cha mẹ quá thường tự động nói không khi con cái họ cầu xin một điều gì đó khi họ không chịu cần thận lắng nghe và cân nhắc từng lời cầu xin một. Cha mẹ thường đố kỵ và tạo vấn đề cho con cái, nhiều khi là bằng cách nhảy từ cực đoan phóng túng sang cực đoan luật pháp chủ nghĩa.

Các bậc làm cha làm mẹ phải khích lệ con cái mình, chớ không phải là gây nản lòng, thất vọng cho chúng. Có một trong số những điều quan trọng nhất mà bậc làm cha mẹ phải làm, là dành thì giờ để sống thân mật với con cái mình. Một công trình nghiên cứu trong một thị trấn nọ đã cho thấy các ông cha chỉ dành 37 giây mỗi ngày với các con trai nhỏ của mình! Thật là một khích lệ đối với con cái khi chúng biết được rằng cha mẹ chúng, dù có bận rộn đến đâu, cũng cố gắng dành thì giờ, tạo ra thì giờ để được ở riêng với chúng!

Cha mẹ cũng cần lắng nghe và kiên nhẫn nghe con cái trò chuyện với mình. Một lỗi tai biết lắng nghe và một tấm lòng yêu thương, bao giờ cũng đi đôi với nhau. Có một đứa con đã nói với cha mình: “Cha đã dành thì giờ để có được con, nhưng cha lại không dành thì giờ để nghe con”. Thật là một án lệnh khủng khiếp!

Cuộc đời không phải là dễ dàng đối với trẻ con, nhất là trẻ con, con cái của các Cơ Đốc nhân. Các vấn đề của chúng có vẻ như nhỏ bé đối với chúng ta, nhưng lại là rất to lớn đối với chúng! Các bậc cha mẹ là Cơ Đốc nhân cần cần thận lắng nghe, chia sẻ các cảm thức và những điều bất như ý của con cái mình, cùng cầu nguyện với chúng, và tìm cách khích lệ chúng. Gia đình phải là nơi hạnh phúc và tốt nhất trên cả thế giới!

Làm cho con cái thất vọng là khiến chúng trở thành miếng mồi ngon cho Sa-tan và thế gian. Khi một đứa trẻ không tìm được cho mình một “cái tôi mạnh” trong gia đình, nó sẽ đi tìm ở một nơi khác. Thật đáng thương hại cho một số người làm cha làm mẹ là Cơ Đốc nhân đã không giúp được cho các con họ phát triển nhân cách, các tài năng thiên phú và các kỹ năng của chúng. Điều còn tệ

hại hơn nữa là khi các bậc làm cha làm mẹ là Cơ Đốc nhân lại đem một đứa con này so sánh với một đứa khác, do đó tạo ra cạnh tranh không cần thiết ngay trong gia đình.

Nhiều khi những người làm cha làm mẹ còn lợi dụng con cái như những vũ khí để chống lại nhau. Cha thì cấm con làm một việc gì đó, nhưng mẹ lại phủ quyết lệnh ấy và tán thành! Đứa con khốn khổ bị “kẹt” giữa cha và mẹ, và chẳng bao lâu, đã học biết được thói làm “đòn xóc hai đầu” để đứng giữa mà thủ lợi! Hậu quả là một tấm thảm kịch về cả hai phương diện đạo đức và thuộc linh.

Nếu một gia đình thật sự Cơ Đốc, nó là nơi để mọi người đều được khích lệ. Trong một gia đình như thế, con cái tìm được chỗ ẩn trú khi gặp tranh chiến, rồi tìm được sức lực để chiến đấu và gánh vác gánh nặng của việc cứ ngày càng tăng trưởng. Nó từng được một tấm lòng biết yêu thương, một con mắt theo dõi, một lỗ tai biết lắng nghe, và một bàn tay sẵn sàng trợ giúp. Nó chẳng cần nơi nào khác nữa – gia đình đã đáp ứng mọi nhu cầu của nó. Trong loại gia đình như thế, lẽ tự nhiên là đứa con sẽ tin cậy Đấng Christ và muốn sống cho Ngài.

3. Chủ và tớ: chân thành và tận hiến (Co 3:22-4:1)

(Co 3:22-25)

Nô lệ là một chế độ đã có nền tảng vững chắc vào thời của Phao-lô. Ít nhất phân nửa dân chúng là nô lệ. Nhiều người trong số họ có học vấn đảm nhiệm nhiều trọng trách trong các tư gia của người giàu có. Trong nhiều gia đình, chính các tôi tớ đã tiếp tay giáo dục và kỷ luật con cái.

Tại sao Hội Thánh thời bấy giờ không công khai chống đối chế độ nô lệ và tìm cách tiêu diệt nó? Về một điểm, Hội Thánh chỉ là một nhóm thiểu số chẳng có thể lực chính trị gì để thay đổi một định chế đã tạo ra được trật tự xã hội. Phao-lô đã cẩn thận dạy các Cơ Đốc nhân nô lệ nên tìm tự do nếu có thể được (ICo 7:21) nhưng ông không bênh vực cho việc nổi loạn hay lật đổ trật tự hiện hữu.

Thiết tưởng cần lưu ý một điều: chủ đích của Hội Thánh nguyên thủy là truyền bá Phúc Âm để đưa nhiều linh hồn người ta về với Chúa, chứ không phải là tham gia hoạt động xã hội. Giả sử các Cơ Đốc nhân đầu tiên bị gán cho các nhãn hiệu là một giáo phái chống chính phủ, chắc họ đã gây trở ngại lớn lao trong công tác chinh phục linh hồn người ta, và việc bành trướng Hội Thánh. Cơ Đốc nhân tham gia vào việc đề cao lòng chân thành và luân lý đạo đức trong chính quyền và xã hội là tốt và phải lẽ dầu vậy, mối quan tâm đó chẳng bao giờ thay thế được sự uỷ thác phải đi vào trong thế gian để truyền giảng Phúc Âm (Mac 16:15).

Chắc bạn nhớ rằng sách Cô-lô-se là một trong ba bức thư đã được Phao-lô gửi từ trong nhà tù tại Rô-ma hai bức thư kia là thư Ê-phê-sô và thư Phi-lê-môn. Hãy đọc bức thư ngắn ngủi Phao-lô đã gửi cho Phi-lê-môn để thấy thái độ của ông đối với chế độ nô lệ. Phao-lô đã không khuyên Phi-lê-môn đối xử nghiêm khắc với tên nô lệ đã chạy trốn của ông, mà khuyên ông hãy nhận anh ta như một người anh em, tuy anh ta vẫn còn là một nô lệ. Thật ra, Ô-nê-sim nô lệ, chính là một trong những người đã mang bức thư này đến Cô-lô-se! (Co 4:9).

Một Cơ Đốc nhân là tôi tớ phải hoàn toàn vâng phục chủ mình, như phục vụ chính Chúa vậy. Nếu một Cơ Đốc nhân là tôi tớ có được một ông chủ là tín hữu, anh ta không nên lợi dụng chủ mình, vì họ đều là anh em trong Chúa. Hễ làm việc gì, người ấy phải phấn đấu để thực hiện cho tốt hơn, vì mình là một Cơ Đốc nhân. Phải chứng tỏ là mình có tấm lòng chân chất và tận tụy với chủ. Phải làm việc tận tâm không phàn nàn, như làm cho Chúa chứ không phải là cho người ta. “Hãy hầu việc Đấng Christ, tức là Chúa” (3:24).

Những tấm lòng chân chất rất cần thiết để các Cơ Đốc nhân là tôi tớ làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và phục vụ đúng mức các ông chủ của họ. Mấy lời chỉ giáo này nhấn mạnh mặt tích cực của sự vâng lời. Người làm tôi tớ phải vâng lời để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời chứ không phải chỉ để tránh bị trừng phạt mà thôi. Cả khi người chủ không khen ngợi họ, họ vẫn được phần thưởng của Chúa. Cũng thế, nếu họ không vâng lời, Chúa sẽ có cách xử lý họ, mặc dù chủ họ không làm như thế. Đức Chúa Trời chẳng tây vị ai cả (Cong 10:34 Ro 2:11 Eph 6:9 Gia 2:1,9).

Trong xã hội của chúng ta không có nô lệ. Nhưng chúng ta có thể áp dụng các nguyên tắc này vào bất kỳ một loại công việc làm lương thiện nào. Một Cơ Đốc nhân là công nhân phải là người công nhân tốt nhất. Người ấy phải tuân lệnh chứ không cãi lại. Người ấy phải phục vụ Đấng Christ nữa, chứ không phải chỉ phục vụ chủ mà thôi, và phải tận tâm làm việc, cho dù có người theo dõi giám sát hay không. Nếu người ấy tuân thủ các nguyên tắc này, thì sẽ nhận được phần thưởng của Chúa, dù ông chủ dưới đất này của người ấy chẳng nhận thấy hay ban thưởng cho người ấy.

Tôi có một người bạn mà nhiều năm trước, đã bị đuổi việc vì rất chịu khó làm việc. Anh ta đang muốn kiếm tiền để học đại học, và muốn làm việc cho chủ mình ngày nào cũng thật là đáng công đối với ngày hôm ấy. Nhưng chỗ rắc rối là sự năng nổ của anh ta lại vạch trần thói lười biếng của một số công nhân khác, nên họ bắt đầu phản ứng. Một người trong đám họ đã cáo gian anh bạn của tôi, và anh ta bị đuổi việc. Anh ta bị mất việc làm nhưng giữ được tư cách của mình, và Chúa đã ban thưởng cho anh ta.

Trong thế giới phức tạp, chập giạt ngày nay, nhiều khi một Cơ Đốc nhân rất khó vâng lời Chúa mà đồng thời cũng giữ được chỗ làm của mình hoặc được tăng lương thăng cấp. Nhưng người ấy vẫn phải vâng lời Đức Chúa Trời y như thế và tin cậy Ngài trong các nhu cầu của mình. Các bạn đồng công không được cứu của một công nhân là Cơ Đốc có thể lợi dụng anh ta, nhưng có lẽ việc ấy là cơ hội để người ấy làm chứng đạo và dùng đời sống mình để chứng minh cho lời làm chứng ấy. Đưa được một linh hồn về với Chúa còn vô cùng quan trọng hơn là kiếm thêm được chút ít tiền bạc.

Như vợ với chồng, cha mẹ với con cái đều có trách nhiệm hai chiều đối với nhau, thì chủ và tớ cũng thế. Phao-lô răn bảo các ông chủ là Cơ Đốc nhân phải đối xử tốt và sòng phẳng với các tớ tớ mình. Đây có thể là một ý niệm mới mẻ đối với các ông chủ người La-mã, vì họ vốn xem tớ tớ họ như các “đồ vật” chứ không phải như những con người. Các ông chủ hầu như có toàn quyền cai trị kiểm soát trên tớ tớ họ và có thể làm bất cứ điều gì mình thích đối với họ. Có rất ít các chủ nhân người La-mã lại biết nghĩ đến chuyện đối xử tốt với nô lệ, vì chúng vốn chẳng đáng được chi cả.

Phúc Âm đã không tiêu diệt chế độ nô lệ ngay tức khắc, mà từ từ làm thay đổi mối liên hệ giữa nô lệ với chủ. Các định chuẩn và áp lực xã hội không nhất trí với các lý tưởng của Cơ Đốc giáo, nhưng Cơ Đốc nhân là người làm chủ vẫn phải thực thi các lý tưởng ấy. Người ấy phải đối xử với nô lệ của mình như một con người, và như một anh em trong Đấng Christ vậy (Ga 3:28). Người ấy không nên xử tệ với nô lệ của mình, mà phải đối xử tốt và công bằng với họ. Dù sao thì một Cơ Đốc nhân là nô lệ cũng là một con người tự do trong Chúa, còn người chủ là nô lệ của Đấng Christ (ICo 7:22). Cũng thế, các mối liên hệ xã hội và thuộc thể của chúng ta cũng phải luôn luôn được các mối liên hệ thuộc linh điều hướng.

Khi ôn lại phần thực tiễn này của thư Cô-lô-se, chúng ta được thấy lại một lần nữa địa vị độc tôn của Đấng Christ trong đời sống chúng ta với tư cách là tín hữu. Đấng Christ phải là Đầu trong gia đình. Loạt những lời răn bảo này thật ra là một phần ứng dụng Co 3:17 “Mặc dầu anh em nói hay làm, cũng phải nhân danh Đức Chúa Giê-xu mà làm mọi điều, nhờ Ngài mà tạ ơn Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha”. Chúng ta phải sống trong các mối liên hệ hằng ngày của mình nhờ vào năng lực và uy quyền của Ngài. Nếu Ngài đã là độc tôn trong đời sống chúng ta, thì chúng ta phải yêu mến lẫn nhau, vâng phục lẫn nhau, vâng lời và đối xử với người khác thật đẹp trong Chúa.

Thiết tưởng chúng ta nên ôn lại Eph 5:18-6:9 và chú ý những điểm giống nhau giữa khúc sách ấy với đoạn chúng ta vừa nghiên cứu. Đoạn sách Ê-phê-sô trên đây nhấn mạnh vấn đề được đầy dẫy Đức Thánh Linh trong khi thư Cô-lô-se nhấn mạnh vấn đề được đầy dẫy Lời Đức Chúa Trời, nhưng các chứng cứ hiển nhiên đều giống y nhau: vui mừng, tạ ơn và sống một cuộc đời vâng lời (Chúa). Được đầy dẫy Đức Thánh Linh có nghĩa là được Lời Chúa điều hướng.

Sự đầy dẫy Đức Thánh Linh và đầy dẫy Lời Chúa đều quan trọng cho gia đình. Nếu các thành viên trong gia đình đều được Thánh Linh của Đức Chúa Trời và Lời Ngài điều hướng, họ sẽ gặp ít rắc rối với nhau. Các chủ nhân và công nhân là Cơ Đốc nhân sẽ đối xử tốt đẹp với nhau nếu họ đều đầy dẫy Đức Thánh Linh và Lời Đức Chúa Trời.

Cốt lõi của mọi vấn đề là vấn đề của tâm lòng, và chỉ có Đức Thánh Linh với Lời Đức Chúa Trời mới có thể làm thay đổi và chủ trị tâm lòng.

Những người sống chung với bạn có khám phá được rằng bạn đã được đầy đầy Đức Thánh Linh và Lời Đức Chúa Trời, hay không?

Co 4:1 Xem giải nghĩa Co 3:22-25

11. LỜI NÓI KHÔNG PHẢI LÀ RẼ TIỀN ĐẬU (Co 4:2-9)

Đừng bao giờ đánh giá thấp lời nói.

Vị thẩm phán chỉ nói mấy lời, thế nhưng cuộc đời của một người sẽ được cứu hay bị kết án. Một bác sĩ chỉ nói vài lời, thế nhưng con bệnh sẽ vui mừng phấn khởi hoặc buông xuôi vì tuyệt vọng. Cho dù việc truyền thông có lẽ bằng lời nói hay văn bản, những lời lẽ trong đó đều có năng lực vô cùng lớn lao. Tôi được kê lại rằng với mỗi một chữ trong quyển sách Mein Kampf của Hít-le, 125 người đã phải bỏ mạng trong Trận thế chiến II.

Năng lực của lời nói là một ân tứ của Đức Chúa Trời, nên nó phải được sử dụng theo ý định của Ngài. Trong sách Gia-cơ, cái lưỡi được ví với một chiếc hàm thiếc và chiếc bánh lái, với một ngọn lửa và loài vật độc hại, và với một cội cây trĩu quả và một suối nước (Gia 3:1-18). Ba cặp hình ảnh trên đây dạy chúng ta rằng cái lưỡi có năng lực điều khiển, huỷ diệt và đem vui thú đến cho người ta. Cái lưỡi chỉ là một một quan thể nhỏ của thân thể chúng ta, nhưng có thể thực hiện được nhiều việc lớn, có lợi hoặc có hại.

Trong đoạn sách ngắn gọn này, Phao-lô vạch ra bốn chức vụ quan trọng của lời nói.

1. Cầu nguyện (Co 4:2-3a)

Cầu nguyện và thờ phượng có lẽ là hai cách sử dụng cao nhất ân tứ của lời nói. Phao-lô đã không xấu hổ khi yêu cầu các bạn thân cầu nguyện cho ông. Tuy ông là một sử đồ, ông vẫn cần được người khác cầu nguyện cho, hậu thuẫn cho bản thân và chức vụ của ông, hướng chi là tôi với các bạn, chúng ta còn cần đến loại trợ giúp thuộc linh ấy càng nhiều hơn biết bao nhiêu! Trong mấy lời ngắn ngủi này, Phao-lô mô tả các đặc điểm của một cuộc đời cầu nguyện thoả đáng và thuộc linh.

Thứ nhất, chúng ta phải trung tín cầu nguyện. “Phải bền đỗ...cầu nguyện” (Co 4:2). Câu này có nghĩa là “Phải vững vàng trong sinh hoạt cầu nguyện của anh em phải tận tâm tận hiến, chớ có từ bỏ.” Đây là cách thức mà Hội Thánh nguyên thủy đã cầu nguyện (Cong 1:14 2:46). Quá nhiều người trong chúng ta chỉ cầu nguyện khi thấy thích hay khi gặp khủng hoảng. Lệnh truyền của Đức Chúa Trời cho chúng ta là: “Hãy ...cầu nguyện không thôi” (ITe 5:17). Nói như thế không có nghĩa là bảo rằng chúng ta cứ phải đi tới đi lui vừa hít thở vừa lâm râm cầu khẩn. Đúng hơn, điều đó có nghĩa là chúng ta phải thường xuyên thông công với Đức Chúa Trời, sao cho lời cầu nguyện của chúng ta cũng bình thường như hơi thở vậy.

Cũng không phải điều đó gợi ý rằng Đức Chúa Trời chỉ miễn cưỡng nhậm lời cầu nguyện của chúng ta, nên chúng ta phải dùng lời cầu nguyện của mình khiến cho Ngài phải mỗi mòn kiệt quệ. “Sự thật hoàn toàn trái hẳn, Đức Chúa Trời thích nhậm lời cầu nguyện của chúng ta. Nhưng nhiều khi Ngài trì hoãn nhậm lời vì muốn khiến cho đức tin và thái độ tận hiến của chúng ta tăng thêm để hoàn thành chủ đích của Ngài thật đúng lúc kịp thời. Việc Đức Chúa Trời trì hoãn không phải luôn luôn là Ngài từ chối. Nếu chúng ta cứ tiếp tục cầu nguyện, chính tâm lòng của chúng ta sẽ được chuẩn bị đối với câu trả lời của Ngài cho chúng ta. Chúng ta sẽ tự cảm thấy mình được tăng trưởng trong ân điển cả trước khi câu trả lời của Ngài đến.

Lời cầu nguyện của chúng ta cũng phải do tinh thần tỉnh thức. Chúng ta phải thức canh và đề cao cảnh giác trong khi cầu nguyện. Câu “thức canh cầu nguyện” rất thường được Thánh Kinh dùng đến. Nó có khởi đầu trong lịch sử Thánh Kinh khi Nê-hê-mi đang xây lại các vách và cửa thành Giê-ru-sa-lem “Nhưng chúng tôi cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời chúng tôi, và lập kẻ ngày và đêm canh giữ họ” (Ne 4:9). Chúa Giê-xu từng dùng câu này (Mac 13:33 14:38) Phao-lô cũng thế (Eph 6:18).

Lời cầu nguyện khô khan, hờ hững, thì không có năng lực. Nếu trên bàn thờ không có lửa thì sẽ chẳng có hương thơm bay lên đến tận Đức Chúa Trời (Thi 141:2). Lời cầu nguyện đích thực đòi hỏi phải có năng lực và sự cảnh giác thuộc linh mà điều đó và chỉ đến từ Thánh Linh của Đức Chúa Trời mà thôi. Những lời cầu nguyện theo thói quen nhàm chán là những lời cầu nguyện không được đáp lại.

Chúng ta cũng phải tạ ơn Chúa trong khi cầu nguyện. “Phải...thêm sự tạ ơn vào” (Co 4:2). Cảm tạ là một thành tố quan trọng của lời cầu nguyện linh nghiệm (Phi 4:6). Nếu tất cả những gì chúng ta làm chỉ là cầu xin mà thôi, chớ chẳng có lời nào tạ ơn Đức Chúa Trời về các ân tứ Ngài ban, là chúng ta vị kỷ. Thành thật tỏ lòng tri ân Đức Chúa Trời là một trong những phương pháp hay nhất để đưa nhiệt tâm vào trong lời cầu nguyện của chúng ta.

Luôn luôn có rất nhiều điều để chúng ta vì đó mà cảm tạ Chúa! Chúng ta từng chú ý điểm nhấn mạnh của Phao-lô vào sự cảm tạ trong bức thư của ông gửi người Cô-lô-se (Co 1:3,12 2:7 3:15,17 4:2). Khi chúng ta nhớ lại rằng Phao-lô đang bị tù lúc ông viết bức thư này, thì điểm nhấn mạnh đó lại càng trở thành kỳ diệu hơn!

Cuối cùng lời cầu nguyện của chúng ta phải có chủ đích: “Cũng hãy cầu nguyện cho chúng tôi” (4:3). Lời cầu nguyện của ta quá thường mơ hồ và chung chung, tổng quát. “Lạy Chúa, xin ban phước cho các giáo sĩ”. Thật tốt hơn biết bao nếu chúng ta cầu nguyện cho các nhu cầu cụ thể. Khi làm như thế, chúng ta sẽ biết được khi nào thì Đức Chúa Trời đã nhậm lời để chúng ta có thể tạ ơn Ngài. Có lẽ chính vì chúng ta thiếu đức tin nên mới cầu nguyện chung chung như thế, thay vì cầu nguyện một cách đặc thù.

Có người đã nói rất đúng rằng chủ đích của việc cầu nguyện không phải là để cho ý muốn của con người được thành tựu trên thiên đàng, mà là để cho ý chỉ của Đức Chúa Trời được nên dưới đất này. Cầu nguyện không phải là để bảo Đức Chúa Trời phải làm gì hay phải ban cho những gì. Cầu nguyện là hỏi Đức Chúa Trời xem Ngài muốn chúng ta làm gì và ban cho điều gì theo ý chỉ Ngài (IGi 5:14-15). Trong khi chúng ta đọc Lời Chúa và thông công với Cha chúng ta trên trời, chúng ta khám phá ra ý chỉ Ngài, nên sau đó, sẽ bạo dạn cầu xin Ngài hãy thực hiện kế hoạch của Ngài. Richard Trench (1807-1816), tổng giám mục Dublin, đã nói rất đúng: “Cầu nguyện không phải là chiến thắng sự miễn cưỡng của Đức Chúa Trời đó là việc nắm lấy ý chỉ Ngài”.

Lẽ dĩ nhiên, ta có thể cầu nguyện thầm trong lòng mà chẳng bao giờ dùng đến lời nói (ISa 1:13) nhưng cả trong những trường hợp như thế, chúng ta vẫn đang sử dụng lời nói, dầu không nói ra thành tiếng có thể nghe được bằng tai. Lời cầu nguyện đích thực, trước hết phải xuất phát từ đáy lòng, dù có nói ra thành lời hay không.

Hãy nghiên cứu những bài cầu nguyện trong tù của Phao-lô (Phi 1:9-11 Eph 1:15-23 3:14-21 Co 1:9-12) như những thí dụ về lời cầu nguyện toàn hảo.

2. Rao truyền lời Chúa (Co 4:3b-4)

Phao-lô không cầu xin cho các cửa nhà tù mở ra, nhưng cầu xin cho các cánh cửa của chức vụ được mở rộng (ICo 16:9 Cong 14:27). Với Phao-lô thì làm một mục sư trung tín còn hơn là được làm một người tự do. Cần lưu ý là trong tất cả các bài cầu nguyện trong tù của Phao-lô, điều ông quan tâm không phải là tự do cá nhân hay sự tiếp trợ vật chất, mà là bản chất và phước hạnh thuộc linh.

Sở dĩ Phao-lô bị tù là vì “sự mâu nhiệm của Đấng Christ” liên hệ với người ngoại quốc (xem Eph 3:1-13). Sự mâu nhiệm này là chủ đích của Đức Chúa Trời cho người ngoại quốc liên hệ với dân Y-sơ-ra-ên vì trong Hội Thánh người Do Thái và ngoại quốc đều là một (Eph 2:11-22). Hãy đọc đoạn ký thuật về việc Phao-lô đã bị bắt trong đền thờ Do Thái (Cong 21:18-22:30). Cần lưu ý là người Do Thái đã lắng nghe Phao-lô cho đến khi ông nói đến chữ người ngoại bang (22:21-22). Chính mối quan tâm của Phao-lô đối với người ngoại quốc, và chức vụ của ông cho họ, đã đưa ông vào tù.

Cả giữa một số người Do Thái đã tin Đấng Christ cũng có một loại cuồng tín muốn ép buộc xếp người ngoại quốc vào một địa vị thấp hơn (Cong 15:1tt). Phái theo luật pháp chủ nghĩa cực đoan này muốn người ngoại bang trở thành người Do Thái về nghi thức, trước khi họ có thể trở thành Cơ Đốc

nhân! Phao-lô và Ba-na-ba đã cương quyết đối đầu với mối đe dọa đối với Phúc Âm này, nên hội nghị đã phải biểu quyết ủng hộ hai ông. Nhưng phe luật pháp chủ nghĩa vẫn tiếp tục chống lại Phao-lô và công việc của ông. Họ không muốn tin mừng về sự mầu nhiệm của Đấng Christ đến với người ngoại quốc. Họ vẫn muốn giữ lại về tự tôn là người Do Thái của họ.

Thật là lạ lùng, vì Phao-lô lại muốn Đức Chúa Trời giúp ông làm chính điều đã đưa ông vào nhà tù! Ông không có ý định từ bỏ chức vụ hay thay đổi bức thông điệp. Lúc John Bunyan bị bắt về tội truyền giảng bất hợp pháp và bị bỏ tù, ông được cho biết là ông sẽ được thả ra nếu chịu hứa là sẽ thôi truyền giảng. Ông đáp: “Nếu tôi được thả ra khỏi nhà tù hôm nay, ngày mai, nhờ sự trợ giúp của Đức Chúa Trời, tôi lại sẽ truyền giảng Phúc Âm nữa”.

Làm thế nào để Phao-lô chia sẻ sự mầu nhiệm của Đấng Christ lúc ông bị cầm tù? Vụ án của ông đã được nhiều người bàn tán, ông cũng có thể làm chứng đạo cho các lính canh cùng bị xích chung với ông (Phi 1:12-18). Hãy tưởng tượng là bạn cùng bị xích chung với Phao-lô! Qua lời chứng của ông, Phúc Âm đã được đưa đến nhiều nơi trong đế quốc La-mã, mà nếu là người tự do, chắc Phao-lô đã không thể nào đến được. Có cả các thánh đồ là “người nhà Sê-sa” nữa! (Phi 4:22).

Việc truyền bá Phúc Âm được lời cầu nguyện làm tăng thêm quyền năng. Thánh Linh của Đức Chúa Trời dùng Lời của Đức Chúa Trời khi chúng ta đến gần ngai thi ân để cầu xin Đức Chúa Trời chúc phước. Trong khi cầu nguyện, chúng ta chẳng bao giờ nên tách rời khỏi Lời Đức Chúa Trời, vì chính Đức Chúa Trời đã gắn liền cả hai vào nhau (Cong 6:4).

Có một vị khách đến viếng ngai Đền tạm của Spurgeon tại Luân Đôn và được chính vị mục sư là Charles Spurgeon dẫn đi xem khắp nơi.

Khi chỉ cho ông khách một giảng đường ở một phần thấp hơn của ngôi nhà, Spurgeon hỏi: “Ông có muốn xem ngôi nhà quyền năng của chức vụ này không? Chính nhờ nơi này mà chúng tôi có được quyền năng ấy, vì trong khi tôi truyền giảng trên lầu, thì mấy trăm người của chúng tôi nhóm lại cầu nguyện trong căn phòng này”. Thế thì có gì để lấy làm lạ nếu Đức Chúa Trời đã chúc phước cho công tác truyền giảng Lời Đức Chúa Trời của Spurgeon?

Chính bạn, là một thành viên của Hội Thánh, có thể giúp mục sư của bạn trong việc truyền giảng Lời Chúa bằng cách cầu nguyện cho ông ta. Xin đừng bao giờ nói với ông mục sư của bạn rằng: “Vâng! việc tối thiểu tôi có thể làm là cầu nguyện cho ông”. Việc tối đa mà bạn có thể làm, là cầu nguyện! Hãy cầu nguyện cho ông mục sư của bạn khi ông ta soạn thảo, nghiên cứu và suy gẫm Lời Chúa cho bài giảng. Hãy cầu xin Đức Thánh Linh ban cho ông ta có được những cái nhìn thông tuệ vào các chân lý của Thánh Kinh. Cũng hãy cầu nguyện cho ông mục sư của bạn biết thực thi Lời Chúa mà ông ta đã truyền giảng, để nó được biến thành sự thật trong chính đời sống ông ta. Trong lúc ông mục sư truyền giảng, hãy cầu xin Đức Thánh Linh cho ông được tự do nói ra, để Lời Chúa sẽ thấy vào tâm tư ý tưởng người ta cách diệu kỳ (cầu nguyện cho nhiều lãnh tụ Hội Thánh khác nữa thiết tưởng cũng chẳng có thiệt hại gì).

Truyền bá Lời Đức Chúa Trời là một đặc quyền lớn và là một trách nhiệm nặng nề. Bạn chẳng cần gì phải là một nhà truyền đạo được tấn phong hay một giáo sĩ, rồi mới có thể chia sẻ Lời Chúa. Cả trong những cuộc trò chuyện hằng ngày, bạn vẫn có thể gieo hạt giống Đạo (Lời) Chúa vào lòng mọi người, rồi cầu nguyện xin Đức Chúa Trời sẽ tưới nước cho hạt giống ấy, để nó sẽ kết quả.

3. Làm chứng đạo cho kẻ bị hư vong (Co 4:5-6)

“Những người ngoại” ám chỉ những người ngoài gia đình của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu từng phân biệt các môn đệ Ngài với những người bên ngoài (Mac 4:11). Phao-lô cũng có sự phân biệt như thế (ICo 5:12-13). Những người đã được tái sinh giữa vòng chúng ta là những người “thuộc linh bên trong” vì chúng ta thuộc về gia đình của Đức Chúa Trời và được chia sẻ sự sống với Ngài.

Tuy nhiên, là Cơ Đốc nhân, chúng ta chẳng bao giờ nên có mặc cảm tự tôn về sự thánh khiết. Chúng ta có trách nhiệm phải làm chứng đạo cho những người bị hư vong chung quanh mình và tìm cách đưa họ vào trong gia đình của Đức Chúa Trời. Trước hết, chúng ta có trách nhiệm lấy sự khôn ngoan ăn ở với người ngoại (Co 4:5). Những người ngoại chưa được cứu đang theo dõi cách ăn ở cư

xử của chúng ta là các Cơ Đốc nhân và luôn luôn tìm cách chê bai, chỉ trích chúng ta. Chúng ta phải sống như thế nào để đừng có điều gì trong đời sống chúng ta gây trở ngại cho lời làm chứng đạo của chúng ta.

Người ta thường kể lại câu chuyện này về Tiến sĩ Will H. Houghton, mục sư của Hội Thánh Báp-tít Calvary tại thành phố New York và sau này là chủ tịch Viện Thánh Kinh Moody tại Chicago cho đến ngày ông qua đời năm 1946. Lúc Tiến sĩ Houghton làm mục sư Đền tạm Báp-tít tại Atlanta, một người trong thành phố ấy đã thuê một thám tử tư theo dõi ông để báo cáo về cách ăn ở cư xử của ông. Sau nhiều tuần lễ, nhà thám tử nọ đã báo cáo với ông ta rằng cuộc đời của Tiến sĩ Houghton rất phù hợp với những lời truyền giảng của ông. Kết quả là người ấy đã trở thành một Cơ Đốc nhân.

“Ăn ở khôn ngoan” có nghĩa gì? Trước hết, nó có nghĩa là chúng ta phải cẩn thận đừng nói hay làm điều gì khiến chúng ta gặp khó khăn khi chia sẻ Phúc Âm cho người khác. Nó cũng có nghĩa là chúng ta phải nhanh nhạy biết lợi dụng các cơ hội mà Đức Chúa Trời tạo ra cho mình để thực hiện phương pháp cá nhân truyền đạo. “Lợi dụng thì giờ” có nghĩa là mua dịp tiện (Eph 5:6). Đây là một thuật ngữ thương mại, tả vẽ Cơ Đốc nhân như một người quản lý trung tín, biết lợi dụng mọi cơ hội ngay lúc vừa mới nhìn thấy chúng. Như một con buôn chớp ngay thời cơ thuận lợi, một Cơ Đốc nhân cũng phải lợi dụng mọi cơ hội để đưa người ta đến với Đấng Christ.

Lấy sự khôn ngoan ăn ở cũng bao gồm việc làm tròn nhiệm vụ, trả hết mọi hoá đơn và giữ mọi lời hứa của mình. Chúng ta phải “ăn ở với người ngoại cách ngay thẳng và không thiếu chi hết” (ITe 4:12). Một người bạn của tôi vào một tiệm tạp hoá để mua một số vật dụng cho Hội Thánh. Người bán hàng hỏi: “Ông... có phải là một tín đồ của Hội Thánh ông không?” Bạn tôi bảo là phải, và người bán hàng tiếp tục kể cho bạn tôi nghe “vị tín đồ” ấy đã nợ tiệm tạp hoá của ông ta bao nhiêu tiền, và thật là khó đòi được gì của ông ta. Có lẽ dù có làm chứng đạo bao nhiêu đi nữa cho người bán hàng ấy, bạn tôi cũng chỉ phí công vô ích mà thôi.

Các Cơ Đốc nhân nói chung và các cấp lãnh đạo Cơ Đốc nói riêng, phải được “người ngoại làm chứng tốt cho” (ITi 3:7). Khi cần mời một mục sư mới, các thành viên của một Hội Thánh cần điều tra để biết lời chứng của những người láng giềng và các nhân vật biết rõ về vị ấy. Tuy người chưa được cứu vốn tối tăm về phương diện thuộc linh (ICo 4:3-4), họ vẫn giỏi biện biệt trong các vấn đề liên quan đến những điều thuộc về đời này (Lu 16:8). Thật là tai hại nếu các thành viên trong Hội Thánh lại đi mời một vị mục sư thiếu nợ người ta mà không trả, và để lại sau lưng mình nhiều lời chứng xấu của những người không được cứu.

Chỉ ăn ở khôn ngoan và thận trọng trước mặt những người chưa tin Chúa thì vẫn chưa đủ. Chúng ta còn phải trò chuyện với họ và chia sẻ thông điệp Phúc Âm cho họ nữa. Nhưng phải cẩn thận để lời nói của chúng ta có ân hậu theo luôn, vì điều đó chỉ cho người ta thấy Đấng Christ để tôn vinh Ngài. Nói như thế có nghĩa là chúng ta phải có lòng nhân hậu (Co 3:16), vì lời nói ra trên môi miệng vốn bắt nguồn từ trong lòng. Với tấm lòng nhân hậu bộc lộ bằng những lời nói nghĩa tình, chúng ta sẽ là những chứng nhân trung tín, chớ không phải là những quan toà hay công tố viên buộc tội người ta!

Chúa Giê-xu Christ vốn có lời lẽ đầy nhân hậu “Ai nấy đều làm chứng về Ngài, lấy làm lạ về các lời đầy ơn lành từ miệng Ngài ra, và nói rằng: Có phải con Giô-sép chăng?” (Lu 4:22). Trong số rất nhiều câu đề cập Chúa Giê-xu Christ trong Thi 45:1-17 (là một thi thiên về Đấng Mê-si-a), có câu này “Ngài xinh đẹp hơn hết thầy các con trai loài người Ân điển tràn ra nơi môi Ngài: Vì vậy, Đức Chúa Trời đã ban phước cho Ngài đến đời đời” (Thi 45:2). Cả khi Chúa chúng ta nói về tội lỗi, lời lẽ của Ngài vẫn đầy nhân hậu.

Lời nói ra của chúng ta phải là những “lời lành giúp ơn cho...kẻ nghe” (Eph 4:29). Nhưng chúng ta sẽ không thể làm được việc đó nếu chúng ta không có ân hậu trong lòng và trong lời nói. “Lấy lời yêu thương nói ra lẽ chân thật” (Eph 4:15) là lý tưởng của Đức Chúa Trời đối với việc trò chuyện của chúng ta.

Tại sao Phao-lô lại còn dặn “nêm thêm muối” (Co 4:6) nữa? Thời bấy giờ muối vốn được dùng vừa để nêm, vừa để giữ thức ăn. Chúng ta chẳng bao giờ nói với ai rằng: “Bây giờ hãy nghe điều này và ăn thêm một hạt muối này đi”. Chúng ta phải nêm thêm muối vào lời nói của mình để chắc chắn

là nó trong sạch và được nếm cách thích hợp “*Chớ có một lời dữ nào ra từ miệng anh em nhưng khi đáng nói hãy nói một vài lời lành giúp ơn cho và có ích lợi cho kẻ nghe đến*” (Eph 4:29). Lời chúng ta nói ra phải tinh sạch, thuần khiết.

Muối cũng được thêm vào các cửa lễ (Le 2:13). Có lẽ Phao-lô gợi ý rằng chúng ta phải xem lời nói của mình như các cửa lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời, như những lời ca ngợi tán tụng là những cửa lễ thuộc linh vậy (He 13:15). Chắc nó sẽ giúp chúng ta biết nói đúng lúc, đúng cách, nếu chúng ta nhớ rằng lời nói của mình được xem như những cửa lễ dâng lên cho Đức Chúa Trời.

Thật là tai hại khi một Cơ Đốc lại có cách nói thô tục, cộc cằn, nhất là khi có những người chưa được cứu nghe thấy. “*Nhưng, hãy tôn Đấng Christ, là Chúa, làm thánh trong lòng mình. Hãy thường thường sẵn sàng để trả lời mọi kẻ hỏi về sự trông cậy trong anh em, nhưng phải hiền hoà và kính sợ*” (IPhi 3:15). Nhu mì thì trái hẳn với thô tục, còn sợ hãi thì trái hẳn với tự phụ kiêu căng. Trong những cuộc trò chuyện trao đổi của một Cơ Đốc nhân, không có chỗ nào cho thái độ “ta đây cái gì cũng biết cả”. Trong khi chúng ta cần phải có lòng tin quyết chớ không phải gặp việc gì cũng dung hoà, thoả hiệp, chúng ta vẫn phải nuôi dưỡng tinh thần yêu thương nhân hậu.

Cách ăn ở, chuyện trò của Cơ Đốc nhân phải hài hoà với nhau. Chẳng có gì buộc chúng ta phải ngậm miệng cho bằng một đời sống bất cần. Một khi bản tính, cách ăn ở cư xử và trò chuyện đã “ăn khớp” với nhau, thì lời làm chứng của chúng ta sẽ đầy đầy quyền năng.

4. Chia sẻ gánh nặng (Co 4:7-9)

Trong bức thư này, Phao-lô đã không kể rõ chi tiết hoàn cảnh cá nhân của ông. Ông đã dành công việc ấy cho hai người anh em thuộc linh khác, là Ti-chi-cơ và Ô-nê-sim để họ chia sẻ các gánh nặng ấy cho Hội Thánh tại Cô-lô-se. Đây là một chức vụ diệu kỳ khác nữa của lời nói. Chúng ta có thể cùng chia sẻ các nhu cầu và gánh nặng của mình với tha nhân, rồi họ sẽ khích lệ và trợ giúp chúng ta.

Lúc Phao-lô rời Ê-phê-sô, đã có bảy tín hữu khác cùng đi với ông – trong số đó có Ti-chi-cơ (Cong 20:4). Những người này đã giúp Phao-lô cấp phát các cửa dâng do tình yêu thương của các Hội Thánh người ngoại quốc cho các thánh đồ nghèo trong xứ Giu-đê (ICo 16:1 IICo 8:1-9:15). Rất có thể Ti-chi-cơ và Trô-phim là hai người anh em mà Phao-lô đã đề cập trong bức thư thứ hai ông gửi cho người Cô-rinh-tô (IICo 8:19-24).

Ti-chi-cơ đã chia sẻ cảnh tù tội tại Rô-ma với Phao-lô, và chắc ông đã giúp Phao-lô về nhiều phương diện. Phao-lô đã chọn Ti-chi-cơ và Ô-nê-sim để đưa thư của ông đến Ê-phê-sô (Eph 6:21) và đến Cô-lô-se (Co 4:7-9). Dĩ nhiên, họ cũng đưa bức thư riêng đến cho Phi-lê-môn nữa. Phao-lô đã dặn Ti-chi-cơ cho các Cơ Đốc nhân tại Cô-lô-se biết mọi chi tiết về hoàn cảnh của ông tại Rô-ma.

Phần mô tả Ti-chi-cơ của Phao-lô cho thấy, ông này thật là một Cơ Đốc nhân tuyệt vời như thế nào. Ông là một anh em rất yêu dấu, sẵn sàng ở lại với Phao-lô bất chấp hoàn cảnh khó khăn. Thật khích lệ biết bao khi có được một Cơ Đốc nhân ở bên cạnh, trong lúc mọi sự đều dường như chống lại bạn!

Ti-chi-cơ cũng là một người “tôi tớ trung thành”. Tình yêu của ông đã tự bộc lộ bằng hành động. Ông phục vụ Phao-lô, cũng vì Phao-lô mà phục vụ bằng cách giúp đỡ ông trong nhiều nhiệm vụ. Có người đã bảo rằng tài năng lớn nhất trên đời là có thể tin cậy được, mà thật là đúng như thế, Phao-lô đã có thể tin cậy Ti-chi-cơ hoàn thành cộng tác.

Ti-chi-cơ cũng là “bạn cùng làm việc” với Phao-lô. Tuy bản thân ông không phải là một vi sứ đồ, ông vẫn giúp đỡ Phao-lô trong chức vụ sứ đồ của ông. Phao-lô và Ti-chi-cơ đã cùng cộng tác để phục vụ Chúa. Về sau, Phao-lô đã có thể phái Ti-chi-cơ đến đảo Cơ-rét (Tit 3:12), và sau đó, là đến Ê-phê-sô (ITi 4:12).

Cộng tác với Phao-lô đang là một tù nhân thì không phải là dễ dàng đối với Ti-chi-cơ, vì Phao-lô có rất nhiều kẻ thù. Đi đây đi đó như việc ông đã làm để giúp đỡ Phao-lô trong nhiều nhiệm vụ, cũng không phải là dễ. Ti-chi-cơ đã không chọn con đường dễ đi, mà đúng hơn là đã chọn con đường đúng. Các Hội Thánh của chúng ta ngày nay đang cần có nhiều thành viên giống như Ti-chi-cơ!

Phao-lô cũng nhắc đến Ô-nê-sim (người đồng xứ với anh em) vốn cũng từ Cô-lô-se đến Ô-nê-sim là một nô lệ của Phi-lê-môn, đã bỏ chủ trốn đi và được đưa đến với Đấng Christ qua chức vụ của Phao-lô tại Rô-ma. Phao-lô gọi Ô-nê-sim trả về cho chủ cũ, cùng với một bức thư yêu cầu Phi-lê-môn nhận lại và tha thứ cho anh ta. Điều lý thú đáng ghi nhận là Phao-lô cũng gọi Ô-nê-sim là anh em trung tín và rất yêu dấu. Ô-nê-sim chỉ mới tin Chúa một thời gian ngắn mà thôi, thế nhưng đã tự chứng tỏ cho Phao-lô thấy như thế.

Hai người này, có một chức vụ song phương phải thực hiện: khích lệ các Cơ Đốc nhân tại Cô-lô-se, và cho họ biết hoàn cảnh của Phao-lô. Người thuộc về Chúa chia sẻ thông tin với nhau như thế, thì có phải là sai trái không? Dĩ nhiên là không! Phao-lô đã không xin tiền hay xin được ưu ái. Ông chỉ muốn các thánh đồ ở Cô-lô-se biết rõ tình hình để họ có thể cầu nguyện cho ông. Trong khi thật có một số “nhân sự Cơ Đốc “lạm dụng” hoàn cảnh cách vị kỷ để mong được tiếp trợ, điều này không đúng với Phao-lô. Ông chỉ muốn các bạn ông tại Cô-lô-se biết rõ các sự kiện để hậu thuẫn ông bằng lời cầu nguyện mà thôi.

Tại nhà riêng, chúng tôi nhận được một số thư, của các giáo sĩ xin cầu nguyện. Chúng tôi đọc và cố ghi ra các gánh nặng và nhu cầu đặc biệt. Trong thì giờ bồi linh của riêng mình, tôi dùng nhiều loại lịch cầu nguyện khác nhau để giúp tôi nhớ mà cầu nguyện cho các nhu cầu đặc thù của nhiều chức vụ khác nhau. Tôi muốn biết rõ các sự kiện để có thể cầu thay đặc biệt. Tôi cũng thích được nghe kể lại cách Đức Chúa Trời đã nhậm lời cầu nguyện, vì điều đó khích lệ đức tin của tôi.

Cầu nguyện, rao truyền Phúc Âm làm chứng đạo, và chia sẻ các gánh nặng, là bốn chức vụ kỳ diệu của lời nói. Thà dấn thân vào các chức vụ ấy còn hơn là dùng miệng lưỡi cho việc ngồi lê đôi mách, chê bai ác ý và nhiều mục đích tội lỗi khác nữa!

Hãy để cho lời cầu nguyện của Đa-vít trở thành lời cầu nguyện của chúng ta: “Hỡi Đức Giê-hô-va, xin hãy giữ miệng tôi, và canh cửa môi tôi” (Thi 141:3)

12. BẠN THÂN, NGƯỜI RÔ-MA VÀ NGƯỜI ĐỒNG HƯƠNG (Co 4:10-18)

Phao-lô chẳng những có tài đưa linh hồn người ta về với Chúa, mà còn giỏi kết bạn nữa. Nếu tôi đếm không sai, thì có hơn một trăm Cơ Đốc nhân khác nhau (có tên hoặc không được nêu tên) đã từng cộng tác với Phao-lô trong sách Công vụ và các thư tín của ông. Chỉ trong sách Rô-ma mà thôi, ông đã nêu tên 26 người bạn thân khác nhau rồi!

Vào thời của Phao-lô, người ta có thói quen kết thúc mỗi bức thư bằng những lời chào thăm cá nhân. Bạn bè vốn ít khi được gặp nhau, còn thư từ trao đổi với nhau thì rất chậm chạp và hạn chế. Lễ dĩ nhiên, những lời chào thăm của Phao-lô vượt quá tính cách xã giao, chúng nói lên mối bận tâm thuộc linh thật sự của ông dành cho bạn bè. Trong đoạn kết thúc này, Phao-lô gọi những lời chào thăm cá nhân của sáu người trong số các cộng tác viên của ông trong chức vụ đến Cô-lô-se đó là: A-ri-tạc, Giăng mác, Giê-su Giúc-tu, tất cả đều là người Do Thái và Ê-pháp-ra, Lu-ca với Đê-ma, là người ngoại quốc. Rồi Phao-lô còn thêm những lời chào thăm đặc biệt cho hai hội chúng với lời nhắc nhở đặc biệt cho một trong các vị mục sư.

Lần đầu khi đọc bảng danh sách này có lẽ chúng ta không mấy cảm động. Nhưng khi chúng ta đến phía hậu trường và khám phá ra tầm ảnh hưởng của đời sống họ khi cộng tác với Phao-lô, bảng danh sách ấy sẽ tạo được rất nhiều phấn khởi. Chúng ta có thể xếp những người này vào ba nhóm:

1. Những người còn ở lại (Co 4:10-11,14a)

Nhóm này gồm ba người Do Thái (A-ri-tạc, Giăng Mác, Giê-su Giúc-tu) và một người ngoại quốc (Lu-ca). Đặc điểm của tất cả là trung thành với Phao-lô trong thì giờ ông đặc biệt cần đến họ. Họ là những người còn ở lại với ông.

A-ri-tạc (Co 4:10a) được Phao-lô gọi là bạn đồng tù, cũng là bạn đồng công với ông (c.11). A-ri-tạc là người từ xứ Ma-xê-đoan và là một trong các bạn đồng hành với Phao-lô trong các chuyến đi

truyền giáo của ông (Cong 19:29). Ông nguyên là người Tê-sa-lô-ni-ca (Cong 20:4) đã tự nguyện liều mạng trong cuộc nổi loạn của người Ê-phê-sô (Cong 19:28-41). Ông cùng đi tàu với Phao-lô đến Rô-ma (Cong 27:2), nghĩa là ông đã trải qua trận bão và đắm tàu mà Lu-ca đã mô tả cách sinh động Cong 27:1-44).

A-ri-tạc đã ở lại với Phao-lô bất chấp hoàn cảnh xảy ra như thế nào – một đám biểu tình phản đối tại Ê-phê-sô, một chuyến đi xa, một trận bão, hoặc thậm chí một nhà tù. Có lẽ A-ri-tạc đã không phải là một tù nhân chính thức của người La-mã. “Bạn đồng tù” có lẽ có nghĩa là A-ri-tạc cùng ở chung với Phao-lô tại nơi ông bị giam giữ để giúp đỡ và an ủi vị sứ đồ. A-ri-tạc là một tù nhân tự nguyện vì danh Chúa Giê-xu Christ và vì Phúc Âm.

Chắc Phao-lô đã không thể hoàn tất mọi việc nếu không có sự trợ giúp của các bạn thân. A-ri-tạc đã nổi bật hẳn lên như một trong những người đã giúp đỡ Phao-lô đắc lực nhất. Ông đã không đi tìm một nhiệm vụ dễ dàng. Ông đã không bỏ chạy khi tình hình trở nên khó khăn. Ông đã cùng chịu khổ và cùng làm việc gian lao với Phao-lô.

Giăng Mác (Co 4:10b), trước giả sách Phúc Âm thứ hai, thủ một vai trò quan trọng trong lịch sử nguyên thủy của Hội Thánh. Ông cũng là một người Do Thái quê quán tại Giê-ru-sa-lem, nơi mẹ ông là bà Ma-ri luôn “mở rộng cửa” nhà mình cho các tín hữu (Cong 12:12). Giăng Mác là em họ của Ba-na-ba, người đã cùng đi với Phao-lô trong vòng lưu hành truyền giáo thứ nhất (Cong 13:1-3). Rất có thể Giăng Mác đã được dẫn đến với niềm tin trong Đấng Christ nhờ chức vụ của Phi-e-rơ (IPhi 5:13).

Lúc Phao-lô và Ba-na-ba lên đường thực hiện vòng truyền giáo lưu hành đầu tiên, hai ông đã dẫn Mác theo làm phụ tá. Có lẽ ông đảm trách việc sắp xếp chuyến đi, cung ứng nhu cầu, v.v... Nhưng khi chuyến đi gặp khó khăn, Giăng Mác đã bỏ hai nhà truyền đạo để trở về nhà tại Giê-ru-sa-lem (Cong 13:5-13).

Kinh Thánh không giải thích lý do tại sao Giăng Mác đã bỏ đi. Có lẽ ông sợ, vì cả nhóm sắp di chuyển đến một vùng lãnh thổ nguy hiểm. Có lẽ ông bất mãn vì sự kiện Phao-lô nắm quyền lãnh đạo vòng truyền giáo thay cho người bà con của ông là Ba-na-ba. Hoặc cũng có lẽ Giăng Mác đề kháng chức vụ của Phao-lô cho người ngoại quốc. Cho dù là lý do hay lời biện bạch nào, ông cũng đã bỏ họ mà trở về nhà.

Về sau, lúc Phao-lô và Ba-na-ba muốn thực hiện vòng truyền giáo thứ hai, Phao-lô đã không chịu đem Giăng Mác theo đi (Cong 15:36-41). Phải chăng Phao-lô đã sai lầm trong việc đánh giá chàng thanh niên này? Có lẽ, nhưng chúng ta không thể trách Phao-lô vì đã thận trọng sau khi Mác đã từng bỏ ông lần trước. Không phải Phao-lô muốn thực hiện một chuyến đi để được danh tiếng ông đang tìm cách đưa nhiều linh hồn trở về với Đấng Christ. Cho dù có nguy hiểm bất trắc đến đâu cũng không ngăn được ông tìm đến với những người chưa tin Chúa để đem Phúc Âm cho họ. Thật là tai hại khi Giăng Mác lại gây chia rẽ giữa Phao-lô và Ba-na-ba. Tuy nhiên, chúng ta phải thừa nhận rằng Phao-lô đã tha thứ cho Giăng Mác, lại còn khen ngợi ông nữa “Chỉ có một mình Lu-ca ở với ta. hãy đem Mác đến với con, vì người thật có ích cho ta về sự hầu việc lăm” (ITi 4:11).

Mác, Tít, và Ti-mô-thê là các thành viên từng làm đại diện đặc biệt cho sứ đồ Phao-lô. Ông có thể phái họ đến nhiều Hội Thánh đang có vấn đề và tin cậy, giao cho họ nhiệm vụ tiếp tay giải quyết chúng. Nhờ ân điển Đức Chúa Trời, Giăng Mác đã chiến thắng được lần thất bại thứ nhất để trở thành một tôi tớ có giá trị cho Đức Chúa Trời. Thậm chí ông còn là người được chọn để viết sách Phúc Âm Mác nữa!

Giăng Mác là một khích lệ cho tất cả những ai đã thất bại trong nỗ lực muốn phục vụ Đức Chúa Trời lần đầu tiên. Ông đã không chịu ngồi yên chỉ để phiền muộn. Ông đã quay trở lại với chức vụ và tự chứng minh là mình tận trung với Chúa và với Phao-lô. Ông là một trong những người đã ở lại với Phao-lô.

Thiết tưởng tôi cần nói thêm là Ba-na-ba đã làm được một việc tốt khi khích lệ các Cơ Đốc nhân trẻ tuổi trong Đấng Christ. Có thể chàng thanh niên Giăng Mác vẫn cứ làm việc ấy mà chẳng cần đến sự giúp đỡ của người anh họ mình là Ba-na-ba nhưng tôi có phần nghi ngờ việc đó. Đức Chúa Trời

đã dùng Ba-na-ba để khích lệ Giăng Mác, và giúp ông phục hồi chức vụ. Ba-na-ba đã sống đúng với tên ông “con trai của sự khích lệ” (Cong 4:36 bản NIV).

Giê-xu Giúc-tu (Co 4:11) là một tín hữu người Do Thái cùng phục vụ Chúa với Phao-lô, nhưng chúng ta chẳng được biết gì về ông cả. Tên Giê-su (Giô-suê) là một tên phổ thông của người Do Thái, và một người Do Thái có thêm một tên La-mã nữa (Giúc-tu) vốn không phải là chuyện bất thường. Giăng Mác là một trường hợp như thế. Giê-su Giúc-tu đại diện cho số tín hữu tận trung phục vụ Đức Chúa Trời, nhưng công việc của họ đã không được công bố cho cả thế giới biết. Ông là một bạn đồng công với Phao-lô và là một người an ủi Phao-lô, và đó là tất cả những gì chúng ta được biết. Tuy nhiên, Chúa đã ghi nhận cách đầy đủ về cuộc đời và chức vụ của con người này, và sẽ ban thưởng tương xứng.

Lu-ca (4:14a) là một nhân vật rất quan trọng trong Hội thánh nguyên thủy. Ông là một người ngoại quốc, nhưng đã được Đức Chúa Trời chọn để viết sách Phúc Âm Lu-ca và sách Công vụ Sứ đồ. Có lẽ ông là trước giả người ngoại quốc duy nhất đã viết Thánh Kinh. Ông còn là một y sĩ và rất được Phao-lô yêu mến. Nghề y từng được người Hy Lạp kiêu toàn, và các lương y vốn rất được trọng vọng. Tuy Phao-lô có quyền năng để chữa bệnh cho người ta, ông vẫn đi đây đi đó với một y sĩ!

Lu-ca đã theo Phao-lô và đoàn truyền giáo tại Trô-ách (xin lưu ý đại danh từ chúng ta trong Cong 16:10). Lu-ca từng đi với Phao-lô đến Giê-ru-sa-lem (Cong 20:5tt) và cũng đi với ông đến Rô-ma (Cong 27:1tt). Chúng ta có thể tin rằng chính sự hiện diện cũng như khả năng chuyên môn của Lu-ca là một khích lệ lớn cho Phao-lô suốt những lúc gặp khó khăn. Nếu Đức Chúa Trời có thể và đã thêm sức cũng như chữa bệnh bằng phép lạ, Ngài cũng sử dụng các phương tiện sẵn có trong thiên nhiên, như thuốc men. Hội vợ chồng chúng tôi làm giáo sĩ bên Phi-châu, có một bạn y sĩ và vợ cùng đi với chúng tôi, và chúng tôi rất biết ơn sự giúp đỡ của họ.

Lu-ca đã ở lại với Phao-lô đến tận những ngày cuối cùng (ITi 4:11). Đức Chúa Trời đã dùng Lu-ca viết sách Công vụ để cho chúng ta phần lịch sử được linh cảm của Hội Thánh nguyên thủy và chức vụ của Phao-lô. Lu-ca là một tấm gương sáng chói về một con người có chức nghiệp, đã biết tận dụng các tài năng của mình để phục vụ Chúa và tận hiến để đi bất cứ nơi nào Đức Chúa Trời sai mình đi. Ông là một Cơ Đốc nhân được yêu mến, một lương y, một người bạn tận tụy, và là một sử gia thận trọng tất cả đều được gói ghém trong chỉ một người!

2. Người cầu nguyện (Co 4:12-13)

Chúng ta đã gặp Ê-pháp-ra ở phần đầu của bài nghiên cứu này, vì ông là người đã sáng lập Hội Thánh tại Cô-lô-se (Co 1:7-8). Ông đã được đưa đến với Đấng Christ nhờ chức vụ của Phao-lô tại Ê-phê-sô, và đã trở về quê nhà để chia sẻ tin mừng về sự cứu rỗi. Dường như Ê-pháp-ra cũng là người sáng lập các Hội Thánh tại Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-bô-li nữa (c.13). Theo danh từ hiện đại của chúng ta, thì Ê-pháp-ra là “một nhà truyền giáo quốc nội”.

Động cơ nào thúc đẩy Ê-pháp-ra chia sẻ Phúc Âm? Ông là một “tôi tớ của Chúa Giê-xu Christ” (c.12). Phao-lô gọi ông là “bạn đồng sự thiết nghĩa với chúng tôi... một kẻ giúp việc trung thành của Đấng Christ” (1:7). Ê-pháp-ra yêu mến Chúa Giê-xu Christ nên muốn phục vụ Ngài và chia sẻ bức thông điệp cứu rỗi của Ngài. Nhưng ông đã không làm việc ấy một mình. Ê-pháp-ra cũng tin tưởng vào chức vụ của Hội Thánh địa phương, và vào việc cộng tác với các thánh đồ khác. Ông không phải chỉ là “một tôi tớ” mà thôi, nhưng là “bạn đồng sự” với các tôi tớ của Đức Chúa Trời.

Ngày nọ tôi có trò chuyện với một uỷ viên chấp hành của một hội truyền giáo ngoại quốc về một người bạn chung đã bị bắt buộc phải từ chức tại nhiệm sở truyền giáo hải ngoại. Anh bạn của tôi giải thích: “Chẳng hề có vấn đề gì liên quan đến tội lỗi hay bất cứ điều gì giống như thế. Tất cả chỗ khó khăn cho anh ấy là anh ta thích sống đơn độc. Anh ta không thể cộng tác tốt với người khác. Lãnh vực truyền giáo đòi hỏi nỗ lực đồng đội hoặc chẳng có gì cả!”.

Một trong những bí quyết của chức vụ Ê-pháp-ra, ấy là sinh hoạt cầu nguyện của ông. Sở dĩ Phao-lô biết được việc này, vì Ê-pháp-ra và Phao-lô cùng ở chung một phòng, và khi Ê-pháp-ra cầu nguyện, thì Phao-lô biết rõ đâu là các đặc điểm của sinh hoạt cầu nguyện của nhân vật này?

Ông cầu nguyện không thôi (c.12). ông là một tấm gương tốt về lời răn bảo của Phao-lô “Phải bền đỗ.. trong sự cầu nguyện” (Co 4:2). Không phải Ê-pháp-ra chỉ cầu nguyện khi nào ông cảm thấy thích, như nhiều Cơ Đốc nhân ngày nay vẫn làm. Ông cũng không chỉ cầu nguyện khi có người bảo ông cầu nguyện hay khi các tín hữu khác cầu nguyện. Ông luôn cầu nguyện, cầu nguyện không thôi, để tìm cầu phước hạnh của Đức Chúa Trời.

Ông cầu nguyện nhiệt tình (chiến đấu trong khi cầu nguyện –c.12). Từ ngữ được dùng ở đây có nghĩa là “hấp hối”. Đó chính là từ ngữ đã được dùng chỉ cách cầu nguyện của Chúa chúng ta trong vườn Ghết-sê-ma-nê (Lu 22:44). Chúng ta có cảm tưởng rằng đối với Ê-pháp-ra, cầu nguyện là một vấn đề hệ trọng! Từ ngữ Hi-văn này vốn được dùng để mô tả các lực sĩ điền kinh lúc họ đặt toàn tâm toàn ý vào bộ môn thể thao của mình. Nếu các thành viên của Hội Thánh ngày nay cũng quan tâm và đặt hết nhiệt tình của họ vào sự cầu nguyện như họ vẫn có trong các môn bóng chày hay bowling, chắc chắn chúng ta sẽ có được một con phục hưng!

Ông cầu nguyện cho anh em (c.12). Ê-pháp-ra không cầu nguyện cho tất cả mọi người ở khắp nơi trên thế giới nói chung, và cũng không cầu nguyện cho riêng ai cả. Ông tập trung cầu nguyện cho các thánh đồ tại Cô-lô-se, Lao-đi-xe và Hi-ê-ra-bô-li. Chắc chắn ông đã nêu đích danh một số người nào đó trong số họ. Với Ê-pháp-ra cầu nguyện không phải là một tập quán tôn giáo phi ngã (impersonal), vì lòng ông luôn nhớ đến những người ấy, nên cũng cầu nguyện riêng cho họ nữa.

Ông cầu nguyện có chủ đích dứt khoát. Giả sử bạn hỏi Ê-pháp-ra: “Ông đang cầu nguyện gì thế?” Chắc ông có thể nói rõ ra với bạn. Ước muốn quan trọng nhất của ông, là toàn thể các tín hữu trong cả ba hội chúng đã kể trên được trưởng thành trong niềm tin Cơ Đốc. Phao-lô đã dùng bốn từ ngữ rất có ý nghĩa để tóm tắt lời cầu nguyện của Ê-pháp-ra, mà bốn từ ngữ này cũng tóm tắt bức thông điệp của Cô-lô-se: “toàn vẹn, đầy đủ, tất cả và ý muốn”.

Ê-pháp-ra quan tâm, muốn cho các Cơ Đốc nhân này biết rõ và làm theo ý chỉ Đức Chúa Trời. Nhưng ông cũng muốn họ tham gia mọi việc theo ý chỉ Đức Chúa Trời, chứ không phải chỉ tham gia một phần nào đó mà thôi (“Tất cả” là chữ chìa khoá trong thư Cô-lô-se, đã được dùng trên 30 lần). Ông cũng muốn họ đứng trọn vẹn và đầy đủ trong ý chỉ Đức Chúa Trời. Các giáo sư Trí huệ phải đề nghị đem đến cho các Cơ Đốc nhân này “sự hoàn thiện và trưởng thành”, nhưng họ đã không thể cung cấp các “sản phẩm” đó. Chỉ một mình Chúa Giê-xu Christ mới có thể ban cho chúng ta các phước hạnh ấy mà thôi “Vì sự đầy đầy của bản tánh Đức Chúa Trời thấy đều ở trong Đấng ấy như có hình. Anh em lại nhờ Ngài mà có được đầy đầy mọi sự, vì Ngài là đầu của mọi quyền cai trị và mọi thế lực” (Co 2:9-10).

Lời cầu xin này nêu ra ý tưởng về việc được trưởng thành và được đảm bảo trọn vẹn trong ý chỉ của Đức Chúa Trời bảo đảm cho, và đi đôi với gánh nặng cầu nguyện của Phao-lô (Co 2:2). “Sự đảm bảo đầy trọn trong ý muốn Đức Chúa Trời” là một phước hạnh phi thường! Người tín hữu không nhất thiết phải cứ trôi nổi trong cuộc sống. Người ấy có thể biết ý chỉ Đức Chúa Trời và vui hưởng được điều đó. Một khi đã biết ý chỉ Đức Chúa Trời và theo đó mà sống, thì người ấy sẽ trưởng thành trong đức tin và từng trải sự đầy trọn của Đức Chúa Trời.

Ông cầu nguyện bằng thái độ hi sinh (c.13-“hết sức nhiệt thành” hoặc “nhiều đau đớn”). Cầu nguyện thật sự rất khó. Lúc Chúa Giê-xu cầu nguyện trong vườn Ghết-sê-ma-nê, các giọt mồ hôi của Ngài đã nhỏ xuống như máu. Phao-lô từng “hết sức chiến tranh” (hấp hối” để cầu nguyện cho người Cô-lô-se (2:1), còn Ê-pháp-ra cũng đã từng trải sự “khó nhọc” như thế. Nói như thế không có nghĩa là bảo rằng chúng ta phải “vật lộn” với Đức Chúa Trời để được Ngài nhậm lời cầu nguyện của mình. Nhưng nó có nghĩa là chúng ta phải lao mình vào sự cầu nguyện thật nhiệt thành và toàn tâm toàn ý. Nếu không có gánh nặng, cũng sẽ chẳng có phước hạnh. Xin nhắc lại câu nói của John H. Jowett liên quan đến vấn đề truyền giảng “Cầu nguyện mà chẳng phải trả giá gì cả, thì cùng chẳng hoàn tất được chi cả”.

Tất cả những người đang ở với Phao-lô đều đã được nêu tên và khen ngợi bằng cách này hay cách khác, nhưng Ê-pháp-ra là người duy nhất đã được khen về chức vụ cầu nguyện. Nói như thế không có nghĩa là bảo rằng những người khác đã không cầu nguyện, mà chỉ ngụ ý rằng cầu nguyện là môi

quan tâm và là chức vụ chủ yếu của ông. Ê-pháp-ra là bạn đồng tù với Phao-lô (Phil 1:23) – nhưng cả đến việc tù tội giam cầm cũng không ngăn trở được ông vào tận các hành lang trên thiên đàng để cầu nguyện cho các anh chị em của mình trong các Hội Thánh.

E.M.Bounds là một chiến sĩ cầu nguyện của thế hệ vừa qua. Ông thường dậy sớm vào buổi sáng cầu nguyện nhiều giờ trước khi bắt đầu công việc trong ngày. Con số rất nhiều quyển sách của ông viết về sự cầu nguyện đã chứng thực sự kiện ông Bounds cũng như Ê-pháp-ra, vốn biết cách chiến đấu để cầu nguyện trước mặt Đức Chúa Trời (Nếu bạn chưa bao giờ đọc sách). Quyền năng của sự cầu nguyện của E.M.Bounds, xin hãy tìm đọc quyển sách ấy). Tôi rất cảm động về sự kiện Ê-pháp-ra đã cầu nguyện cho các tín hữu trong ba thành phố khác nhau. Ngày nay, chúng ta sẽ được phước biết bao nếu các thành viên của Hội Thánh chịu cầu nguyện cho vị mục sư và Hội Thánh của họ, chớ chưa nói chi đến các tín hữu ở những nơi khác! Có lẽ một lý do khiến con phục hưng vẫn chậm đến, là vì chúng ta vẫn chưa sốt sắng cầu nguyện lẫn cho nhau.

3. Con người lầm lạc (Co 4:14b)

Đê-ma chỉ được đề cập ba lần trong các bức thư của Phao-lô, mà ba lần ấy đều nói lên một câu chuyện buồn. Thứ nhất, ông được gọi là “Đê-ma...bạn cùng làm việc với tôi” và được gắn liền với ba người tốt khác: Mác, A-ri-tạc, và Lu-ca (Phil 1:24). Nhưng rồi ở đây, ông chỉ được gọi đơn giản là “Đê-ma” mà chẳng còn một từ đặc biệt nào về lý lịch hay nhằm khen ngợi cả (Co 4:14). Nhưng lần đề cập thứ ba cho biết Đê-ma đã trở thành người như thế nào “Vì Đê-ma đã lìa bỏ ta rồi, tại người ham hố đời này, và đã đi qua thành Tê-sa-lô-ni-ca. Cơ-rét-xen đi trong xứ Ga-la-ti, còn Tít thì đi xứ Đa-ma-ti rồi” (ITi 4:10).

Đã có một lần trong đời sống mình, Giăng Mác từng lìa bỏ Phao-lô, nhưng rồi ông đã biết hối lỗi và được phục hồi địa vị. Đê-ma thì bỏ Phao-lô luôn, và dường như đã chẳng bao giờ biết hối lỗi. Tội của ông là ham mến đời này. Từ ngữ “đời này” ám chỉ cả hệ thống của mọi việc xảy ra trên thế gian này hay “xã hội không có Đức Chúa Trời”. Trong thư tín thứ nhất của mình sứ đồ Giăng đã vạch rõ rằng thế gian quyến rũ người tín hữu bằng “sự mê tham của xác thịt, mê tham của mắt, và sự kiêu ngạo của đời” (IGi 2:15-17). Chúng ta không được biết cái bẫy nào trong số đó đã bắt Đê-ma có lẽ ông đã sa vào cả ba.

Nhưng chúng ta biết các Cơ Đốc nhân ngày nay có thể sa ngã vào trong thế gian, y như Đê-ma vậy. Thật là dễ dàng duy trì một lớp sơn tôn giáo bề ngoài, trong khi chúng ta sống trọn thời gian cho những điều thuộc về thế gian này. Đê-ma tưởng ông có thể làm tôi hai chủ, nhưng cuối cùng đã phải quyết định nhưng tai hại thay, ông lại quyết định sai.

Chắc Phao-lô đã bị mất mát lớn khi Đê-ma lìa bỏ ông. Công việc Chúa cũng bị thiệt hại, vì chưa bao giờ số người hầu việc Chúa lại có số đông cả. Nhưng quyết định ấy gây thiệt hại cho chính Đê-ma nhiều nhất, vì ông đã lãng phí cả cuộc đời vào lãnh vực chống suy tàn. “Ai làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì còn lại đời đời” (IGi 2:17).

Sau khi nhắn lời chào thăm bạn bè và các bạn đồng công, bản thân Phao-lô gửi lời chào thăm các Hội Thánh tại Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-bô-li. Những người này vốn chưa từng thấy Phao-lô (Co 2:1), thế nhưng ông rất quan tâm đến họ và phúc lợi thuộc linh của họ.

Chúng ta chẳng biết gì về Nim-pha cả, ngoại trừ việc có một Hội Thánh đang họp trong nhà ông (có một số bản dịch ghi tên người này là Nympha dường như ngụ ý cho thấy người tín hữu này là một phụ nữ). Trong thế kỷ thứ nhất, các hội chúng địa phương nhóm lại tại các tư gia. Ngay cả hiện tại, nhiều Hội Thánh địa phương mới cũng bắt đầu theo cách này. Chỉ sau khi Cơ Đốc giáo thoát ra khỏi cơn bắt bớ bách hại và được chính quyền chính thức thừa nhận, các nhà thờ mới được xây dựng. Hội chúng họp nhau tại đâu thì chẳng quan trọng bao nhiêu, bao lâu có Chúa Giê-xu Christ là trung tâm của mỗi thông công đó (về các thí dụ khác liên quan đến “Hội Thánh tư gia” xem Ro 16:5 và ICô 16:19).

Mối quan tâm lớn của Phao-lô là Lời Đức Chúa Trời đọc và học hỏi nghiên cứu trong các Hội Thánh ấy. Động từ “đọc” ở đây có nghĩa là đọc lớn tiếng. Bấy giờ vẫn chưa có nhiều bản sao các bức

thư cho từng thành viên một. Riêng tôi có niềm tin quyết rằng chúng ta cần quay trở lại với việc tuyên đọc Lời Đức Chúa Trời trước công chúng trong nhiều Hội Thánh. “Hãy chăm chỉ đọc sách” (ITi 4:13) có nghĩa là đọc Lời Đức Chúa Trời trước hội chúng.

Cần lưu ý là các bức thư khác nhau của Phao-lô đều thích hợp cho tất cả các hội chúng này. Trong khi thi hành chức vụ, tôi đã chia sẻ Lời Chúa tại nhiều nơi và trong nhiều hoàn cảnh, và Lời ấy bao giờ cũng đi vào lòng người và đáp ứng các nhu cầu của họ. Cả trong những nền văn hoá khác nhau, Lời Đức Chúa Trời vẫn là một bức thông điệp cho tâm lòng người ta. Chúng ta chẳng cần phải viết lại hay thay đổi Lời Chúa thì mới đáp ứng được các nhu cầu khác nhau trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, vì Lời Đức Chúa Trời luôn luôn sẵn sàng để ứng dụng vào mọi hoàn cảnh.

Bức thư ở Hội Thánh Lao-đi-xê gợi đến là bức thư nào? Chúng ta không được biết chắc. Một số học giả nghĩ rằng thư Ê-phê-sô chính là bức thư bị lạc mất này, nhưng ý kiến ấy chỉ hoàn toàn do suy luận mà thôi. Sự kiện bức thư ấy đã bị thất lạc không có nghĩa là chúng ta bị thiếu mất một phần của Lời được linh cảm của Đức Chúa Trời. Một số thư từ mà Phao-lô trao đổi với Hội Thánh tại Cô-rinh-tô cũng đã bị thất lạc. Đức Chúa Trời chẳng những đã linh cảm cho Lời của Ngài, và ơn thần hựu của Ngài luôn luôn quan phòng để tất cả những di được kể trong Lời ấy không bao giờ bị thất lạc. Thay vì thắc mắc về những gì chúng ta không có, chúng ta phải tự ứng dụng cho mình những gì mình đang có.

Khi đối chiếu Co 4:17 với Phi-lê-môn, chúng ta có cảm tưởng rằng A-chíp thuộc về gia đình Phi-lê-môn. Rất có thể ông là con trai của Phi-lê-môn và là mục sư của Hội Thánh đang họp tại nhà của Phi-lê-môn. Lẽ dĩ nhiên chúng ta không chứng minh được điều này, nhưng dường như đó là câu kết luận hợp lý. Và kết luận như thế sẽ khiến cho Áp-bi được hiểu là vợ của Phi-lê-môn.

Những lời cuối cùng của Phao-lô trước lời chào từ biệt được nhằm vào A-chíp như một lời khích lệ hãy cứ tiếp tục trung tín trong chức vụ. Phải chăng A-chíp đã chán nản, thất vọng? Phải chăng các giáo sư giả theo Trí huệ phái đã xâm nhập Hội Thánh và tạo ra nhiều vấn đề cho ông? Chúng ta không biết. Nhưng điều chúng ta biết là quý vị mục sư trong các chi hội địa phương luôn luôn gặp nhiều vấn đề và có nhiều gánh nặng, và các vị ấy thường cần một lời khích lệ.

Phao-lô nhắc nhở A-chíp rằng chức vụ của ông là một ân tứ Đức Chúa Trời ban, và rằng ông là một người quản lý của Đức Chúa Trời, sẽ có ngày phải khai trình lại công tác của mình. Vì Chúa đã ban cho A-chíp chức vụ ấy, Ngài cũng có thể giúp ông thực hiện nó thật thích hợp. Chức vụ không phải là điều chúng ta làm cho Đức Chúa Trời nó là điều mà Đức Chúa Trời làm trong và qua trung gian chúng ta.

Từ ngữ “làm cho thật trọn vẹn” mang theo nó ý niệm rằng Đức Chúa Trời có các chủ đích nhất định cho các tội tớ Ngài phải hoàn thành. Công việc Ngài làm trong chúng ta và qua chúng ta nhằm hoàn tất các việc tốt lành mà Ngài đã chuẩn bị cho chúng ta (xem Eph 2:10). Lẽ dĩ nhiên “làm cho thật trọn vẹn” cũng song hành với luận đề của thư Cô-lo-se – sự hoàn thiện viên mãn của Chúa Giê-xu Christ đang sẵn sàng để cung cấp cho từng tín hữu một. Sở dĩ chúng ta hoàn thành được các chức vụ của mình, là nhờ chúng ta đã được “đổ đầy” qua trung gian Chúa Giê-xu Christ.

Nếu chúng ta không đem giáo lý của Kinh Thánh ra ứng dụng vào thực tế thì công lao học hỏi nghiên cứu của chúng ta chỉ là vô ích mà thôi. Sau khi đọc và nghiên cứu bức thư này, chúng ta không thể thấy gì khác hơn là trong Chúa Giê-xu Christ, chúng ta có tất cả những gì chúng ta muốn và cần. Tất cả những gì là hoàn thiện, viên mãn của Đức Chúa Trời đều ở trong Chúa Giê-xu Christ, mà chúng ta thì đã được khiến trở nên hoàn thiện trong Ngài. Thật là một lời khích lệ diệu kỳ cho A-chíp! Thật là một khích lệ lớn cho chúng ta ngày nay!

Phao-lô thường đọc các bức thư của ông cho một người thư ký viết (Ro 16:22) rồi sau đó mới ký tên mình vào cuối thư. Ông luôn luôn thêm một câu về ân điển của Đức Chúa Trời, vì đó là “nhân hiệu” của ông (ITe 3:17,18). Việc kết hợp giữa chữ ký của ông với “ân điển của Đức Chúa Trời” chứng thực rằng bức thư này là thật.

Tân Ước có nhiều câu đề cập các xiềng xích của Phao-lô và sự kiện ông là một tù nhân (Cong 20:23 23:18,29 26:29 Phi 1:7,13-14,16 ITi 1:8 2:9 Phil 1:10,13 Eph 3:1 4:1). Tại sao Phao-lô lại muốn họ nhớ về các xiềng xích của ông? Trước hết vì các xiềng xích ấy nhắc cho họ nhớ về tình yêu của ông đối với các linh hồn còn đang bị hư vọng, nhất là những người ngoại quốc. Ông là người “vì anh em là người ngoại mà làm kẻ tù của Đức Chúa Giê-xu Christ” (Eph 3:1). Xiềng xích của Phao-lô là chứng cứ của việc ông vâng lời Chúa và sẵn sàng chịu trả bất cứ giá nào, để người ngoại quốc có thể được nghe Phúc Âm!

Ngay cả hiện nay, vẫn có nhiều Cơ Đốc nhân tận hiến đang mang xiềng xích vì tận rung với Đức Chúa Trời. Chúng ta phải nhớ đến họ và cầu nguyện cho họ. “Hãy nhớ những kẻ mắc vòng xiềng xích, như mình cùng phải xiềng xích với họ, lại cũng hãy nhớ những kẻ bị ngược đãi, vì mình cũng có thân thể giống như họ” (He 13:3)

Khi sắp kết thúc phần nghiên cứu của chúng ta về bức thư nổi tiếng này, chúng ta phải tự nhắc nhở rằng bản thân chúng ta đã được trọn vẹn trong Đấng Christ. Chúng ta phải cảnh giác đối với bất cứ một lời truyền dạy nào tự xưng là có thể ban cho chúng ta “thêm một điều gì đó” nhiều hơn là những gì chúng ta đã có được trong Chúa Giê-xu Christ rồi. Tất cả sự hoàn thiện, viên mãn của Đức Chúa Trời đều đã có trong Ngài, và Ngài đã trang bị hoàn toàn đầy đủ cho đời sống mà Đức Chúa Trời muốn cho chúng ta phải sống. Chúng ta không sống và tăng trưởng nhờ điều gì đó được thêm vào, nhưng là nhờ tự tiếp nhận lấy cho mình điều Đức Chúa Trời đã dành sẵn cho chúng ta trong Chúa Giê-xu Christ.

Nguyện Chúa giúp chúng ta sống như những người đã được hoàn thiện trong Đấng Christ.